
THAM THIÊN YẾU CHỈ

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Quển Tham Thiên Yếu Chỉ là những lời chỉ dạy thiết yếu về phương pháp tham thiền của hòa thượng Hư Vân, chúng tôi sưu tập lại để cho người tu thiền biết được đường lối mà tu. Về phần tiểu sử của ngài trong các sách Phật giáo đều có in ấn, nên tôi chỉ giới thiệu sơ qua.

Hòa thượng Hư Vân là một thiền sư thời cận đại ở Trung Hoa, tu theo Thiền công án mà ngộ đạo, được nhiều người quý kính và tôn trọng.

Quyển Tham Thiên Yếu Chỉ này gồm có năm phần.

THÍCH THANH TỪ

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TIÊN CỦA SỰ THAM THIỀN

Chánh văn:

Mục đích tham thiền là cầu được minh tâm kiến tánh. Muốn thế, phải gạt bỏ các thứ nhiệm ô của tự tâm, thấy rõ mặt thật của tự tánh. Nhiệm ô tức là vọng tưởng chấp trước. Tự tánh là đức tướng trí tuệ Như Lai. Đức tướng trí tuệ Như Lai, chư Phật và chúng sanh đồng có đủ, không hai không khác. Nếu rời vọng tưởng chấp trước là chứng được đức tướng trí tuệ Như Lai của mình; phải thế là Phật, không phải thế là chúng sanh. Chỉ vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay mê muội đắm chìm trong sanh tử, nhiệm ô đã lâu, không thể trong chốc lát thoát được vọng tưởng, thật thấy bản tánh, vì thế nên phải tham thiền. Điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiền là trừ diệt vọng tưởng.

Phương pháp trừ vọng tưởng như thế nào? Đức Phật Thích-ca-mâu-ni nói phương pháp rất nhiều, nhưng rất giản lược chẳng qua một chữ “hết”, “hết là Bồ-đề”. Thiên tông do tổ sư Đạt-ma truyền sang Trung Hoa, sau đến đức Lục Tổ, tông phong bủa khắp sáng chiếu cổ kim. Câu rất khẩn yếu mà đức tổ sư Đạt-ma và Lục Tổ khai thị cho môn đồ là “Trừ sạch các duyên, một niệm không sanh”. Trừ sạch các duyên tức là vạn duyên buông hết. Hai câu “Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh” chính là điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiên. Hai câu ấy nếu thực hiện không được, tham thiên chẳng những nói không thành công mà vào cửa cũng không thể được. Bởi vì vạn duyên còn ràng buộc, niệm niệm mãi sanh diệt, ông làm sao tham thiên được?

“Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh” là điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiên, dĩ nhiên chúng ta đã biết. Nhưng phải làm thế nào mới có thể thực hiện được? Có hai cách:

1. Bậc thượng, một niệm hằng dứt, thẳng đến vô sanh liền chứng Bồ-đề, không còn một mảy may ràng buộc.

2. Bậc thứ, dùng lý trừ sự, biết rõ tự tánh xưa nay vẫn thanh tịnh, phiền não Bồ-đề, sanh tử Niết-bàn đều là giả danh không can dự gì đến tự tánh của ta. Muôn sự muôn vật đều là việc chiêm bao, huyễn hóa, hòn bọt, cái bóng. Sắc thân tứ đại của ta đây và sơn hà đại địa ở trong tự tánh như hòn bọt

ngoài bề cả, mặc tình sanh diệt không ngại gì bản thể. Ta không nên theo sự sanh, trụ, dị, diệt của tất cả cái huyễn hóa ấy mà khởi ưa, chán, thủ, xả. Toàn thân buông hết như người chết không khác, tự nhiên căn, trần, thức, tâm tan biến; tham, sân, si, ái diệt sạch. Mọi việc đau nhức, khổ vui, đói lạnh, no ấm, vinh nhục, sanh tử, họa phước, kiết hung, chê khen, được mất, an nguy, khó dễ v.v... nơi thân một mực đẩy chúng ra ngoài. Có thể mới mong buông hết. Một buông, tất cả đều buông, mãi mãi buông gọi là vạn duyên buông hết. Vạn duyên buông hết rồi, vọng tưởng tự tiêu, phân biệt không khởi, các chấp trước hăng xa lìa. Khi ấy, một niệm không sanh, tự tánh sáng suốt, toàn thể hiện bày. Được vậy là điều kiện tham thiền đã đầy đủ, lại dụng công chân thật tham cứu mới có thể được minh tâm kiến tánh.

Hằng ngày thường có các vị tu thiền đến hỏi câu thoại đầu. Phàm là pháp vốn không phải pháp, một khi rơi vào ngôn ngữ tức không phải thật nghĩa. Biết được một tâm này xưa nay là Phật, ngay đó vô sự muôn việc hiện thành, nói tu nói chứng đều là ma thuyết. Đức Đạt-ma sang Trung Hoa “Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”. Chỉ bày rành rõ tất cả chúng sanh đều là Phật. Thẳng đó nhận được tự tánh thanh tịnh này, tùy thuận không nhiễm ô, trong hai mươi bốn giờ đi đứng ngồi nằm tâm không khởi vọng, ấy là hiện thân thành Phật; chẳng cần dụng tâm dụng lực, cũng chẳng cần tạo tác thi vi,

không nhọc mảy may suy nghĩ nói năng. Do đó, nói thành Phật là việc rất dễ dàng, rất tự tại, đạt được là tại nơi ta, không phải cầu bên ngoài. Tất cả chúng sanh trên thế giới này, nếu thật không cam chịu trường kiếp trầm luân trong tứ sanh lục đạo, hằng đắm chìm nơi bể khổ, muốn thành Phật được thường, lạc, ngã, tịnh, phải tin lời chân thật của Phật tổ “buông hết tất cả, không nghĩ nhớ thiện ác”, mỗi người khả dĩ liền đó thành Phật. Chư Phật Bồ-tát và lịch đại chư vị tổ sư phát nguyện độ hết tất cả chúng sanh, không phải là không bằng cứ, đâu phải chỉ hứa nguyện suông.

Đã nói ở trên, pháp vốn như vậy, Phật tổ lắm phen dạy rõ căn dặn kỹ càng, là chân ngữ thật ngữ, không một mảy hư dối. Phật do lòng đại từ bi không nệ tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay mê muội chìm đắm trong biển khổ sanh tử, vừa ra lại vào, luân chuyển không dừng, mê lầm điên đảo, trái tánh giác hợp vọng trần. Ví như vàng ròng bỏ vào hầm phần, không những chẳng dùng được mà lại nhơ nhớp quá lắm. Ngài bất đắc dĩ nói ra tám muôn bốn ngàn pháp môn, tùy căn cơ chẳng đồng của chúng sanh dùng đối trị tham, sân, si, ái v.v... tám muôn bốn ngàn bệnh tập khí vi tế. Như vàng đã dính các thứ nhơ nhớp, mới dạy người dùng sạn, bàn chải, nước, vải v.v... để mài giữa, chùi rửa nó. Sở dĩ Phật nói pháp, mỗi môn đều là diệu pháp, đều có thể liễu thoát sanh tử, thành Phật đạo. Chỉ có vấn đề hợp cơ hay không hợp cơ, không cần phân biệt

pháp môn cao hay thấp. Pháp môn lưu truyền ở Trung Hoa rất phổ thông là Tông, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Năm pháp môn này tùy căn tánh và chỗ hứng thú của mỗi người thực hành môn nào cũng tốt. Quan trọng là trong một môn được thâm nhập, trải thời gian lâu không đổi thay, như vậy khả dĩ thành tựu.

Về Tông môn chủ trương tham thiền, tham thiền cốt “Minh tâm kiến tánh”, cần tham suốt được cái “bản lai diện mục của mình”, nên nói “Giác ngộ tự tâm, thấy suốt bản tánh”. Pháp môn này phát nguyên từ hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen, ngài Ca-diếp cười chum chim, đến tổ sư Đạt-ma truyền sang Trung Hoa, về sau chỗ hạ thủ công phu đã từng thay đổi. Các bậc Thiền đức trước đời Đường đời Tống phần nhiều nghe một lời hoặc nửa câu được ngộ đạo. Thầy trò truyền nhau chẳng qua dùng tâm ấn tâm, không có một thật pháp. Ngày thường thưa hỏi, trả lời cũng chẳng qua tùy cách phá chấp, theo bệnh cho thuốc mà thôi. Từ đời Tống về sau, người học đạo căn tánh yếu ớt cạn hẹp, nói được mà làm không được. Ví như nói “buông hết tất cả”, “không nghĩ thiện ác”, thả đều buông mà không hết, không nghĩ thiện thì nghĩ ác. Đến thời đại này tổ sư bất đắc dĩ dùng biện pháp lấy độc trừ độc, dạy người học tham công án. Ban đầu khán thoại đầu thậm chí thiết tha cắn chặt một câu “tử thoại đầu”, dạy phải nghiên ngẫm cấp bách không một sát-na lơ lửng, giống như con chuột khoét rương cắn mãi một chỗ,

chưa phủng thì không dừng. Dạy như vậy, mục đích lấy một niệm trừ muôn niệm. Kỳ thật, đó cũng là một biện pháp bất đắc dĩ, như mụn nhọt độc trong thân, nếu không dùng dao mổ thì bệnh khó lành. Công án của cổ nhân rất nhiều, sau này chuyên dạy khán thoại đầu, khán “Mang thầy thối ấy là gì?”, khán “Trước khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt thật xưa nay của ta?” Gần đây, các nơi phần nhiều dùng một câu thoại đầu khán “Niệm Phật là gì?”. Kỳ thật, những câu thoại đầu đều cùng một loại, đều rất bình thường không có gì kỳ lạ đặc biệt. Có thể ta nói: khán “Niệm kinh là gì?”, khán “Trì chú là gì?”, khán “Lễ Phật là gì?”, khán “Đi đường là gì?”, khán “Ngủ mới thức là gì?”... đều cùng một loại như nhau. Sau chữ “gì” là đáp án, nó vốn là tâm. Thoại (lời nói) từ tâm khởi, tâm là đầu của thoại. Niệm từ tâm khởi, tâm là đầu của niệm. Muôn pháp đều từ tâm khởi, tâm là đầu của muôn pháp. Kỳ thật, thoại đầu tức là niệm đầu, trước niệm chính là tâm. Nói thẳng, trước khi một niệm chưa sanh là thoại đầu. Do đây, chúng ta biết khán thoại đầu tức là quán tâm. Trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt thật xưa nay tức là tâm. Khán trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt thật xưa nay là quán tâm. Tánh cũng tức là tâm. Câu “Phản văn văn tự tánh” (xoay cái nghe nghe tự tánh) là phản quán quán tự tâm. Câu “Viên chiếu thanh tịnh giác tướng” (chiếu khắp tướng giác thanh tịnh), thanh tịnh giác tướng tức là tâm, chiếu tức là quán. Tâm tức là Phật,

niệm Phật tức là quán Phật, quán Phật tức là quán tâm. Sở dĩ nói “khán thoại đầu” hoặc nói “khán niệm Phật là gì” đều là quán tâm, quán chiếu giác thể tự tâm thanh tịnh, là quán chiếu Phật tánh của mình. Tâm tức là tánh, tức là giác, tức là Phật, không có hình tướng chỗ nơi, trọn không thể được, sẵn vậy thanh tịnh, khắp cả pháp giới, không ra không vào, không qua không lại, chính là xưa nay hiện thành pháp thân Phật thanh tịnh. Hành nhân thu nhiếp lục căn, khán từ chỗ một niệm mới sanh, soi xét một câu thoại đầu này, khán đến chỗ tự tâm thanh tịnh ly niệm. Lại tiến lên, càng thâm kín dày đặc, lặng lẽ yên tịnh, tuy tịch mà chiếu, thẳng đó ngũ uẩn đều không, thân tâm đều vắng lặng, hoàn toàn không có một việc. Từ đây ngày đêm đi đứng ngồi nằm như như không động, càng lâu công phu càng dày liền được thấy tánh thành Phật, vượt qua mọi khổ ách. Xưa tổ sư Cao Phong nói: “Người học đạo hay khán một câu thoại đầu, như gieo hòn gạch xuống hồ sâu muôn trượng, rơi thẳng tận đáy, được vậy trong bảy ngày, nếu không khai ngộ, lão tăng xin dâng thủ cấp.” Bạn đồng tham thiền! Câu nói của người xưa là chân ngữ, thật ngữ, không phải lời nói dối trá lừa đảo đâu!

Nhưng, tại sao người hiện thời khán thoại đầu rất nhiều, mà không có mấy người ngộ đạo? Ấy là do người hiện thời căn cơ không bằng người xưa, cũng tại người học đạo đường lối tham thiền khán thoại đầu đa số không rành rõ. Có người tham đông

hỏi tây, cầu nam thỉnh bắc, kết quả chỉ là loạn động đến già, một câu thoại đầu vẫn không rành rõ, không biết thế nào là thoại đầu thì làm sao khán thoại đầu? Một đời chỉ chấp trước ngôn cú, danh tướng, dụng tâm tại thoại vĩ (đuôi lời nói) mà thôi. Hoặc có người “Khán niệm Phật là gì?”, hoặc “Chiếu cố thoại đầu”, khán qua khán lại, tham tới tham lui cùng câu thoại đầu đông tây chạy ngược nhau. Như vậy, làm sao hội ngộ được cái vô vi đại đạo bản nhiên này? Làm sao đến được cái vương vị tất cả không thọ? Hoặc có người bỏ mặt vàng vào con mắt, con mắt bị mù, làm sao được phóng quang sáng suốt? Đáng thương thay! Đáng thương thay! Có những người hảo tâm xuất gia chí nguyện phi phạm, mà kết quả chỉ một bề nhọc công vô ích, rất đáng thương xót! Người xưa nói: “Thà đành ngàn năm không ngộ, không cam một ngày sai lầm.”

Người tu hành ngộ đạo dễ mà khó, khó mà dễ, giống như vặn nút đèn điện, biết thì khoảng khảy móng tay đèn cháy sáng trưng, cái đèn tối muôn năm liền hết, không biết thì vặn máy hỏng đèn hư, phiền não càng tăng trưởng. Có một ít người tham thiền khán thoại đầu bị ma phát điên, thổ huyết, mắc bệnh, bởi vì lửa vô minh quá to, chấp nhân ngã thật dày, đó là những gương rất rõ ràng. Sở dĩ người dụng công cốt khéo điều hòa thân tâm, cần phải tâm bình khí hòa, không chướng ngại, không nhân ngã, đi đứng ngồi nằm khéo hợp với máy huyền diệu.

Pháp tham thiền xưa nay không có phân biệt, chỉ do công phu tu tập, sơ tham có khó và dễ, lão tham cũng có khó và dễ. Cái khó của người sơ tham là thế nào? Vì thân tâm không thuần thực, đường lối chưa rành rõ, dụng công không đến nơi, nếu trong tâm không chấp cấp bách thì bị bệnh ngủ gật qua ngày, kết quả thành: “Năm đầu sơ tham, năm thứ hai lão tham, năm thứ ba không tham.” Cái dễ là sao? Chỉ cần đầy đủ tín tâm, tâm lâu bền và vô tâm. Tín tâm, một là tin tâm ta đây xưa nay là Phật, cùng chư Phật mười phương và chúng sanh không khác; hai là tin pháp của đức Phật Thích-ca-mâu-ni nói, mỗi pháp đều được liễu sanh thoát tử và thành Phật đạo. Tâm lâu bền, phải tuyển chọn nhất định một pháp, trọn đời thực hành, cho đến đời sau và đời sau nữa đều như thế hành trì. Nếu là tham thiền thì cứ như thế mà tham, nếu niệm Phật thì cứ như thế mà niệm, nếu trì chú thì cứ như thế mà trì, nếu học giáo lý thì cứ từ văn, tư, tu mà thực hành. Dù tu một pháp môn nào cũng lấy giới làm căn bản. Nếu đúng như vậy mà thực hành sau này nhất định thành công. Lão nhân Quy Sơn nói: “Nếu có người hay thực hành pháp này (tham thiền) ba đời không lui sụt, quả vị Phật quyết định có ngày.” Lão nhân Vĩnh Gia nói: “Nếu dùng vọng ngữ lừa chúng sanh, hằng đọa địa ngục Bạt Thiệt số kiếp như cát bụi.” Vô tâm chính là buông hết tất cả, giống hệt như người chết, trọn ngày tùy chúng làm việc mà không khởi một điểm phân biệt chấp trước,

thành một vị đạo nhân vô tâm. Người sơ tham đây đủ ba tâm ấy rồi, nếu tham thiên khán thoại đầu, nên khán “Niệm Phật là gì?” Ông tự thâm niệm ít tiếng “A-di-đà Phật”, khán cái niệm Phật đó là gì? Một niệm ấy từ chỗ nào phát khởi? Nên biết, một niệm ấy không phải từ miệng ta khởi, cũng không phải từ thân thịt ta khởi. Nếu từ thân miệng ta khởi, khi ta chết rồi thân miệng vẫn còn sao không thể niệm? Phải biết, một niệm này là từ tâm ta khởi, tức từ chỗ tâm niệm khởi phải chăm chăm nhìn thẳng nơi đó, như mèo rình chuột, toàn thể tinh thần tập trung vào một chỗ này, không có niệm thứ hai. Chỉ cần giữ trung bình giữa hoãn và gấp, không cho gấp quá sẽ phát bệnh chướng. Đi đứng ngồi nằm đều giữ như vậy, lâu ngày công phu đầy đủ, thời tiết nhân duyên đến, một phen xúc chạm quả dưa chín cuống rụng bỗng nhiên đại ngộ. Khi ấy, như người uống nước lạnh nóng tự biết, thẳng đến chỗ không nghi ngờ, như ở ngã tư đầu đường gặp được cha rất an vui.

Cái khó dễ của người lão tham thế nào? Lão tham là người đã gần gũi thiện tri thức, dụng công nhiều năm, đã trải qua một phen luyện lọc thân tâm thuần thực, đường lối rành rõ, dụng công một cách tự tại không thấy cay đắng. Cái khó của bậc thượng tọa lão tham chính là dừng trụ trong chỗ tự tại sáng suốt, nghỉ trong Hóa thành không đến Bảo sở. Hay tịnh không hay động, không thể được cái chân thật thọ dụng; thậm chí gặp cảnh sanh tình

thủ xả như xưa, ưa chán cũng hiện rõ. Vọng tưởng thô và tế vẫn nguyên vẹn bền chắc, chỗ dụng công như hòn đá ngâm nước lạnh không có tác dụng, lâu dần cũng sanh mỗi mọt, trọn không thể đắc quả khởi dụng. Thượng tọa lão tham! Biết được cái khốn khó này rồi, lập tức đề khởi câu thoại đầu cũ, phấn chấn tinh thần, đầu sào trăm trượng lại bước vượt lên, thẳng đến đỉnh núi cao chót vót mà đứng, tận đáy biển sâu thăm thẳm mà đi, buông tay tung hoành, cùng gập gỡ chư vị Phật tổ, những cái khốn khó đâu còn, không dễ là gì?

Thoại đầu tức là nhất tâm, cái nhất tâm này của chúng ta không phải ở trong, ngoài và chặng giữa, mà cũng ở trong, ngoài và chặng giữa, như hư không không động mà khắp tất cả chỗ. Sở dĩ thoại đầu không nên đem lên trên, cũng không nên đè xuống dưới. Đem lên trên thì dẫn khởi tán loạn, đè xuống dưới thì rơi vào hôn trầm, trái với tánh chất bản tâm, đều không phải là Trung đạo. Các vị sợ vọng tưởng, cho hàng phục vọng tưởng là rất khó khăn. Tôi xin thưa quý vị, không nên sợ vọng tưởng cũng không cần phí sức hàng phục vọng tưởng. Các vị chỉ cần nhận ra vọng tưởng, không chấp trước nó, không tùy thuận nó, cũng chẳng cần xua đuổi nó, chỉ không cho tiếp tục thì vọng tưởng tự lìa. Nên nói: “Vọng khởi liền biết, biết vọng liền lìa.” Nếu khéo lợi dụng vọng tưởng khởi công phu, khán vọng tưởng này từ chỗ nào phát sanh. Vọng tưởng không tánh chính nó là không, tức là tâm tánh

vốn không của ta, tự tánh thanh tịnh pháp thân Phật ngay đây được hiện tiền. Xét thật mà nói, chân vọng một thể, chúng sanh và Phật không hai, sanh tử Niết-bàn, phiền não Bồ-đề đều là bản tâm bản tánh, không cần phân biệt, không cần ưa chán, không cần thủ xả. Tâm thanh tịnh này xưa nay là Phật, không nhận một pháp, làm gì có nhiều mối. Tham!

Giảng:

Mục đích tham thiền là cầu được minh tâm kiến tánh. Muốn thế, phải gạn lọc các thứ nhiễm ô của tự tâm, thấy rõ mặt thật của tự tánh. Nhiễm ô tức là vọng tưởng chấp trước. Tự tánh là đức tướng trí tuệ Như Lai. Đức tướng trí tuệ Như Lai, chư Phật và chúng sanh đồng có đủ, không hai không khác. Nếu rời vọng tưởng chấp trước là chúng được đức tướng trí tuệ Như Lai của mình; phải thế là Phật, không phải thế là chúng sanh.

Mục đích tham thiền là cầu được minh tâm kiến tánh. Minh tâm là sáng được tâm, kiến tánh là nhận thấy được bản tánh của chính mình. Người tu thiền cốt làm sao rõ được tâm chân thật và nhận ra bản tánh sẵn có của mình. Muốn thế, phải gạn lọc các thứ nhiễm ô của tự tâm, thấy rõ mặt thật của tự tánh. Mỗi người đều sẵn có tâm chân thật, thể tánh bất sanh bất diệt, nhưng vì những thứ nhiễm ô che đậy làm cho khuất lấp nên không thấy được. Chúng ta tu là phải gạn lọc các thứ nhiễm ô để thấy được bản tâm, rõ được bản tánh của mình. Nhiễm ô là gì? Nhiễm ô tức là vọng tưởng chấp trước. Vọng tưởng chấp trước từ thuở nào đến giờ,

cái đó làm cho khuất lấp tánh chân thật, nên gọi nó là nhiễm ô.

Đức tướng trí tuệ Như Lai, chư Phật và chúng sanh đồng có đủ, không hai không khác. Nhiễm ô là vọng tưởng phiền não, còn đức tướng trí tuệ Như Lai là tự tánh của chính mình, tất cả chư Phật và chúng sanh đồng đầy đủ, không hai không khác. Đức tướng trí tuệ ở chư Phật có đủ, điều đó không nghi ngờ; còn nói chúng ta cũng sẵn đủ như chư Phật thì tại sao lại làm chúng sanh? Bởi vì có mà quên, nên để cho nhiễm ô che lấp. Bây giờ muốn thấy được thì phải chịu khó dẹp sạch các thứ nhiễm ô. Dẹp hết nhiễm ô rồi thì cái thật hiện ra. Nên nói, *nếu rời vọng tưởng chấp trước là chúng được đức tướng trí tuệ Như Lai của mình.* Đức tướng trí tuệ này tất cả đều có đủ, vậy mà không ai dám nhận.

Phải thế là Phật, không phải thế là chúng sanh. Phải thế, tức rời vọng tưởng chấp trước, đó là Phật. Không phải thế, tức còn ôm ấp vọng tưởng chấp trước thì là chúng sanh. Tu là một việc làm hết sức cay đắng, nhưng cũng thật dễ dàng. Cay đắng bởi vì rời không được vọng tưởng chấp trước, nếu chịu xa rời vọng tưởng chấp trước thì thật dễ dàng. Nếu muốn thành Phật mà cứ ôm vọng tưởng chấp trước hoài sao được. Như người leo núi mà trong bị quấy đủ thứ đồ như xấu nặng trĩu, nhọc nhằn quá leo không nổi thở ngắn than dài. Có người biết việc khuyên, muốn leo núi nhẹ thì bỏ cái túi nặng đó đi. Nếu chịu bỏ thì nhẹ nhàng leo núi được dễ dàng, còn cứ đeo cái túi nặng trĩu đó hoài thì làm sao leo lên tới nơi được.

Chúng ta kiểm lại xem, vọng tưởng của mình là chân thật quý báu hay tạp nhạp mà sao cứ ôm vô hoài? Ngồi xuống muốn yên lặng mà vọng tưởng ở đâu cứ khởi lên, cả buổi đầu óc không yên, muốn bỏ mà bỏ không được. Bởi tích lũy nhiều năm quá rồi, bây giờ bỏ cái này thì cái khác trồi ra, cho nên khi tu phải can đảm buông bỏ. Buông bỏ không khó, nhưng vì cố chấp nên không nỡ bỏ. Ví dụ có người nói năng lấn hiếp mình, lúc đó buồn giận nhưng không biết làm gì, đến khi ngồi thiền nhớ lại rồi tính tới nghĩ lui ôm ấp hoài không bỏ. Nếu nhớ mình đang ngồi thiền thì phải dứt khoát buông bỏ. Dù nghĩ cái gì hay, tính cái gì giỏi cũng bỏ, không để những thứ đó khuấy động. Được như vậy thì tâm dần dần yên lặng, bản tánh chân tâm tự hiện sáng suốt.

Chỉ vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay mê muội đắm chìm trong sanh tử, nhiễm ô đã lâu, không thể trong chốc lát thoát được vọng tưởng, thật thấy bản tánh, vì thế nên phải tham thiền. Điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiền là trừ diệt vọng tưởng.

Bởi đã huân lâu quá rồi, từ muôn đời muôn kiếp cho đến bây giờ, nên bỏ một lần không hết. Vì vậy mà phải cố gắng, chuyên tập tham thiền để diệt trừ vọng tưởng. Nhưng làm sao trừ được vọng tưởng? Kế đây ngài sẽ dạy cho chúng ta phương pháp.

Phương pháp trừ vọng tưởng như thế nào? Đức Phật Thích-ca-mâu-ni nói phương pháp rất nhiều, nhưng rất giản lược chẳng qua một chữ “hết”, “hết là Bồ-đề”.

Phật nói nhiều phương pháp đều không ngoài một chữ Hết. Hết vọng tưởng. Muốn tu thành Phật, muốn đạt được vị Tổ chỉ cần một chữ Hết. Chúng ta cứ nghĩ, mình có suy tính tốt xấu hơn thua phải quấy thì mới khôn lanh, còn hết vọng tưởng rồi chắc buồn lắm, không biết lúc ấy ra sao? Bởi quen sống với tâm sanh diệt đối đãi, nên nghe nói hết vọng tưởng thì lo lắng, sợ mình không còn gì nữa. Sự thật không phải vậy. Ở đây ngài nói, *hết là Bồ-đề*. Hết vọng tưởng là giác ngộ, chứ không phải hết vọng tưởng rồi không còn gì hết.

Thiền tông do tổ sư Đạt-ma truyền sang Trung Hoa, sau đến đức Lục Tổ, tông phong bủa khắp sáng chiếu cổ kim. Câu rất khẩn yếu mà đức tổ sư Đạt-ma và Lục Tổ khai thị cho môn đồ là “Trừ sạch các duyên, một niệm không sanh”. Trừ sạch các duyên tức là vạn duyên buông hết. Hai câu “Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh” chính là điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiền. Hai câu ấy nếu thực hiện không được, tham thiền chẳng những nói không thành công mà vào cửa cũng không thể được. Bởi vì vạn duyên còn ràng buộc, niệm niệm mãi sanh diệt, ông làm sao tham thiền được?

Ngài Huệ Khả sau khi biết đường vào, một hôm bạch với tổ Đạt-ma: “Nay con đã dứt hết các duyên.” Tổ bảo: “Coi chừng rơi vào không.” Ngài nói: “Rõ ràng thường biết làm sao không được.” Tổ liền ấn chứng. Nên nói *Trừ sạch các duyên, một niệm không sanh, đó là chỗ thiết yếu*. Chỗ này là chỗ rất khó, nhưng làm được thì sự tham thiền mới thành công.

“Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh” là điều kiện quyết định đầu tiên của sự tham thiên, dĩ nhiên chúng ta đã biết. Nhưng phải làm thế nào mới có thể thực hiện được? Có hai cách:

1. Bậc thượng, một niệm hằng dứt, thẳng đến vô sanh liền chứng Bồ-đề, không còn một mảy may ràng buộc.

2. Bậc thứ, dùng lý trừ sự, biết rõ tự tánh xưa nay vẫn thanh tịnh, phiền não Bồ-đề, sanh tử Niết-bàn đều là giả danh không can dự gì đến tự tánh của ta. Muôn sự muôn vật đều là việc chiêm bao, huyễn hóa, hòn bọt, cái bóng. Sắc thân tứ đại của ta đây và sơn hà đại địa ở trong tự tánh như hòn bọt ngoài bể cả, mặc tình sanh diệt không ngại gì bản thể. Ta không nên theo sự sanh, trụ, di, diệt của tất cả cái huyễn hóa ấy mà khởi ưa, chán, thủ, xả. Toàn thân buông hết như người chết không khác, tự nhiên căn, trần, thức, tâm tan biến; tham, sân, si, ái diệt sạch. Mọi việc đau nhức, khổ vui, đói lạnh, no ấm, vinh nhục, sanh tử, họa phúc, kiết hung, chê khen, được mất, an nguy, khó dễ v.v... nơi thân một mực đẩy chúng ra ngoài. Có thể mới mong buông hết. Một buông, tất cả đều buông, mãi mãi buông gọi là vạn duyên buông hết. Vạn duyên buông hết rồi, vọng tưởng tự tiêu, phân biệt không khởi, các chấp trước hằng xa lìa. Khi ấy, một niệm không sanh, tự tánh sáng suốt, toàn thể hiện bày. Được vậy là điều kiện tham thiên đã đầy đủ, lại dụng công chân thật tham cứu mới có thể được minh tâm kiến tánh.

Thực hiện vạn duyên buông hết, một niệm không sanh, có hai cách: Cách thứ nhất chỉ cho bậc thượng.

Một niệm hằng dứt, thẳng đến vô sanh liền chứng Bồ-đề, không còn một mảy may ràng buộc.

Cách thứ hai chỉ cho bậc thứ, phải tu dùng lý mà trừ sự. Lý tức là nhận chân được tất cả pháp ở bên ngoài do nhân duyên hòa hợp, như chiêm bao, huyền hóa, bọt bóng v.v... Sắc thân của mình và sơn hà đại địa ở trong tự tánh như hòn bọt ngoài bể cả, mặc tình sanh diệt không ngại gì bản thể. Vì vậy, muốn dẹp trừ những thứ chấp, trước hết phải xét tột cùng lý thật của các pháp.

Tất cả pháp trên thế gian đều do nhân duyên hòa hợp không có thật thể, có đó cũng chỉ là giả dối không thật. Sở dĩ chúng ta chấp hơn thua phải quấy vì thấy các pháp là thật, nên mới thích khen ghét chê... sanh ra bao thứ phiền não. Nếu thấy được các pháp không thật thì còn gì mà chấp, mà mền thương gìn giữ. Hiểu như vậy rồi chúng ta mới xa lìa được cố chấp, nên nói dùng lý để trừ sự. Trong kinh Kim Cang, Phật nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai.” Muốn gặp Phật không khó, chỉ cần thấy các tướng không thật là thấy Phật. Chúng ta tu luôn dùng trí suy gẫm thấy được lẽ thật, sống trở về tự tánh thì không còn chấp dính, còn hiện giờ mãi sống với mê lầm nên thấy cái gì cũng thật, cũng dính mắc. Phật tức là tánh giác của chính mình, chấp là mê lầm thì làm sao thấy Phật được.

Thiền sư Duy Tín nói: “Trước ba mươi năm thấy núi sông là núi sông. Khi gặp thiện hữu tri thức chỉ dạy,

thấy núi sông không phải là núi sông. Sau ba mươi năm thấy núi sông là núi sông.” Trước ba mươi năm, khi chưa học đạo thấy núi sông là núi sông, như chúng ta bây giờ thấy cái gì cũng thật. Khi gặp thiện hữu tri thức được chỉ dạy, biết tất cả đều là tướng duyên hợp hư giả không thật, nên thấy núi sông không phải là núi sông. Sau ba mươi năm đã xong việc rồi, thấy núi là núi, sông là sông, các pháp hiện có như vậy chỉ là như vậy, không thêm không bớt.

Phật chỉ cho biết con người và muôn vật là sự chuyển biến hợp tan không có gì là thật, vậy mà chúng ta cứ tưởng thật. Đã là chuyển biến thì nay còn mai mất, hợp tan bất thường làm sao thật được? Mới hôm qua còn thấy người thân quen, hôm nay sửa soạn đi đám tang. Có đó rồi mất đó, không nhất định. Thân chúng ta đang sống mấy mươi năm, trôi qua như giấc mộng, không có gì là thật hết. Cho nên khi tu là phải biết rõ các pháp duyên hợp tạm bợ hư dối thì mới can đảm gỡ bỏ chấp trước. Không thật biết không thật là thấy bằng trí tuệ dẹp được si mê, còn tưởng thật là suy nghĩ sai lầm chấp trước.

Thí dụ có một Phật tử đang ở đây, bất ngờ bị kẻ khác hủy nhục mắng nhiếc là ngu dốt thì lúc đó thế nào? Chắc là mất hết bình tĩnh. Nhưng tại sao lại mất bình tĩnh? Vì không chấp nhận mình ngu. Tất cả chúng ta ai cũng nghĩ mình khôn ngoan sáng suốt, nên cố gắng cãi lại để chứng tỏ sự khôn ngoan sáng suốt của mình, mà không ngờ lúc đó hết khôn hết sáng rồi. Nếu nghe nói ngu mà vẫn tỉnh táo không chấp thì sáng suốt trọn vẹn, không bị kẹt trong mê lầm.

Người tu khi còn trẻ, còn khỏe mạnh cần thấy được lẽ thật đó, để không cố chấp vững tiến tu hành. Nếu đợi tới giờ phút chót sắp mất rồi, mới thấy thân không thật thì còn gì nữa mà tu. Đức Phật rất kỳ đặc, khi còn làm thái tử đi qua bốn cửa thành, thấy cảnh già bệnh chết ngài liền nghĩ: “Những người kia bị già bệnh chết, ta là con người như họ, vậy ta cũng sẽ già, sẽ bệnh và sẽ chết.” Quán sát như vậy rồi ngài liền tỉnh ngộ đi tu. Chúng ta từng thấy bao nhiêu người già, người bệnh, người chết mà có tỉnh chưa? Đừng tưởng mình không già, không bệnh, không chết. Đó là một lẽ thật mà chúng ta phải tỉnh táo, khéo nhận ra để tu hành, không nên cứ mãi chìm trong mê lầm.

Như vậy, giá trị của người tu là phải biết trước cuộc đời của mình sẽ kết thúc như thế nào. Biết rồi mới cố gắng tu hành, còn không biết đợi sắp chết mới hoảng hốt cầu xin, rước thầy hộ niệm. Lúc sống không chịu tỉnh, chết tới nơi rồi làm sao tỉnh kịp? Hộ niệm chỉ là phụ trợ bên ngoài, đâu thể chuyển nổi tâm mê lầm cho mình. Vì vậy cần phải thấy thấu đáo được chỗ mê lầm của mình để mà sửa, chứ mờ mịt lầm mê hoài thì không thể có kết quả tốt đẹp được.

Khi ấy một niệm không sanh, tự tánh sáng suốt, toàn thể hiện bày. Chừng nào một niệm không còn thì chừng đó mới thật là sáng suốt. Được vậy là điều kiện tham thiền đã đầy đủ, lại dụng công chân thật tham cứu mới có thể được minh tâm kiến tánh.

Hằng ngày thường có các vị tu thiền đến hỏi câu thoại đầu. Phàm là pháp vốn không phải pháp, một khi

roi vào ngôn ngữ tức không phải thật nghĩa. Biết được một tâm này xưa nay là Phật, ngay đó vô sự muôn việc hiện thành, nói tu nói chứng đều là ma thuyết.

Bây giờ quý thầy quý cô thường nhắc các Phật tử ráng tu để chứng đạo, vậy thành ma thuyết hết phải không? Hằng đêm chúng ta đọc kinh Bát-nhã nói *vô sở đắc*, tức là không có chỗ được. Vậy không chỗ được là không có tu sao? Đây là điều hết sức thực tế mà chúng ta cứ ngỡ như chuyện xa vời. Thông thường chúng ta hay nghĩ tu là sửa sang, giữa gọt những thứ xấu dở của mình. Nhưng tâm đâu phải như cây cong mà uốn lại từ từ cho thẳng, chẳng qua chỉ do mê lầm mà thôi. Bởi mê nhận sai lầm, cái hư dối tưởng là chân thật nên thấy muôn sự đều thật, rồi bám vào đó sanh hơn thua, phải quấy, được mất... thành bao nhiêu thứ bệnh. Nếu tỉnh sáng chỉ cần chuyển mê lầm thì hết chấp, là có trí tuệ sáng suốt, vọng tưởng điên đảo theo đó dứt, tự tánh Bồ-đề hiện. Diên đảo là mê, Bồ-đề là giác. Hết mê thì giác hiện, hết tối thì sáng hiện.

Như trong nhà này, ban đêm tắt đèn thì tối, mở đèn lên thì thấy sáng sủa. Vậy sáng từ đâu ra, tối từ đâu lại? Không thể nói từ đâu, chỉ là có đèn thì sáng, không đèn thì tối. Tâm chúng ta cũng vậy, luôn luôn tỉnh sáng nhưng vì lầm chấp làm cho mờ tối. Bây giờ biết tu, nhìn thấu được lẽ thật của các pháp, những thứ chấp nê sai lầm hết, tự tánh sáng suốt hiện. Như vậy cái sáng đó là của tự mình hiện ra, chứ đâu phải có được cái gì khác. Ở đâu tối mới gọi là được, còn cái tự mình có thì đâu thể

gọi là được. Nên nói *không chỗ được*. Bỏ-tát y cứ vào không chỗ được mà chứng quả vị vô lậu giải thoát Niết-bàn. Phật cũng y theo đó mà thành tựu Phật quả.

Như sự học ở thế gian, học hết mỗi cấp thi đậu được tấm bằng. Như vậy bằng cấp chỉ là tấm giấy chứng nhận do bên ngoài cấp, còn cái thật chính là trí tuệ hiểu biết từ bên trong của mình. Trí tuệ ấy là thật, còn tấm giấy ở ngoài là giả vì có thể gian lận được. Cũng vậy, người tu chân thật là phải tự mình khai phá dẹp trừ mê lầm để cho trí tuệ sáng suốt. Muốn dẹp mê lầm trước phải nương trí tuệ Phật để tỏ ngộ trí tuệ của mình, tức là phải học lời Phật dạy trong kinh, quán chiếu dần dần thâm nhập. Đem cây đuốc của mình mỗi cây đuốc của Phật, khi đuốc sáng lên rồi thì tự chiếu phá được những thứ tối tăm. Đây là lối tu dùng lý để trừ sự.

Đức Đạt-ma sang Trung Hoa “Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”. Chỉ bày rành rõ tất cả chúng sanh đều là Phật.

Tổ Đạt-ma khi sang Trung Hoa tuyên bố *Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật*. Vấn đề này thật tối quan trọng. Tâm người là tâm nào? Tâm suy nghĩ phải quấy hơn thua là tâm vọng tưởng sanh diệt tạo nghiệp luân hồi. Dừng vọng tưởng thì tâm chân thật hằng liễu tri hiện tiền, đó mới là tâm thật. Buông bỏ tâm sanh diệt để sống lại với tâm chân thật của mình, gọi là kiến tánh thành Phật. Phật cũng từng nói: “Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành.”

Tất cả chúng ta đều là Phật, nhưng tại sao chúng ta lại trôi lăn trong sanh tử? Trong kinh Phật dạy, chúng ta luân hồi sanh tử là do nghiệp dẫn. Theo nghĩa thường thì nghiệp từ thân khẩu ý tạo ra, nhưng động lực chủ yếu là ý. Ý luôn luôn nghĩ hai bên, tốt xấu, lành dữ, phải quấy... Ý nghĩ lành thì thân làm lành, miệng nói lành. Ý nghĩ dữ thì thân làm dữ, miệng nói dữ. Thành nghiệp lành hay nghiệp dữ đều gốc từ ý, từ đó mà lên xuống đi trong lục đạo. Nếu *một niệm không sanh* tức là ý không dậy khởi, ý không dậy khởi thì lấy gì tạo nghiệp mà đi trong lục đạo. Người tạo nghiệp lành dẫn đi đường lành, người tạo nghiệp dữ dẫn đi đường dữ, người không có nghiệp gì hết thì giải thoát sanh tử nhập Niết-bàn. Đơn giản như vậy.

Chúng ta có những giây phút yên lặng, vẫn thấy nghe hiểu biết mà không nghĩ suy gì, tức là đang vô niệm. Vô niệm đó là giờ phút chân thành, đúng lẽ thật của mình. Nhưng vừa được một chút, rồi bị những khởi nghĩ khác lấp qua chôn vùi, nên tâm hiểu biết chân thật không hiện ra được. Nếu lặng hết những suy nghĩ đó thì tâm chân thật hiện tiền, không còn tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử nữa. Như vậy khả năng giải thoát ở mình đã sẵn có, không phải tìm kiếm đâu xa. Cho nên ngồi thiền là để dừng cái nghĩ suy đó lại, dừng được thì gọi là tâm thanh tịnh hay tâm an định. An định rồi mới được trí tuệ giải thoát. Nói “được” cũng chỉ là một lối nói thôi, chứ an định là đã có trí tuệ.

Tôi thường khuyên các vị ngời tu, khi vừa khởi nghĩ liền biết vọng tưởng không theo. Vọng tưởng là những

suy nghĩ hỗn độn không phải mình, còn cái biết được vọng tưởng không phải mình thì là ai? Bỏ hết vọng tưởng thì cái chân thật hiện tiền, còn theo vọng tưởng thì nó khuất lấp. Vọng tưởng thì có bóng dáng theo đó, như nghĩ về người thì bóng người hiện, nghĩ về cảnh thì bóng cảnh hiện... Còn cái biết vọng không theo thì không có tướng mạo, thanh tịnh lặng lẽ, đó chính là cái biết chân thật rõ ràng đầy đủ nơi mỗi người, mà mình theo duyên quên mất không biết.

Đức Phật biết chúng sanh sẵn có tánh giác mà bỏ quên, nên ngài thương xót không nỡ làm thính, phải chỉ ra cửa báu chân thật sẵn có để cho mọi người cùng biết. Chừng nào nhận ra được cửa báu ấy thì tự tại an lạc. Sống với cái chân thật là giác, quên là mê. Trọng tâm của sự tu không ngoài mê và giác. Mê thì tạo nghiệp điên đảo chịu luân hồi sanh tử, giác thì thoát khỏi sanh tử được an lạc miên viễn. Mê và giác hết sức gần gũi, không ở đâu xa. Đường lối chỉ thẳng của Thiên tông là như vậy.

Thẳng đó nhận được tự tánh thanh tịnh này, tùy thuận không nhiễm ô, trong hai mươi bốn giờ đi đứng ngồi nằm tâm không khởi vọng, ấy là hiện thân thành Phật; chẳng cần dụng tâm dụng lực, cũng chẳng cần tạo tác thi vi, không nhọc mảy may suy nghĩ nói năng. Do đó, nói thành Phật là việc rất dễ dàng, rất tự tại, đạt được là tại nơi ta, không phải cầu bên ngoài.

Buông hết những suy nghĩ vọng tưởng chạy theo hai bên, lặng lẽ không làm gì hết. Bởi vì vọng tưởng

không thật, buông thì nó mất nên có gì đâu mà phải làm. Vọng tưởng lặn hết, ngay đó nhận được tự tánh thanh tịnh. Cho nên nói, *trong hai mươi bốn giờ đi đứng ngồi nằm tâm không khởi vọng, ấy là hiện thân thành Phật.*

Như vậy thành Phật không khó, chỉ trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, đi đứng nằm ngồi không một niệm nào dấy lên, nhưng vẫn rõ ràng thường biết, đó là hiện thân thành Phật rồi. Lâu nay chúng ta có quan niệm, thành Phật chứng quả phải như đức Phật Thích-ca có hào quang sáng v.v... Đây nói hiện thân thành Phật, tức chỉ cho Phật thật sẵn có của chính mình, do những vọng niệm điên đảo làm che khuất, chỉ cần buông hết vọng niệm phiền não quấy rối thì cái thật kia hiện bày rõ ràng. Như vậy, chạy theo vọng tưởng tạo nghiệp là người mê, trở về với tánh giác thanh tịnh là người giác, giác đầy đủ là Phật. *Do đó nói thành Phật là việc rất dễ dàng, rất tự tại, đạt được là tại nơi ta, không phải cầu bên ngoài.* Rõ ràng ngay nơi mình, chứ không cần cầu đâu hết.

Tất cả chúng sanh trên thế giới này, nếu thật không cam chịu trường kiếp trầm luân trong tứ sanh lục đạo, hằng đắm chìm nơi bể khổ, muốn thành Phật được thường, lạc, ngã, tịnh, phải tin lời chân thật của Phật tổ “buông hết tất cả, không nghĩ nhớ thiện ác”, mỗi người khả dĩ liền đó thành Phật.

Việc thành Phật không khó, chỉ cần buông hết hai bên không nghĩ nhớ thiện ác, liền đó thành Phật

chứ không gì khác. Nhưng chúng ta bây giờ ít ai dám buông hết, vì sợ buông rồi trở thành ngu dốt. Do muốn khôn ngoan để lý luận tranh hơn thua với người cho vui, nên cứ đắm chìm trong bể khổ mãi.

Chư Phật Bồ-tát và lịch đại chư vị tổ sư phát nguyện độ hết tất cả chúng sanh, không phải là không bằng cứ, đâu phải chỉ hứa nguyện suông.

Các ngài phát nguyện độ hết chúng sanh, bởi vì thấy tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Đã có tánh Phật thì chỉ cần nhắc cho họ tỉnh, bỏ hết mê lầm trở về tánh Phật mà thôi. Nhưng đáng thương là chúng ta không chịu nghe. Tu muốn thành Phật mà lời Phật dạy không làm theo. Phật bảo buông hết vọng niệm đừng đuổi theo hai bên, phải xoay trở lại nơi mình, vậy mà chúng ta cứ đi chùa cầu Phật ban cho cái này cái kia hoài. Dạy phải tự giác mà không chịu tự giác, lại còn đi cầu xin Phật. Phật làm sao độ mình được? Phật chỉ cho thấy cái mê để bỏ, chỉ cho biết cái giác để hằng sống, đó là Phật độ. Đừng nghĩ rằng Phật độ cho bình an, được thi đậu... Chuyện nhỏ đó mà đòi hoài, còn cái chân thật cứu cánh Phật chỉ thì không chịu nhận! Thật đáng thương.

Đã nói ở trên, pháp vốn như vậy, Phật tổ lắm phen dạy rõ căn dặn kỹ càng, là chân ngữ thật ngữ, không một mảy hư dối. Phật do lòng đại từ bi không nệ tất cả chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay mê muội chìm đắm trong biển khổ sanh tử, vừa ra lại vào, luân chuyển không dừng, mê lầm điên đảo, trái tánh giác hợp vọng trần.

Ví như vàng ròng bỏ vào hầm phẩn, không những chẳng dùng được mà lại như nhớp quá lắm. Ngài bất đắc dĩ nói ra tám muôn bốn ngàn pháp môn, tùy căn cơ chẳng đồng của chúng sanh dùng đối trị tham, sân, si, ái v.v... tám muôn bốn ngàn bệnh tập khí vi tế. Như vàng đã dính các thứ như nhớp, mới dạy người dùng sạn, bàn chải, nước, vải v.v... để mài giữa, chùi rửa nó. Sở dĩ Phật nói pháp, mỗi môn đều là diệu pháp, đều có thể liễu thoát sanh tử, thành Phật đạo. Chỉ có vấn đề hợp cơ hay không hợp cơ, không cần phân biệt pháp môn cao hay thấp. Pháp môn lưu truyền ở Trung Hoa rất phổ thông là Tông, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Năm pháp môn này tùy căn tánh và chỗ hứng thú của mỗi người thực hành môn nào cũng tốt. Quan trọng là trong một môn được thâm nhập, trải thời gian lâu không đổi thay, như vậy khả dĩ thành tựu.

Những lời Phật tổ nói là lời chân thật không hư dối mà chúng ta còn không thâm nhập, không thấu hiểu nổi. Chúng sanh chìm đắm trong sanh tử, mê lầm điên đảo quá lắm, đức Phật vì thương xót muốn cứu chúng sanh, nên ngài mới chỉ ra nhiều pháp môn, sử dụng pháp môn nào tu cũng có kết quả.

Các pháp môn lưu truyền phổ thông ở Trung Hoa gồm có: Tông, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Tông là Thiên tông, Giáo là Kinh luận, Luật là Giới luật, Tịnh là Tịnh độ, Mật tức là Mật tông. Năm pháp môn đó mỗi thứ có khác nhau là do trình độ con người không đồng, nên tùy theo căn cơ mà Phật dạy tu tập, cốt yếu đưa chúng ta ra khỏi mê lầm. Nếu người có trí tuệ dễ thấy dễ nhận thì Phật tổ

chỉ thẳng khiến nhận ra bản tâm của chính mình, nỗ lực buông xả cho đến vô niệm, ngay đó giải thoát. Người nặng vào lòng tin, tin pháp Phật mâu nhiệm, tin được sự cứu rỗi của Phật thì Phật dạy niệm Phật nhất tâm, để khi chết được Phật Di-đà đón về Cực lạc, thọ hưởng sự vui sướng. Những người thích mâu nhiệm linh thiêng thì Phật dạy trì chú, khi trì chú được nhất tâm thì có linh nghiệm, thấy Phật Đại Nhật v.v...

Như vậy, nói minh tâm kiến tánh, gặp Phật Di-đà, thấy Phật Đại Nhật... tuy nói có khác mà kết quả cũng như nhau, đều đưa chúng ta đến chỗ nhất tâm, lặng hết những vọng tưởng điên đảo. Phật tỏ rõ ràng không phân biệt khen chê bên nào cao bên nào thấp, bên này hay bên kia dở; mà các ngài chỉ nói pháp tùy theo căn cơ trình độ của chúng sanh. Người hợp với pháp môn nào thì tùy theo đó mà ứng dụng tu. Thiền, Tịnh hay Mật việc đó không quan trọng, mà quan trọng nhất là phải tu cho tới nơi tới chốn.

Về Tông môn chủ trương tham thiền, tham thiền cốt “Minh tâm kiến tánh”, cần tham suốt được cái “bản lai diện mục” của mình, nên nói “Giác ngộ tự tâm, thấy suốt bản tánh”. Pháp môn này phát nguyên từ hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen, ngài Ca-diếp cười chúm chím, đến tổ sư Đạt-ma truyền sang Trung Hoa, về sau chỗ hạ thủ công phu đã từng thay đổi. Các bậc thiền đức trước đời Đường đời Tống phần nhiều nghe một lời hoặc nửa câu được ngộ đạo. Thầy trò truyền nhau chẳng qua dùng tâm ấn tâm, không có một thật pháp. Ngày thường thưa hỏi, trả lời cũng chẳng qua tùy cách phá chấp,

theo bệnh cho thuốc mà thôi. Từ đời Tống về sau, người học đạo căn tánh yếu ớt cạn hẹp, nói được mà làm không được. Ví như nói “buông hết tất cả”, “không nghĩ thiện ác”, thấy đều buông mà không hết, không nghĩ thiện thì nghĩ ác. Đến thời đại này tổ sư bất đắc dĩ dùng biện pháp lấy độc trừ độc, dạy người học tham công án.

Từ trước Phật tổ chỉ thẳng, người sáng thì nhận được liền, tự buông bỏ hết tất cả. Nhưng về sau, nghe hiểu mà làm không được, nói được mà hành không được. Như nói vọng tưởng là nguyên nhân của luân hồi sanh tử, nhưng khi ngồi lại thì toàn là vọng tưởng. Do đó các ngài buộc lòng phải dạy tham công án hay khán thoại đầu. Nghĩa là có một cái để cho mình chuyên tâm trong đó, là một cách lấy độc để trừ độc. Một câu công án hay câu thoại đầu là còn có niệm, mượn niệm này để đánh chết những niệm khác. Niệm đến công án thành khối, chừng nào khối đó tan thì ngộ được bản tánh.

Ban đầu khán thoại đầu thậm chí thiết tha căn chặt một câu “tử thoại đầu”, dạy phải nghiên ngẫm cấp bách không một sát-na lơ lửng, giống như con chuột khoét rương cắn mãi một chỗ, chưa phủng thì không dừng. Dạy như vậy, mục đích lấy một niệm trừ muôn niệm. Kỳ thật đó cũng là một biện pháp bất đắc dĩ, như mụn nhọt độc trong thân, nếu không dùng dao mổ thì bệnh khó lành. Công án của cổ nhân rất nhiều, sau này chuyên dạy khán thoại đầu, khán “Mang thầy thối ấy là gì?”, khán “Trước khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt thật xưa nay của ta?” Gần đây, các nơi phần nhiều dùng một câu thoại đầu khán “Niệm Phật là gì?” Kỳ thật,

những câu thoại đầu đều cùng một loại, đều rất bình thường không có gì kỳ lạ đặc biệt. Có thể ta nói: khán “Niệm kinh là gì?”, khán “Trì chú là gì?”, khán “Lễ Phật là gì?”, khán “Đi đường là gì?”, khán “Ngủ mới thức là gì?”... đều cùng một loại như nhau. Sau chữ “gì” là đáp án, nó vốn là tâm. Thoại (lời nói) từ tâm khởi, tâm là đầu của thoại. Niệm từ tâm khởi, tâm là đầu của niệm. Muôn pháp đều từ tâm khởi, tâm là đầu của muôn pháp. Kỳ thật, thoại đầu tức là niệm đầu, trước niệm chính là tâm. Nói thẳng, trước khi một niệm chưa sanh là thoại đầu.

Khán thoại đầu là muốn tìm tới chỗ niệm chưa khởi, chỗ đó Lục Tổ gọi là Vô niệm. Như chúng ta tu, buông hết vọng tưởng đến chỗ vô niệm, đây cũng là một lối đi thẳng.

Do đây, chúng ta biết khán thoại đầu tức là quán tâm. Trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt thật xưa nay tức là tâm. Khán trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt thật xưa nay là quán tâm. Tánh cũng tức là tâm. Câu “Phản văn văn tự tánh” là phản quán quán tự tâm. Câu “Viên chiếu thanh tịnh giác tướng”, thanh tịnh giác tướng tức là tâm, chiếu tức là quán. Tâm tức là Phật, niệm Phật tức là quán Phật, quán Phật tức là quán tâm. Sở dĩ nói “khán thoại đầu” hoặc nói “khán niệm Phật là gì?” đều là quán tâm, quán chiếu giác thể tự tâm thanh tịnh, là quán chiếu Phật tánh của mình. Tâm tức là tánh, tức là giác, tức là Phật, không có hình tướng chỗ nơi, trọn không thể được, sẵn vậy thanh tịnh, khắp cả pháp giới, không ra không vào, không qua không lại, chính là xưa nay hiện thành pháp thân Phật thanh tịnh.

Hành nhân thu nhiếp lục căn, khán từ chỗ một niệm mới sanh, soi xét một câu thoại đầu này, khán đến chỗ tự tâm thanh tịnh ly niệm. Lại tiến lên, càng thâm kín dày đặc, lặng lẽ yên tịnh, tuy tịch mà chiếu, thẳng đó ngũ uẩn đều không, thân tâm đều vắng lặng, hoàn toàn không có một việc. Từ đây ngày đêm đi đứng ngồi nằm như như không động, càng lâu công phu càng dày liền được thấy tánh thành Phật, vượt qua mọi khổ ách. Xưa tổ sư Cao Phong nói: “Người học đạo hay khán một câu thoại đầu, như gieo hòn gạch xuống hồ sâu muôn trượng, rơi thẳng tận đáy, được vẫy trong bảy ngày, nếu không khai ngộ, lão tăng xin dâng thủ cấp.” Bạn đồng tham thiên! Câu nói của người xưa là chân ngữ, thật ngữ, không phải lời nói dối trá lừa đảo đâu!

Như vậy khán thoại đầu cũng như buông hết vọng tưởng. Khán thoại đầu là một sức mạnh để kìm chế, đè nén vọng tưởng. Buông vọng tưởng là thấy vọng tưởng hư dối buông xả không theo, để cho tâm trong sạch. Hai pháp tu thấy như khác, nhưng cứu cánh đều trở về vô niệm. Hết niệm là chân thật, không có gì khác.

Nhưng, tại sao người hiện thời khán thoại đầu rất nhiều, mà không có mấy người ngộ đạo? Ấy là do người hiện thời căn cơ không bằng người xưa, cũng tại người học đạo đường lối tham thiên khán thoại đầu đa số không rành rõ. Có người tham đông hỏi tây, câu nam thỉnh bắc, kết quả chỉ là loạn động đến già, một câu thoại đầu vẫn không rành rõ, không biết thế nào là thoại đầu thì làm sao khán thoại đầu? Một đời chỉ chấp trước ngôn cú, danh tướng, dụng tâm tại thoại vĩ mà thôi.

Hoặc có người “Khán niệm Phật là gì?” hoặc “Chiếu cố thoại đầu”, khán qua khán lại, tham tới tham lui cùng câu thoại đầu đông tây chạy ngược nhau. Như vậy, làm sao hội ngộ được cái vô vi đại đạo bản nhiên này? Làm sao đến được cái vương vị tất cả không thọ? Hoặc có người bỏ mạt vàng vào con mắt, con mắt bị mù, làm sao được phóng quang sáng suốt? Đáng thương thay! Đáng thương thay! Có những người hảo tâm xuất gia chí nguyện phi phạm, mà kết quả chỉ một bề nhọc công vô ích, rất đáng thương xót! Người xưa nói: “Thà đành ngàn năm không ngộ, không cam một ngày sai lầm.”

Ở đây ngài nói cho người tu thiền khán thoại đầu phải biết rõ, tu là làm gì, đi tới đâu? Nếu tu mà không biết thì không bao giờ đến chỗ cuối cùng được. Như người bỏ mạt vàng vào con mắt, con mắt bị mù làm sao được phóng quang sáng suốt. Cổ nhân thường nói, *mạt vàng tuy quý, rơi vào mắt cũng thành bệnh*. Con mắt dụ cho tâm thanh tịnh sẵn có, mạt vàng là câu thoại đầu mà mình nghiền ngẫm. Nếu bám vào một câu thoại đầu cho là chân thật, đó là bỏ mạt vàng vào mắt. Đến chỗ cứu cánh không còn một niệm mới là chân thật.

Người tu hành ngộ đạo dễ mà khó, khó mà dễ, giống như vặn nút đèn điện, biết thì khoảng khảy móng tay đèn cháy sáng trưng, cái đen tối muôn năm liền hết, không biết thì vặn máy hỏng đèn hư, phiền não càng tăng trưởng. Có một ít người tham thiền khán thoại đầu bị ma phát điên, thổ huyết, mắc bệnh, bởi vì lửa vô minh quá to, chấp nhân ngã thật dày, đó là những gương rất rõ ràng. Sở dĩ người dụng công cốt khéo điều hòa

thân tâm, cần phải tâm bình khí hòa, không chướng ngại, không nhân ngã, đi đứng ngồi nằm khéo hợp với máy huyền diệu.

Người tu không được cố kìm chế hoặc đè nén quá. Đưa lên không được, trì xuống cũng không được, phải quân bình đừng để sanh bệnh.

Pháp tham thiên xưa nay không có phân biệt, chỉ do công phu tu tập, sơ tham có khó và dễ, lão tham cũng có khó và dễ.

Cái khó của người sơ tham là thế nào? Vì thân tâm không thuần thực, đường lối chưa rành rõ, dụng công không đến nơi, nếu trong tâm không chấp cấp bách thì bị bệnh ngủ gật qua ngày, kết quả thành: “Năm đầu sơ tham, năm thứ hai lão tham, năm thứ ba chẳng tham.”

Cái dễ là sao? Chỉ cần đầy đủ tín tâm, tâm lâu bền và vô tâm. Tín tâm, một là tin tâm ta đây xưa nay là Phật, cùng chư Phật mười phương và chúng sanh không khác; hai là tin pháp của đức Phật Thích-ca-mâu-ni nói, mỗi pháp đều được liễu sanh thoát tử và thành Phật đạo. Tâm lâu bền, phải tuyển chọn nhất định một pháp, trọn đời thực hành, cho đến đời sau và đời sau nữa đều như thế hành trì. Nếu là tham thiên thì cứ như thế mà tham, nếu niệm Phật thì cứ như thế mà niệm, nếu trì chú thì cứ như thế mà trì, nếu học giáo lý thì cứ từ văn tư tu mà thực hành. Dù tu một pháp môn nào cũng lấy giới làm căn bản. Nếu đúng như vậy mà thực hành, sau này nhất định thành công. Lão nhân Quy Sơn nói: “Nếu có người hay thực hành pháp này ba đời không lui sụt,

quả vị Phật quyết định có ngày.” Lão nhân Vĩnh Gia nói: “Nếu dùng vọng ngữ lừa chúng sanh, hằng đọa địa ngục Bạt Thiệt số kiếp như cát bụi.”

Chư tổ đã chỉ rành rõ hết cho chúng ta biết, lời các ngài nói không lừa dối bao giờ, cho nên người tu cần quyết tâm cố gắng tinh tấn hành trì. Trước tiên phải rành rõ pháp tu của mình, kế là kiên trì giữ mãi pháp tu cho đến nơi đến chốn. Không nên tu sơ sơ rồi bỏ qua pháp khác, cứ chạy hoài thì cả đời tu cũng không tới đâu. Nhận định đúng đắn, kiên trì tu cho tới nơi tới chốn, mới có thể thành công được.

Vô tâm chính là buông hết tất cả, giống hệt như người chết, trọn ngày tùy chúng làm việc mà không khởi một điểm phân biệt chấp trước, thành một vị đạo nhân vô tâm.

Chúng ta sống sinh hoạt như mọi người, nhưng không có niệm vọng tưởng phân biệt chấp trước, làm tất cả việc trong vô tâm, được gọi là Đạo nhân vô tâm. Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương Phật dạy, cúng dường cho một trăm người ác không bằng cúng dường cho một người thiện, cúng dường một trăm người thiện không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán, cúng dường một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cho một đạo nhân vô tâm. Đạo nhân vô tâm phước còn hơn A-la-hán, vậy chúng ta có muốn làm đạo nhân vô tâm không? Từ sáng tới chiều không nghĩ ngợi phân biệt dính mắc gì hết là đạo nhân vô tâm rồi. Nghe thật gần gũi và dễ dàng, nhưng làm thì lại rất nhiều khê. Việc tu hành kỳ lạ như vậy.

Người sơ tham đầy đủ ba tâm ấy rồi, nếu tham thiền khán thoại đầu, nên khán “Niệm Phật là gì?” Ông tự thâm niệm ít tiếng “A-di-đà Phật”, khán cái niệm Phật đó là gì? Một niệm ấy từ chỗ nào phát khởi? Nên biết, một niệm ấy không phải từ miệng ta khởi, cũng không phải từ thân thịt ta khởi. Nếu từ thân miệng ta khởi, khi ta chết rồi thân miệng vẫn còn sao không thể niệm? Phải biết, một niệm này là từ tâm ta khởi, tức từ chỗ tâm niệm khởi phải chăm chăm nhìn thẳng nơi đó, như mèo rình chuột, toàn thể tinh thần tập trung vào một chỗ này, không có niệm thứ hai. Chỉ cần giữ trung bình giữa hoãn và gấp, không cho gấp quá sẽ phát bệnh chướng. Đi đứng ngồi nằm đều giữ như vậy, lâu ngày công phu đầy đủ, thời tiết nhân duyên đến, một phen xúc chạm quả dưa chín cuống rụng bỗng nhiên đại ngộ. Khi ấy, như người uống nước lạnh nóng tự biết, thẳng đến chỗ không nghi ngờ, như ở ngã tư đường gặp được cha rất an vui.

Khán thoại đầu ngay một câu nói “Niệm Phật là gì?” tìm tận cùng chỗ dấy khởi niệm Phật, cái gì dấy khởi niệm Phật? Nhìn sâu vào dần dần thâm nhập. Chỗ này không khác lối tu của chúng ta. Vọng khởi liên buông, nhìn thẳng xem chỗ nào dấy khởi vọng tưởng. Thực hành đến nơi rồi thì kết quả cũng như nhau.

Cái khó dễ của người lão tham thế nào? Lão tham là người đã gần gũi thiện tri thức, dụng công nhiều năm, đã trải qua một phen luyện lọc thân tâm thuần thực, đường lối rành rõ, dụng công một cách tự tại không thấy cay đắng. Cái khó của bậc thượng tọa lão tham

chính là dừng trụ trong chỗ tự tại sáng suốt, nghỉ trong Hóa thành không đến Bảo sở. Hay tịnh không hay động, không thể được cái chân thật thọ dụng; thậm chí gặp cảnh sanh tình thủ xả như xưa, ưa chán cũng hiện rõ. Vọng tưởng thô và tế vẫn nguyên vẹn bền chắc, chỗ dụng công như hòn đá ngâm nước lạnh không có tác dụng, lâu dần cũng sanh mỗi mệt, trọn không thể đắc quả khởi dụng. Thượng tọa lão tham! Biết được cái khốn khó này rồi, lập tức đề khởi câu thoại đầu cũ, phán chán tinh thần, đầu sào trăm trượng lại bước vượt lên, thẳng đến đỉnh núi cao chót vót mà đứng, tận đáy biển sâu thăm thẳm mà đi, buông tay tung hoành, cùng gặp gỡ chư vị Phật tổ, những cái khốn khó đâu còn, không dễ là gì?

Người tu lâu gọi là lão tham. Khi tu lâu thấy tâm mình thanh tịnh rồi hài lòng tự mãn cho là đã xong, dừng ngang chỗ đó; đến khi tiếp xúc với mọi người, xử sự như bình thường, lâu dần thành tối tăm trở lại. Vì vậy phải khởi sự tu mạnh mẽ, sau này mới đạt kết quả tốt được.

Thoại đầu tức là nhất tâm, cái nhất tâm này của chúng ta không phải ở trong ngoài và chặng giữa, mà cũng ở trong ngoài và chặng giữa, như hư không không động mà khắp tất cả chỗ. Sở dĩ thoại đầu không nên đem lên trên, cũng không nên đề xuống dưới. Đem lên trên thì dẫn khởi tán loạn, đề xuống dưới thì rơi vào hôn trầm, trái với tánh chất bản tâm, đều không phải là Trung đạo. Các vị sợ vọng tưởng, cho hàng phục vọng tưởng là rất khó khăn. Tôi xin thưa quý vị, không nên

sợ vọng tưởng cũng không cần phí sức hàng phục vọng tưởng. Các vị chỉ cần nhận ra vọng tưởng, không chấp trước nó, không tùy thuận nó, cũng chẳng cần xua đuổi nó, chỉ không cho tiếp tục thì vọng tưởng tự lìa. Nên nói: “Vọng khởi liền biết, biết vọng liền lìa.”

Tới đây ngài chỉ thẳng vào chỗ ứng dụng tu tập. Chúng ta tu không nên sợ vọng tưởng cũng đừng cố đè vọng tưởng. Chỉ cần vọng khởi liền biết không theo, không dính mắc thì nó tự lìa, nên nói *Vọng khởi liền biết, biết vọng liền lìa*. Chúng ta tuy không tu theo khán thoại đầu, nhưng chỉ cần biết rõ vọng tưởng để xa lìa thì cũng cùng với lời chỉ dạy của chư tổ không khác.

Nếu khéo lợi dụng vọng tưởng khởi công phu, khán vọng tưởng này từ chỗ nào phát sanh. Vọng tưởng không tánh chính nó là không, tức là tâm tánh vốn không của ta, tự tánh thanh tịnh pháp thân Phật ngay đây được hiện tiền.

Vọng tưởng này dấy lên liền buông, vọng tưởng khác dấy lên cũng buông, buông hoài cảm thấy mệt thì nhìn lại xem vọng đó phát sanh từ chỗ nào? Đó là lối tu nhìn lại. Ngài nói, *nếu khéo lợi dụng vọng tưởng khởi công phu, khán xem vọng tưởng này từ chỗ nào phát sanh* thì nó liền hết. Nhìn tột chỗ vọng tưởng sanh, thấy rõ tánh của nó là không, tức là tâm tánh vốn không của ta. Không vọng tưởng mà vẫn hiểu biết, chính ngay đó Pháp thân Phật thanh tịnh hiện tiền.

Xét thật mà nói, chân vọng một thể, chúng sanh và Phật không hai, sanh tử Niết-bàn, phiền não Bồ-đề

đều là bản tâm bản tánh, không cần phân biệt, không cần ưa chán, không cần thủ xả. Tâm thanh tịnh này xưa nay là Phật, không nhận một pháp, làm gì có nhiều mối. Tham!

Không có gì thủ xả, ưa chán. Biết nó hiện tiền, không dính không kẹt. Đầy đủ trong đó. Nên nói, *tâm thanh tịnh này xưa nay là Phật, không nhận một pháp, làm gì có nhiều mối*. Lời dạy của chư tổ, từ các vị trước cho tới những vị gần sau này cũng đều chỉ dạy rõ ràng như nhau không khác.

Phật của chúng ta hiện giờ đang ở đâu? Ở trong đồng rác vọng tưởng. Người nào muốn thấy Phật thì phải ráng dẹp đồng rác vọng tưởng của mình để Phật hiện ra, chứ không phải đi tới núi này núi kia lạy để tìm Phật.



PHẦN II

THIÊN ĐƯỜNG CHỈ DẠY

Chánh văn:

A. DẪN LỜI DẠY

Chư vị hằng ngày đến thỉnh tội chỉ dạy khiến tôi rất hổ thẹn. Chư vị ngày ngày nhọc nhằn cuốc đất, bửa củi, gánh gạch, làm việc quên cả sớm chiều, mà vẫn không quên tâm niệm cầu giải thoát. Hạt giống thiết tha vì đạo ấy khiến mọi người đều cảm động. Hư Vân này hổ thẹn không đạo không đức, nói không đến đâu lấy gì chỉ dạy, chỉ lượm lặt những lời dạy của cổ nhân để đáp lại lời khẩn cầu của chư vị mà thôi.

B. PHƯƠNG PHÁP NHẬP MÔN DỤNG CÔNG

Phương pháp dụng công tu hành rất nhiều, hiện tại chỉ tóm lược chỉ bày:

I- ĐIỀU KIỆN QUYẾT ĐỊNH TRƯỚC KHI TU TẬP

1. Tin sâu nhân quả

Không luận người nào, nếu muốn dụng công tu tập trước cần phải tin sâu nhân quả. Nếu không tin nhân quả, thực hành cần bướng, không những tu hành chẳng thành công mà tam đồ cũng khó tránh. Cổ đức nói: “Muốn biết nhân đời trước hãy xem sự lãnh thọ của đời này, muốn biết quả đời sau hãy nhìn sự gây tạo hiện tại.” Lại nói: “Giả sử đã tạo nghiệp trăm ngàn kiếp vẫn không mất, khi nhân duyên hội ngộ quả báo trở lại tự chịu.” Kinh Lăng-nghiêm nói: “Nhân địa không ngay, quả báo cong vạy.” Cho nên gieo nhân lành kết quả lành, gieo nhân ác gặt quả ác, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu là đạo lý tất nhiên vậy.

Nói đến nhân quả tôi xin thuật hai câu chuyện xưa để chứng minh:

a. Chuyện vua Lưu-ly giết dòng họ Thích

Trước đức Phật Thích-ca ra đời, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một làng chài lưới, trong làng có cái hồ to. Khi ấy, trời hạn nước cạn, bao nhiêu cá trong ao bị người làng bắt ăn hết, sau cùng còn lại một con cá thật to cũng bị người làm thịt luôn. Trong làng chỉ có một đứa bé lâu nay không ăn thịt cá, hôm ấy đến thấy con cá to lấy cây gõ trên đầu nó ba cái rồi đi. Sau này khi đức Thích-ca ra đời, vua Ba-tư-nặc rất kính tin Phật pháp, cưới con gái

dòng họ Thích làm vợ, sanh được một thái tử đặt tên Lưu-ly. Lúc thơ ấu, Lưu-ly ở bên ngoài tại thành Ca-tỳ-la-vệ học, một hôm nhân giỡn chơi trèo lên tòa của Phật ngồi, bị người họ Thích rầy mắng kéo lôi xuống, nên ôm lòng uất hận. Đến khi Lưu-ly lên làm vua, xuất đại binh đánh thành Ca-tỳ-la-vệ, bắt hết dân cư trong thành giết sạch, chính khi ấy đức Thích-ca nhức đầu ba ngày. Các vị đệ tử lớn của Phật cầu xin Phật tìm cách giải cứu dòng họ Thích. Phật nói: “Định nghiệp khó chuyển.” Tôn giả Mục-liên dùng sức thần thông lấy bình bát đến thâu năm trăm người dòng Thích-ca đem để trên không trung; khi giặc qua, ngài đem xuống thả ra, không ngờ khi trút bát thấy tất cả đều biến thành máu. Các đệ tử lớn đến thưa hỏi Phật, Phật đem việc xưa dân trong làng ăn cá thuật lại: Con cá lớn ngày xưa là vua Lưu-ly hiện nay, quân đội của vua Lưu-ly đều là những con cá nhỏ trong hồ. Dân cư trong thành Ca-tỳ-la-vệ bị giết đều là người ăn cá ngày xưa. Thân Phật chính là đĩa bé gõ đầu cá ba cái ngày xưa, nên hiện tại bị quả báo nhức đầu ba ngày. Vì định nghiệp khó tránh nên năm trăm người dòng họ Thích tuy được tôn giả Mục-liên cứu thoát, cũng không bảo tồn được tánh mạng. Sau này vua Lưu-ly bị đọa địa ngục. Oan oan tương báo không biết bao giờ hết được. Nhân quả thật đáng sợ vậy.

b. Chuyện ngài Bá Trượng độ hồ ly

Lão nhân Bá Trượng một hôm vào nhà giảng, giảng xong các thính giả ra hết, chỉ còn lại một ông già

không lui đi. Ngài Bá Trọng hỏi: “Ông còn muốn hỏi gì?” Ông ấy thưa: “Con là Dã hồ tinh không phải là người, đời trước con vốn làm Đường đầu (Trụ trì) ở đây, nhân có người học, hỏi con: “Bậc đại tu hành lại rơi vào luật nhân quả chăng?” Con đáp: “Không rơi nhân quả.” Do đó con bị đọa lạc làm Dã hồ tinh đã năm trăm năm, không có cách nào thoát thân, mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy cho!” Ngài Bá Trọng bảo: “Người hỏi lại ta.” Ông ấy bèn hỏi: “Bậc Hòa thượng! Bậc đại tu hành lại rơi vào nhân quả chăng?” Tổ Bá Trọng đáp: “Không lầm nhân quả.” Ông già nghe câu này liền đại ngộ. Ông lễ tạ thưa: “Nay nương lời đáp thay của Hòa thượng khiến con siêu thoát thân dã hồ, con ở hang sau núi, mong Hòa thượng lấy lễ tống táng theo nhà sư cho con.” Hôm sau, tổ Bá Trọng lại hang sau núi, lấy gậy bới ra có xác con hồ tinh, bèn dùng lễ theo nhà sư mà an táng.

Chúng ta nghe hai câu chuyện xưa này càng biết rõ nhân quả đáng sợ, tuy thành Phật vẫn khó khỏi quả báo nhưc đầu. Sự báo ứng một mảy may không sai lạc, định nghiệp thật khó trốn tránh. Chúng ta gắng cẩn thận, gắng dè dặt chớ có gây nhân.

2. Nghiêm trì giới luật

Dụng công tu hành trước nhất phải trì giới. Giới là cội gốc quả vô thượng Bồ-đề, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, nếu không trì giới mà tu hành thì không thể được. Trong kinh Lăng-nghiêm

dạy rõ bốn món thanh tịnh, dạy chúng ta rằng: “Không trì giới mà tu chánh định không thể thoát khỏi trần lao, dù hiện tiền có nhiều trí tuệ, nhiều thiền định cũng rơi vào tà ma ngoại đạo.” Đó nên biết, trì giới là trọng yếu, người trì giới long thiên ủng hộ, ma ngoại kính sợ. Người phá giới, bọn quỷ gọi là giặc lớn, nó quét dấu chân của người ấy. Ngày xưa tại nước Kế-tân, gần bên đất già-lam có một con độc long thường khi ra nhiều hại dân chúng địa phương. Có năm trăm vị A-la-hán nhóm họp một chỗ dùng sức thiền định đuổi nó đi, rốt cuộc không hiệu quả gì cả. Sau có một vị tăng, không cần nhập thiền định chỉ đến gần con độc long nói một câu: “Hiền thiện! Hãy tránh xa chỗ này đi.” Con độc long liền đi mất. Các vị A-la-hán hỏi vị tăng ấy: “Ông dùng thần thông gì đuổi được con độc long?” Vị tăng đáp: “Tôi không dùng sức thiền định, chỉ do cẩn thận đối với giới, gìn giữ giới khinh cũng như giới trọng.” Chúng ta tưởng tượng sức thiền định của năm trăm vị A-la-hán mà không bằng một vị tăng nghiêm trì giới luật.

Hoặc có người bảo: “Lục Tổ nói tâm bình đầu cần trì giới, hạnh thẳng nào dụng tham thiền.” Tôi xin hỏi ông: Tâm ông đã bình, hạnh ông đã thẳng chưa? Giả sử có người con gái đẹp lỏa thể đến ôm ông, ông có thể không động tâm chẳng? Có người vô lý mạ nhục đánh đập ông, ông có thể không sanh tâm sân hận chẳng? Ông đã đạt được chỗ không phân biệt oán thân, thương ghét, nhân ngã,

phải quáý chưa? Cần thận khi làm được mới nói những lời to ấy, nếu làm không được mà nói chỉ là nói suông.

3. Tín tâm kiên cố

Có ý dụng công tu tập trước cần phải có lòng tin bền chặt. Lòng tin là đầu của đạo, là mẹ các công đức. Bất luận làm việc gì không có lòng tin thì làm không xong. Chúng ta cốt liễu thoát sanh tử, điều cần thiết phải có lòng tin bền chặt. Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ do vọng tưởng chấp trước không thể chứng được.” Phật lại dạy các thứ pháp môn để đối trị tâm bệnh của chúng sanh. Chúng ta nên tin lời Phật nói không hư dối, tin chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Sở dĩ chúng ta chưa được thành Phật, đều do chưa triệt để dụng công đúng như pháp mà thôi. Ví như chúng ta tin đậu nành làm đậu hũ được, nếu ta không ra công nấu đậu hũ thì đậu nành tự nó không thể biến thành đậu hũ. Nếu chúng ta đi nấu đậu hũ mà để thạch cao không đúng lượng, đậu hũ cũng không thể thành. Nếu ta nấu đúng pháp, để thạch cao đúng lượng quyết định sẽ thành đậu hũ. Người tu hành cũng như thế, không dụng công tu tập cố nhiên không thành Phật, dụng công không đúng pháp Phật cũng không thể thành. Nếu người tu tập đúng pháp, không lui không hối, quyết định người này sẽ thành Phật. Cho nên, chúng ta phải tin sâu chính mình xưa nay là Phật; lại tin sâu y giáo pháp Phật dạy tu hành quyết định thành Phật.

Thiền sư Vĩnh Gia nói: “Chứng thật tướng không nhân pháp, sát-na diệt hết nghiệp A-tỳ, nếu dùng lời vọng dối chúng sanh, tự chuốc địa ngục (Bạt Thiệt) trần sa kiếp.” Ngài Vĩnh Gia vì lòng từ bi, cốt định chắc lòng tin cho người đời sau, nên phát lời thệ rộng lớn như vậy.

4. Quyết định pháp môn tu hành

Lòng tin đã đủ, lại nên chọn một pháp môn để tu trì, cần phải không được sớm Tần chiều Sở. Bất luận niệm Phật cũng tốt, trì chú cũng tốt, tham thiền cũng tốt, điều cần thiết là nhận định một pháp môn thẳng đó tiến tu hàng không lui sụt. Ngày nay chưa thành công, ngày mai vẫn tiến hành như thế; năm nay chưa thành công, năm tới vẫn tiến hành như thế; đời này chưa thành công, đời sau vẫn tiến hành như thế. Quy Sơn lão nhân nói: “Đời đời nếu không lui sụt, quả Phật quyết định có ngày.” Có một số người làm mà không chú ý quyết định, ngày nay nghe vị thiện tri thức này nói niệm Phật hay, liền niệm Phật được vài ngày; ngày mai nghe vị thiện tri thức kia nói tham thiền hay, lại tham thiền vài ngày, sang đông tìm tây, một đời kiếm tìm đến chết mà không được một chút kết quả, rất uổng thay!

II- PHƯƠNG PHÁP THAM THIỀN

Pháp môn dụng công tuy nhiều mà chư Phật, Tổ sư đều cho tham thiền là vô thượng diệu môn. Trên hội Lăng-nghiêm Phật dạy Bồ-tát Văn-thù chọn môn viên thông, ngài Văn-thù chọn môn nhĩ căn

viên thông của Bồ-tát Quán Thế Âm là bậc nhất hơn cả. Chúng ta cần “Phản văn văn tự tánh” (xoay cái nghe nghe tự tánh) chính là tham thiền. Trong thiền đường này cũng nên giảng một pháp tham thiền.

1. Tọa thiền nên biết

Bình thường nhật dụng đều là hành đạo, như vậy chỗ nào không phải là đạo tràng, cần gì thiết lập thiền đường, cũng không phải tọa thiền mới là thiền. Nói thiền đường, nói tọa thiền chẳng qua vì chúng ta là chúng sanh trong thời mạt pháp chướng sâu tuệ cạn mà tạm thiết lập.

Tọa thiền cần hiểu rõ cách điều dưỡng thân tâm. Nếu không khéo điều, hại nhỏ là sanh bệnh, hại to là bị ma, thật đáng tiếc vậy. Trong thiền đường đi kinh hành hoặc tọa thiền, chỗ dụng ý chính là điều thân tâm. Phương pháp điều thân tâm rất nhiều, nay chọn lọc những điều cần yếu lược nói:

Khi ngồi kiết già phải theo thứ tự, giữ tự nhiên và ngồi ngay thẳng. Không được để ý ẽnh lưng thẳng lên, nếu ẽnh thẳng lưng hơi nóng xông lên tụ lại lâu ngày, con mắt sanh nhiều ghèn, miệng hôi, đầu nóng, không muốn ăn uống, quá lắm đến thổ huyết. Lại không được để lưng cong đầu cúi nhiều, nếu vậy dễ sanh hôn trầm. Như biết khi hôn trầm tới, mở mắt to ra, ẽnh lưng một cái và động nhẹ nhẹ hai bên hông, hôn trầm tự nhiên tiêu diệt.

Nếu dụng công cấp bách quá, khi nghe trong lòng bứt rứt nên bỏ hết mọi việc và xả luôn cả dụng công, dừng nghỉ độ năm mười phút, dần dần thư thái, nhiên hậu đề khởi dụng công. Nếu không như vậy, dôn chứa lâu ngày biến thành tánh nóng nảy dễ sân, thậm chí phát cuồng bị ma.

Tọa thiền khi có chút thọ dụng (thấy cảnh giới lạ) cảnh giới phát hiện rất nhiều nói không thể hết, chỉ ta không chấp trước cảnh giới ấy thì nó không làm ngại ta được. Thông thường nói: “Thấy quái ta không quái, quái tự mất.” Trông thấy yêu ma quỷ quái đến nhiều hại ta, ta không cần quan tâm đến nó, cũng không sợ nó hại. Chính thấy đức Phật Thích-ca đến rờ đầu thọ ký, ta cũng không quan tâm đến, chẳng nên sanh vui mừng. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Không khởi tâm cho mình chứng thánh, là cảnh giới lành, khởi tâm cho mình chứng thánh, tức lạc quần tà.”

2. Hạ thủ công phu - biết chủ khách

Hạ thủ công phu thế nào ư? Trên hội Lăng-nghiêm ngài Kiều-trần-như nói hai chữ “Khách trần”, chính là chỗ sơ tâm chúng ta hạ thủ công phu vậy. Ngài nói: “Ví như người hành khách dừng nghỉ nơi quán trọ, hoặc ngủ hoặc ăn, ăn ngủ xong gói hành lý ra đi, đi không trở về nghỉ lại. Nếu thật người chủ thì không đi đâu. Như thế suy xét, không ở lại gọi là Khách, ở lại gọi là Chủ. Bởi không ở lại nên nghĩa là khách. Lại như buổi sáng trời tạnh,

mặt trời vượt lên, ánh sáng soi qua các kẽ hở, soi rõ các vi trần trong hư không, vi trần dao động, hư không yên lặng. Yên lặng là Không, dao động là nghĩa Trần.” Khách và trần dụ vọng tưởng, chủ và hư không dụ tự tánh. Người chủ thì thường ở, không phải như khách hoặc đi hoặc đến, đó là dụ tự tánh thường trụ vốn không theo vọng tưởng chợt sanh chợt diệt. Nên nói: “Chỉ tự vô tâm với vạn vật, ngại gì vạn vật thường nhiễu loạn.” Tính chất vi trần tự dao động vẫn không làm ngại được cái yên lặng của hư không. Dụ vọng tưởng tánh nó sanh diệt vẫn không làm ngại được tự tánh như như bất động. Nên nói: “Một tâm không sanh, muôn pháp chẳng lỗi lầm.”

Trong đây chữ Khách so phần thô, chữ Trần so phần tế. Người mới phát tâm trước nhận rõ Chủ và Khách, tự không bị nó kéo lôi; tiến lên nhận rõ ràng Không và Trần, vọng tưởng không thể làm chướng ngại. Nên nói: “Biết được, không phải oán.” Người hay xét kỹ lãnh hội được chỗ này, sự dụng công tu hành rất chóng tiến.

3. Thoại đầu cùng nghi tình

Thời xưa Tổ sư chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Như cách an tâm của tổ Đạt-ma, lối bàn kiến tánh của Lục Tổ, chỉ cần thẳng đó thừa nhận là xong, không có khán thoại đầu. Đến các tổ sư sau này thấy tâm người không bằng cổ nhân, không thể tử tâm như khối đất, mà luôn tráo trở lằng xằng,

mọi người chỉ đếm của báu cho kẻ khác mà lầm nhận là của mình. Bởi thế nên các ngài riêng lập môn đình (cảnh riêng) và mỗi vị chỉ ra một phương pháp, do đó mới dạy người học khán thoại đầu.

Thoại đầu rất nhiều, như: “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” hay “Trước khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt thật của ta?” v.v... nhưng phổ thông hơn cả là câu “Niệm Phật là gì?”

Thế nào là thoại đầu? Thoại là lời nói, trước lời nói là đầu. Như niệm A-di-đà Phật là thoại, trước khi chưa niệm là thoại đầu. Nên nói thoại đầu là cái mẹ chưa sanh một niệm. Một niệm vừa sanh đã thành thoại vĩ (đuôi lời nói). Cái mẹ chưa sanh một niệm đó gọi là “không sanh”; không loạn động, không mê muội, không đắm nơi tịnh, không rơi vào không, gọi là “không diệt”. Luôn luôn chăm chú trở lại chiếu soi cái “không sanh không diệt” ấy, gọi là “khán thoại đầu” hoặc “chiếu cố thoại đầu”.

Khán thoại đầu trước cần phải khởi nghi tình, đó là chỗ nương nhờ của pháp khán thoại đầu. Sao gọi là nghi tình? Như hỏi niệm Phật là gì? Người người đều biết chính mình niệm, nhưng là miệng niệm hay tâm niệm? Nếu thật miệng niệm, khi ngủ mê vẫn có miệng sao không niệm? Nếu thật tâm niệm, tâm hình dáng thế nào, lại không có chỗ nơi sở mó? Nhân chỗ không rõ này, trên chữ “gì” phát khởi niệm nghi nhẹ nhàng tế nhị, không cho thô, càng tế càng tốt. Tùy thời tùy chỗ chăm chú chiếu cố

quyết chí nơi niệm nghi này, giống như dòng nước không có chỗ đoạn, không sanh hai niệm. Nếu niệm nghi còn thì không cần để ý đến nó, niệm nghi nếu mất lại nhẹ nhàng đề khởi lên. Khi mới dụng tâm thì trong tịnh, trong động so sánh rất đặc lực. Nhưng cốt không sanh tâm phân biệt, không quan tâm đến đặc lực hay không đặc lực, không chú ý trong động hay trong tịnh, ta chỉ nhất tâm, nhất ý dụng công là tốt.

Bốn chữ Niệm Phật là gì, rất quan trọng tại chữ “gì”, ngoài ra ba chữ kia chẳng qua là để nói cho to mà thôi. Như “mặc áo, ăn cơm là gì?”, “đại tiểu tiện là gì?”, “phá vô minh là gì?”, “hay hiểu biết là gì?”, bất luận đi đứng ngồi nằm một khi đề chữ “gì” lên là dễ phát niệm nghi, không cần suy nghĩ xét nét để ý mới có. Cho nên chữ “gì” trong câu thoại đầu thực tại là một diệu pháp của tham thiên. Nhưng không phải đem một chữ “gì”, hoặc bốn chữ “niệm Phật là gì?” coi như danh hiệu Phật mà niệm; cũng không phải suy nghĩ xét nét câu “niệm Phật là gì?” mà cho là nghi tình. Có một số người đem bốn chữ “niệm Phật là gì?” ra niệm suốt ngày không dừng miệng, như thế chi bằng niệm A-di-đà Phật công đức còn hơn. Có một số người nghĩ quanh tính quẩn, tìm đông kiếm tây cho đó là nghi tình, đâu biết rằng càng nghĩ càng tính vọng tưởng càng nhiều, giống như người muốn lên lại bị rơi xuống, cần phải biết vậy.

Người sơ tâm phát niệm nghi rất thô, chột dứt chột nổi, chột chín chột sống, đều không được

nghi tình, chỉ gọi là Tưởng. Lần lần thu nhiếp được tâm cuồng loạn, niệm đầu cũng kìm giữ được chút ít, mới gọi là Tham. Lại tiến dần dần công phu thuần thực không nghi mà tự nghi, không biết mình đang ngồi ở chỗ nào, cũng không biết có thân tâm thế giới, chỉ riêng niệm nghi hiện tiền không gián đoạn, đó gọi là nghi tình. Thực tế mà nói, lúc đầu chưa kể là dụng công chỉ đả phá vọng tưởng, đến khi chân nghi hiện tiền mới là giai đoạn chân chánh dụng công. Giai đoạn này như qua cửa ải lớn rất dễ vào đường tễ.

Giai đoạn này rất thanh tịnh và vô hạn khinh an, nếu mất một ít giác chiếu bèn rơi vào trạng thái mê muội nhẹ nhàng. Nếu khi ấy có bậc sáng suốt ở bên, một phen nhìn qua liền biết người ấy đang mắc tại cảnh giới này, lấy một hương bản đập xuống, lập tức đầy trời mây mù tan hết, rất nhiều người nhân đây được ngộ đạo.

Chính khi rất thanh tịnh rộng rang ấy, nếu nghi tình không còn bèn rơi vào vô ký, ngồi như cây như đá, hoặc gọi hòn đá ngâm nước lạnh. Đến khi đó cần phải đề khởi, đề khởi tức là giác chiếu (giác là không mê, tức là tuệ; chiếu là không loạn, tức là định). Chăm chú một niệm ấy, lặng lẽ chiếu soi, như như không động, sáng sủa không mê, rành rõ thường biết, như lạnh nóng rút hơi, một mạch liên tục không dứt.

Dụng công đến chỗ này cần có con mắt Kim cang không đề khởi thêm, nếu đề khởi thì đã đầu

lại thêm đầu. Xưa có vị tăng hỏi Triệu Châu lão nhân rằng: “Một vật khi không đem đến làm thế nào?” Triệu Châu đáp: “Buông hết đi!” Tăng thưa: “Một vật không đem đến, buông hết cái gì?” Triệu Châu bảo: “Buông không xuống thì gánh lên!” Chính là nói giai đoạn này vậy. Trong cảnh sáng sửa mát mẻ này như người uống nước lạnh nóng tự biết, không phải nói năng có thể đến được. Người đến chỗ này tự nhiên sáng suốt, người chưa đến được có nói cũng vô ích. Nên nói: “Trên đường gặp kiếm khách nên trình kiếm, không phải nhà thơ chớ tặng thơ.”

4. Chiếu cố thoại đầu cùng phản văn văn tự tánh

Hoặc có người hỏi: “Câu phản văn văn tự tánh của Bồ-tát Quán Thế Âm sao được gọi là tham thiên?” - Tôi mới nói chiếu cố thoại đầu chính là dạy ông luôn luôn chăm chú một niệm hồi quang phản chiếu cái “không sanh không diệt” (thoại đầu). Phản văn văn tự tánh cũng là dạy ông luôn luôn chăm chú một niệm phản văn văn tự tánh. Hồi chính là Phản, “không sanh không diệt” là Tự tánh. Văn và Chiếu, tuy lúc xuôi dòng theo thanh theo sắc, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc, phân biệt rõ ràng; nhưng khi ngược dòng trở lại quán tự tánh không chạy theo thanh sắc, chính là một cái tinh minh, Văn và Chiếu đâu phải hai thứ. Chúng ta cần biết, nói rằng “Chiếu cố thoại đầu”, “Phản văn tự tánh” tuyệt đối không phải dùng mắt xem,

dùng tai nghe. Nếu dùng mắt xem, hoặc dùng tai nghe, ấy là đã chạy theo thanh sắc, bị vật chuyển gọi là xuôi dòng. Nếu chăm chú trong một niệm “không sanh không diệt”, không đuổi theo thanh sắc, gọi là ngược dòng. Ấy là “Chiếu cố thoát đầu”, cũng là “Phản văn tự tánh”.

5. Tâm thiết tha vì sanh tử cùng phát tâm lâu dài

Tham thiền rất cần tâm thiết tha vì sanh tử và phát tâm lâu dài. Nếu đối với sự sanh tử không thiết tha thì nghi tình không phát, công phu khó đạt. Nếu không phát tâm lâu dài, một nóng mười lạnh thì công phu cũng không thành phiền. Chỉ cần có tâm thiết tha lâu dài thì chân nghi mới phát. Khi chân nghi phát thì trần lao phiền não không dứt cũng tự dứt. Khi thời tiết nhân duyên đến tự nhiên nước tự thành ngòi.

Tôi xin thuật lại một việc cũ chính mắt tôi thấy cho các ông nghe. Lúc trước, đời Thanh khoảng năm Canh Tý (1900), Liên quân tám nước vào kinh đô, tôi theo chân vua Quang Tự và Từ Hy thái hậu chạy giặc. Giữa đường gặp một đoạn phải chạy bộ về Thiểm Tây, mỗi ngày chạy mấy mươi cây số, luôn mấy ngày không có cơm. Trên đường gặp một ông già đem dâng vua Quang Tự một miếng khoai rừng, ăn xong vua hỏi người ấy: “Thứ gì ăn ngon lắm vậy?” Các ông thử tưởng, Hoàng đế ngày thường rất kiêu cách, rất oai phong, đâu từng đi bộ hơn mấy bước, chưa từng đói quá nửa bụng, chưa từng ăn hết

một miếng khoai rừng. Đến lúc này, kiểu cách chẳng có, oai phong không còn, lợi bộ cũng được, bụng đói cũng chịu, ăn rễ rau cũng ngon. Vì sao mà ông bỏ hết được? Vì Liên quân đuổi bắt ông, ông nhất tâm chạy chết. Đến sau được nghị hòa, ông ngự giá về kinh, kiểu cách lại khởi, oai phong lại hiện, đi bộ không nổi, bụng đói không được, cái gì không ngon thì nuốt không trôi. Sở dĩ thế, tại khi này ông buông không hết, vì Liên quân không còn đuổi bắt ông, ông không có tâm chạy chết. Giả sử ông thường đem cái tâm chạy chết ấy mà tu hành thì thế nào không thành công; đáng tiếc ông không có tâm lâu dài, gặp thuận cảnh thái độ cũ lại bộc khởi.

Các vị đồng tham thiên! Bọn quý vô thường luôn luôn theo đuổi sanh mạng chúng ta, không bao giờ chúng chịu “nghị hòa”. Chúng ta cần phải phát tâm thiết tha lâu dài để giải thoát vòng sanh tử. Tổ Cao Phong Diệu nói: “Người tham thiên cần yếu khắc định ngày thành công, giống như người rơi xuống giếng sâu ngàn trượng từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng muôn ngàn tư tưởng chỉ chăm chăm một việc mong ra khỏi giếng, trọn không có niệm thứ hai. Người thực hành được như vậy, hoặc ba ngày, năm ngày, bảy ngày, nếu không triệt ngộ, Cao Phong ngày nay phạm tội đại vọng ngữ hằng đọa trong địa ngục Bạt Thiệt.” Lão nhân Cao Phong vì lòng đại bi thiết tha sợ e chúng ta không phát tâm tha thiết lâu dài, nên phát lời thể nặng này để bảo chứng cho chúng ta.

6. Dụng công có hai thứ khó và dễ

Người dụng công có hai thứ khó và dễ:

1- Sơ dụng tâm khó dễ

2- Lão dụng tâm khó dễ

a. Sơ dụng tâm khó dễ

+ Sơ dụng tâm khó - Tâm trộm không chết

Cái thông bệnh của người sơ dụng tâm là vọng tưởng, tập khí bùng không hết, vô minh, cao mạn, tật đố, chướng ngại, tham, sân, si, ái, lười biếng, ăn ngon, phải quấy, nhân ngã đầy dẫy trong bụng, làm sao tương ứng với đạo? Hoặc có người là công tử hay ca sĩ xuất gia tập khí không quên, một chút khổ nhọc chịu không nổi, một miếng không ngon nuốt chẳng vô, làm sao dụng công tu hành? Người này không chịu tưởng nhớ đức Bổn sư Thích-ca là hạng nào đi xuất gia mà chịu khó khổ được như vậy? Hoặc có người biết chút ít văn tự bèn tâm chương trích cú đem những lời nói của cổ nhân ra phân tích, rồi cho mình là hiểu hoàn toàn sanh đại ngã mạn; nhưng đến khi bệnh nặng thì rên xiết suốt ngày, hoặc đến lúc sắp lâm chung thì tay co chân rút, bình sanh chỗ hiểu biết không thực hành được một điểm, đến khi hấp hối ăn năn sao kịp?

Hoặc người có chút đạo tâm lại không hiểu rõ chỗ hạ thủ công phu. Có người sợ vọng tưởng cố trừ mà trừ không được, trọn ngày buồn rầu bực tức tự hận nghiệp chướng nặng nề, nhân đó thối thất

đạo tâm. Hoặc có người quyết cùng vọng tưởng chiến đấu, chăm bẵm chống tay tức khí, ưỡn ngực trừng mắt giống vẻ mặt hăm hăm của tên giám sát, quyết cùng vọng tưởng một còn một mất; họ đâu biết như vậy, vọng tưởng đã đuổi không được, trở lại mang bệnh thổ huyết, phát cuồng. Hoặc có người sợ rơi vào không, đâu ngờ trước đã sanh ra quỷ; không vẫn là không chẳng động, ngộ lại ngộ chẳng đến. Hoặc có người khởi tâm cầu ngộ, ngờ đâu cầu ngộ đạo mong thành Phật đều là đại vọng tưởng; cát không phải là cơm, cầu đến bao nhiêu năm quyết định cũng không ngộ. Hoặc có người chợt được yên tịnh một vài cây hương bèn sanh vui mừng, ấy chỉ là con rùa đen mù tìm bông cây, ngẫu nhiên đụng nhằm chẳng phải là công phu thật, ma vui mừng sớm đã nhập vào tâm vậy. Hoặc có người trong chỗ yên tịnh biết được thanh tịnh rất thích, trong chỗ động thì mất thanh tịnh, nhân đó tránh chỗ ồn náo tìm chỗ yên tịnh, ấy là đã sớm làm quyến thuộc của hai thứ ma vương động tịnh. Các người như vậy thật rất là nhiều. Kể sơ dụng tâm không thấu rõ đường lối tu tập thật là khó. Có giác mà không chiếu thì tán loạn không thể “đến nhà”. Có chiếu mà không giác lại “ngồi chết chìm trong nước chết”.

+ Sơ dụng tâm dễ - Buông xuống chỉ để một niệm

Dụng công tuy nói khó, nhưng hiểu rõ đường lối lại rất dễ. Tại sao sơ dụng tâm là dễ? Không có gì khéo, buông hết liền được. Buông hết cái gì? Buông hết tất cả vô minh phiền não. Làm sao buông

hết được? Chúng ta coi thân này như chết vậy. Ông thử chửi thầy chết bao nhiêu câu, nó cũng không phát giận, đánh mấy gậy nó cũng không chống cự, lúc sống ưa phá vô minh bây giờ cũng không phá, lúc sống ưa danh lợi khi này cũng không màng, lúc sống nhiều thứ tập nhiễm khi này không có, cái gì cũng không phân biệt, cái gì cũng bỏ hết. Chư vị đồng tham thiền! Chúng ta mang xác thân này một phen hơi thở ra không trở lại bèn thành thầy chết. Chúng ta sở dĩ buông không hết, chỉ do xem thân này là trọng, sanh nhân ngã phải quá thương ghét thủ xả. Nếu nhận định thân này như thầy chết, không quý trọng nó, không chấp nó là ngã thì có cái gì buông không hết? Chỉ cần buông được hết, trong hai mươi bốn giờ đi đứng ngồi nằm, động tịnh rảnh rang bện rộn, toàn thân trong ngoài chỉ là một niệm nghi, bình thân không dứt niệm nghi, không chen niệm nào khác. Một câu thoại đầu như nương Ý Thiên trường kiếm, ma đến ma chết, Phật đến Phật chết, không sợ vọng tưởng thì có cái gì phá hại ta được? Có cái gì phân động phân tịnh, có cái gì chấp hữu chấp không? Như quả thật sợ vọng tưởng, ấy là chồng thêm một lớp vọng tưởng. Biết mình thanh tịnh, thế là đã không thanh tịnh. Sợ rơi vào không, chính đã rớt trong có. Tưởng thành Phật, đã vào đường ma. Nên nói: “Bữa củi gánh nước đâu không phải diệu đạo, cày ruộng cuốc đất đều là thiên cơ.” Không phải trong khi ngồi kiết già mới gọi là dụng công tu hành.

b. Lão dụng tâm khó dễ

+ Lão dụng tâm khó - Đầu sào trăm thước không thể tiến bước

Thế nào là lão dụng tâm khó? Lão dụng tâm đến giai đoạn chân nghi hiện tiền, có giác có chiếu vẫn thuộc sanh tử, không giác không chiếu lại rơi vào không vong, đến cảnh giới này thật là khó. Đa số người đến chỗ này vượt qua không khỏi, đứng trên đầu sào trăm thước không có cách nào tiến bước. Có một số người nhân đến cảnh giới này, trong định phát chút ít tuệ hiểu sơ lược một ít công án của cổ nhân, liền bỏ hết nghi tình, tự cho là đại triệt đại ngộ, ngâm thi vịnh phú, nhướng mày chớp mắt, xưng là thiện tri thức, thật không biết mình đã rơi vào bè đảng của ma. Lại có người hiểu lầm ý nghĩa câu của Đạt-ma lão nhân nói: “Ngoài dứt các duyên, trong tâm không xao động, tâm như vách tường có thể vào đạo” và câu của Lục Tổ nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa”, bèn cho ngồi như cây như đá là hay tuyệt. Hạng người này cho Hóa thành là Bảo sở, nhận xứ người cho là quê hương, thật là chỗ Bà tử đốt am và mắng “Các người là người chết”.

+ Lão dụng tâm dễ - Cứ miên mật đi!

Thế nào là lão dụng tâm dễ? Đến lúc này chỉ cần không tự mãn, không bỏ nửa chừng, thâm thâm kín kín dụng công, trong thâm kín lại thâm kín,

trong vi tế lại vi tế, khi thời tiết đến đáy thùng tự bể (đại ngộ). Nếu không tự bể, nhờ thiện hữu tri thức nhổ đinh rút chốt cho.

Đại sĩ Hàn Sơn có bài tụng:

Chót vót trên đỉnh núi,
 Bốn phía không mé bờ.
 Ngồi tịnh chẳng ai biết,
 Suối lạnh vằng trăng soi.
 Trong suối vốn không trăng,
 Trời xanh trăng xa thẳm.
 Ngâm một bài ca này,
 Trong ca thiên chẳng có.

Hai câu đầu nói cái chân thường bày hiện, không thuộc một cái gì, sáng chiếu khắp đại địa không một mảy chướng ngại. Bốn câu kế nói chân như diệu thể phàm phu hắc không thể biết, ba đời chư Phật cũng tìm không được chỗ nơi của ta, nên nói: “chẳng ai biết”; ba câu “Suối lạnh vằng trăng soi v.v...” là Lão nhân dùng phương tiện ví dụ cảnh giới ấy. Hai câu rốt sau, sợ người nhận lầm ngón tay là mặt trăng, nên đặc biệt cảnh giác chúng ta “phàm có nói năng không phải là thiên”.

III- KẾT LUẬN

Chính tôi mới nói ở trên cũng là gỡ rối chỉ đường mà thôi. Phàm có nói năng đều không phải thật nghĩa. Cổ đức tiếp độ người, nếu không đánh

thì nạt, đâu có vẽ bầy lãng xãng vậy. Chẳng qua người nay không thể sánh với người xưa, miễn cưỡng dùng tay chỉ mặt trăng. Chư vị đồng tham thiên! Cứu cánh ngón tay là gì? Mặt trăng là gì? Hãy tham đi!

Giảng:

A. DẪN LỜI DẠY

Chư vị hằng ngày đến thỉnh tôi chỉ dạy khiến tôi rất hổ thẹn. Chư vị ngày ngày nhọc nhằn cuốc đất, bừa củi, gánh gạch, làm việc quên cả sớm chiều mà vẫn không quên tâm niệm cầu giải thoát. Hạt giống thiết tha vì đạo ấy khiến mọi người đều cảm động. Hư Vân này hổ thẹn không đạo không đức, nói không đến đâu lấy gì chỉ dạy, chỉ lượm lặt những lời dạy của cổ nhân để đáp lại lời khẩn cầu của chư vị mà thôi.

Đây là lời nói khiêm nhường của hòa thượng Hư Vân. Thấy tất cả thính chúng tha thiết cầu đạo, ngài tự nói rất hổ thẹn vì mình không đạo không đức, nói không đến đâu, nhưng vì mọi người thỉnh cầu nên ngài tạm dẫn lời cổ nhân để đền đáp lại.

Hòa thượng Hư Vân tu về thiền thoại đầu, ở đây chúng ta đọc qua, phần nào dễ thì nhận hiểu mà tu, còn phần nào nghiêng về thoại đầu thì chúng ta chỉ nghe qua cho biết.

B. PHƯƠNG PHÁP NHẬP MÔN DỤNG CÔNG

Phương pháp dụng công tu hành rất nhiều, hiện tại chỉ tóm lược chỉ bày.

I- ĐIỀU KIỆN QUYẾT ĐỊNH TRƯỚC KHI TU TẬP

1. Tin sâu nhân quả

Không luận người nào, nếu muốn dụng công tu tập trước cần phải tin sâu nhân quả. Nếu không tin nhân quả, thực hành cần bướng, không những tu hành chẳng thành công mà tam đồ cũng khó tránh. Cổ đức nói: “Muốn biết nhân đời trước hãy xem sự lãnh thọ của đời này, muốn biết quả đời sau hãy nhìn sự gây tạo hiện tại.” Lại nói: “Giả sử đã tạo nghiệp trăm ngàn kiếp vẫn không mất, khi nhân duyên hội ngộ quả báo trở lại tự chịu.”

Phàm tu theo pháp môn nào của đạo Phật cũng phải có những điều kiện quyết định trước khi tu tập thì sự tu mới thành công. Điều kiện đầu tiên là tin sâu nhân quả.

Cổ đức nói: Muốn biết nhân đời trước hãy xem sự lãnh thọ của đời này. Chúng ta đừng coi bói, coi đồng bóng để hỏi đời trước mình ở đâu, làm gì; cứ nhìn quả đang hưởng thì tự biết. Vì trước gieo nhân, ngày nay mới hưởng quả. Quả tốt hay xấu là biết ngày xưa mình lành hay dữ. Nếu quả hiện tại được mọi người quý mến, muốn gì được nấy không có gì trở ngại thì biết đời trước đã gieo nhiều phước duyên lành. Còn làm gì cũng thất bại, gặp ai họ cũng muốn rầy la mắng nhiếc thì biết trước đã tạo nhân không tốt, nên ngày nay phải chịu quả không tốt. Hiểu như vậy rồi không cần hỏi, không cần suy luận, tự giải quyết không có nghi ngờ.

Đó là nói về nhân đời trước, còn quả đời sau thì sao? *Muốn biết quả đời sau hãy nhìn sự gây tạo hiện tại.* Không cần hỏi đời sau chết rồi về đâu, sẽ được khổ hay vui; nhìn hành động hiện tại đang làm lành hay dữ mà biết quả đời sau sẽ khổ hay vui. Hiện tại tạo nhân lành cứu người cứu vật, làm lợi ích chúng sanh, nhất định nhắm mắt sẽ đi đường lành, không có gì phải lo. Còn gian tham cướp giết, giết hại mạng chúng sanh, tạo những điều đau khổ cho người, chắc chắn đời sau sẽ được Diêm chúa mời dự tiệc. Đó là lý nhân quả của đạo Phật.

Lại nói: Giả sử đã tạo nghiệp trăm ngàn kiếp vẫn không mất, khi nhân duyên hội ngộ quả báo trở lại tự chịu. Nghiệp tạo nhiều đời mình đã quên mất, nhưng khi gặp đủ nhân duyên tụ hội thì cũng phải trả quả báo. Ví dụ thuở nhỏ chúng ta làm gì xấu với ai khiến cho người giận ghét, lớn lên mỗi người đi mỗi phương bất thần gặp lại, chắc chắn người đó không có cảm tình với mình. Lâu nay đi đâu mất thì quên, nay gặp lại tự nhiên sự nhớ liền. Còn trước đây chúng ta làm những điều tốt đẹp với ai, một thời gian dài cách xa không gặp, nay bỗng dưng gặp lại liền có cảm tình, họ quý mến mình. Đó là do nhân trước mình đã gây tạo, nên chiêu cảm ra như vậy.

Có người nói, không biết tại sao tôi không quen với người đó mà gặp thấy rất thân thiện, họ giúp đỡ đủ thứ. Việc này không có gì lạ. Vì hồi xưa mình đã tạo nhân lành với họ, nên bây giờ gặp lại họ đối xử tốt với mình. Có nhiều người cũng trách, tôi trước giờ chưa làm

phiền lụy với người đó, tại sao gặp tôi họ ghét như oán thù? Đời này không tạo nhưng quá khứ đã tạo rồi, do quá khứ tạo nên gặp nhau oán hờn liền hiện lại, gây ra những chuyện không vui không tốt. Không có gì là ngẫu nhiên, tất cả đều do nhân mình gây dẫn đến quả mình chịu chứ không có gì lạ.

Kinh Lăng-nghiêm nói: “Nhân địa không ngay, quả báo cong vạy.” Cho nên gieo nhân lành kết quả lành, gieo nhân ác gặt quả ác, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu là đạo lý tất nhiên vậy.

Kinh Lăng-nghiêm nói: “Nhân địa không ngay, quả báo cong vạy.” Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, nhân nào quả nấy không sai chạy, không có gì làm cho nó biến đổi. Nhưng cũng có trường hợp do duyên biến đổi, trồng dưa mà không ra dưa, trồng đậu mà không có đậu. Chỗ này tế nhị hơn một chút. Nếu trồng dưa trồng đậu mà bị côn trùng kiến chuột phá thì dưa đậu sẽ hư không ra trái. Hoặc như ngày nay người ta trồng cây bình bát tháp nhánh măng cầu, gốc thì bình bát mà trái là măng cầu. Vì vậy nhân tuy đã tạo ra không mất, song tùy theo duyên mà có chuyển biến.

Giả sử ngày xưa mình gây nhân làm khổ cho người mười phần, ngày nay nhờ biết tu thiện nên gặp lại chỉ trả năm hoặc ba phần thôi, vì biết chuyển biến nên không trả trọn vẹn. Hoặc khi xưa chúng ta gây nhân mười, ngày nay không biết tu, lại làm thêm việc xấu ác, nên khi gặp lại phải trả đến mười lăm, hai mươi. Ví dụ xưa mình nói người đó một câu chỉ đủ giận, nay bất thần

gặp lại mặt mình hăm hăm muốn làm dữ với họ, thì chắc chắn sẽ đưa đến chửi mắng đánh đập nhau. Nhân trước không lớn nhưng vì hiện tại làm cho xấu thêm, nên đưa đến kết quả nặng. Gây nhân xấu mà biết tu thì chuyển bớt, còn gây nhân đã xấu lại không biết tu thì xấu ác càng tăng thêm.

Nói đến nhân quả tôi xin thuật hai câu chuyện xưa để chứng minh.

a. Chuyện vua Lưu-ly giết dòng họ Thích

Trước đức Phật Thích-ca ra đời, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một làng chài lưới, trong làng có cái hồ to. Khi ấy trời hạn nước cạn, bao nhiêu cá trong ao bị người làng bắt ăn hết, sau cùng còn lại một con cá thật to cũng bị người làm thịt luôn. Trong làng chỉ có một đứa bé lâu nay không ăn thịt cá, hôm ấy đến thấy con cá to lấy cây gõ trên đầu nó ba cái rồi đi.

Sau này khi đức Thích-ca ra đời, vua Ba-tư-nặc rất kính tin Phật pháp, cưới con gái dòng họ Thích làm vợ, sanh được một thái tử đặt tên Lưu-ly. Lúc thơ ấu, Lưu-ly ở bên ngoài tại thành Ca-tỳ-la-vệ học, một hôm nhân giỡn chơi trèo lên tòa của Phật ngồi, bị người họ Thích rầy mắng kéo lôi xuống, nên ôm lòng uất hận. Đến khi Lưu-ly lên làm vua, xuất đại binh đánh thành Ca-tỳ-la-vệ, bắt hết dân cư trong thành giết sạch, chính khi ấy đức Thích-ca nhưc đầu ba ngày.

Các vị đệ tử lớn của Phật cầu xin Phật tìm cách giải cứu dòng họ Thích. Phật nói: “Định nghiệp khó chuyển.”

Tôn giả Mục-liên dùng sức thần thông lấy bình bát đến thâu năm trăm người dòng Thích-ca đem để trên không trung; khi giặc qua, ngài đem xuống thả ra, không ngờ khi trút bát thấy tất cả đều biến thành máu. Các đệ tử lớn đến thưa hỏi Phật, Phật đem việc xưa dân trong làng ăn cá thuật lại: Con cá lớn ngày xưa là vua Lưu-ly hiện nay, quân đội của vua Lưu-ly đều là những con cá nhỏ trong hồ. Dân cư trong thành Ca-tỳ-la-vệ bị giết đều là người ăn cá ngày xưa. Thân Phật chính là đứa bé gõ đầu cá ba cái ngày xưa, nên hiện tại bị quả báo nhưc đầu ba ngày. Vì định nghiệp khó tránh nên năm trăm người dòng họ Thích tuy được tôn giả Mục-liên cứu thoát, cũng không bảo tồn được tánh mạng. Sau này vua Lưu-ly bị đọa địa ngục. Oan oan tương báo không biết bao giờ hết được. Nhân quả thật đáng sợ vậy.

Vua Lưu-ly tiền thân là con cá lớn, sau giết dòng họ Thích để trả thù xưa. Giết dòng họ Thích rồi sau sẽ bị dòng họ Thích giết lại, cứ như vậy mà oan oan tương báo không có ngày cùng. Cho nên nếu chúng ta có làm gì xấu ác với ai, bị họ trả lại bằng cách mắng chửi đánh đập mình thì thôi bỏ đi, đừng oán giận. Không oán thù nữa, trả nợ một lần là hết. Nếu còn tăng oán thù thì trả đến bao giờ mới hết! Người biết nhân quả phải nên dè dặt.

b. Chuyện ngài Bá Trượng độ hồ ly

Lão nhân Bá Trượng một hôm vào nhà giảng, giảng xong các thính giả ra hết, chỉ còn lại một ông già không lui đi. Ngài Bá Trượng hỏi:

- Ông còn muốn hỏi gì?

Ông ấy thưa:

- Con là Dã hồ tinh không phải là người, đời trước con vốn làm Đường đầu ở đây, nhân có người học, hỏi con: “Bậc đại tu hành lại rơi vào luật nhân quả chăng?” Con đáp: “Không rơi nhân quả.” Do đó con bị đọa lạc làm dã hồ tinh đã năm trăm năm, không có cách nào thoát thân, mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy cho!

Ngài Bá Trượng bảo:

- Người hỏi lại ta.

Ông ấy bèn hỏi:

- Bạch Hòa thượng! Bậc đại tu hành lại rơi vào nhân quả chăng?

Tổ Bá Trượng đáp:

- Không làm nhân quả.

Ông già nghe câu này liền đại ngộ. Ông lễ tạ thưa:

- Nay nương lời đáp thay của Hòa thượng khiến con siêu thoát thân dã hồ. Con ở hang sau núi, mong Hòa thượng lấy lễ tống táng theo nhà sư cho con.

Hôm sau, tổ Bá Trượng lại hang sau núi, lấy gậy bới ra có xác con hồ tinh, bèn dùng lễ theo nhà sư mà an táng.

Chúng ta nghe hai câu chuyện xưa này càng biết rõ nhân quả đáng sợ, tuy thành Phật vẫn khó khỏi quả báo nhức đầu. Sự báo ứng một mảy may không sai lạc, định nghiệp thật khó trốn tránh. Chúng ta gắng cẩn thận, gắng dè dặt chớ có gây nhân.

Ông tăng dã hồ này khi người hỏi *bạc đại tu hành có rơi vào nhân quả không*, ông đáp *không rơi vào nhân quả* thì ông bị đọa làm dã hồ tinh. Sau ông đem câu này hỏi tổ Bá Trượng, Tổ đáp không làm nhân quả, ông liền thoát khỏi kiếp dã hồ tinh. Hai câu đáp này khác nhau chỗ nào? Bởi trước ông đáp sai cho nên phải đọa. Những bậc đại tu hành, lớn nhất là Phật mà khi thành Phật rồi vẫn còn phải trả quả, nào là kim thương, mã mạch cho tới bị đau đầu ba hôm. Ngài Mục-kiền-liên đã chứng thánh quả, tuy có thần thông cũng tránh không khỏi, bị người đánh như tử đến chết. Nhân quả nếu đời này chưa trả thì đời sau hoặc nhiều đời sau nữa cũng phải trả. Dù cho những bậc chỉ còn thọ thân lần chót là chứng quả Phật hoặc chứng A-la-hán, quả báo còn sót lại bao nhiêu vẫn phải trả hết. Quả báo Phật vẫn phải trả, A-la-hán cũng không khỏi, mà ông nói *không rơi vào nhân quả* là sai lầm, cho nên phải bị tội đọa.

Đến khi ông đem câu này hỏi tổ Bá Trượng, Tổ đáp *không làm nhân quả*, ông liền thoát kiếp dã hồ. Bởi nói không rơi tức là không bị rơi mắc ở trong nhân quả, còn nói không làm nhân quả là thấy nhân quả rõ ràng không làm lẫn.

Người đời có khi nói không nhân không quả, nhưng đối với người tu Phật thì nhân quả không mất. Gieo nhân thì phải chịu quả, nhân quả không bao giờ mất, chỉ là chuyển được ít hay nhiều mà thôi, đó là lẽ thật. Nghe câu chuyện này chúng ta phải rất cẩn thận, đối với lý nhân quả không nên xem thường. Đã không dám xem thường thì chắc chắn không can đảm để tạo

nhân ác, mà còn luôn luôn tạo nhân lành. Đó là người biết tu, hiểu nhân quả và tu theo nhân quả.

2. Nghiêm trì giới luật

Dụng công tu hành trước nhất phải trì giới. Giới là cội gốc quả vô thượng Bồ-đề, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, nếu không trì giới mà tu hành thì không thể được. Trong kinh Lăng-nghiêm dạy rõ bốn món thanh tịnh, dạy chúng ta rằng: “Không trì giới mà tu chánh định không thể thoát khỏi trần lao, dù hiện tiền có nhiều trí tuệ, nhiều thiền định cũng rơi vào tà ma ngoại đạo.” Đó nên biết, trì giới là trọng yếu, người trì giới long thiên ủng hộ, ma ngoại kính sợ. Người phá giới, bọn quỷ gọi là giặc lớn, nó quét dấu chân của người ấy.

Ngày xưa tại nước Kế-tân, gần bên đất già-lam có một con độc long thường khi ra nhiều hại dân chúng địa phương. Có năm trăm vị A-la-hán nhóm họp một chỗ dùng sức thiền định đuổi nó đi, rốt cuộc không hiệu quả gì cả. Sau có một vị tăng, không cần nhập thiền định chỉ đến gần con độc long nói một câu: “Hiền thiện! Hãy tránh xa chỗ này đi.” Con độc long liền đi mất. Các vị A-la-hán hỏi vị tăng ấy: “Ông dùng thần thông gì đuổi được con độc long?” Vị tăng đáp: “Tôi không dùng sức thiền định, chỉ do cẩn thận đối với giới, gìn giữ giới khinh cũng như giới trọng.” Chúng ta tưởng tượng sức thiền định của năm trăm vị A-la-hán mà không bằng một vị tăng nghiêm trì giới luật.

Giới luật là bước đầu, là nền tảng của người tu. Tu mà không giữ giới luật chỉ mong có thần thông, dù có cũng không đủ khả năng giúp cho ai được giải thoát.

Hoặc có người bảo: “Lục Tổ nói tâm bình đâu cần trì giới, hạnh thẳng nào dụng tham thiền.” Tôi xin hỏi ông: Tâm ông đã bình, hạnh ông đã thẳng chưa? Giả sử có người con gái đẹp lóa thể đến ôm ông, ông có thể không động tâm chăng? Có người vô lý mạ nhục đánh đập ông, ông có thể không sanh tâm sân hận chăng? Ông đã đạt được chỗ không phân biệt oán thân, thương ghét, nhân ngã, phải quấy chưa? Cảnh thận khi làm được mới nói những lời to ấy, nếu làm không được mà nói chỉ là nói suông.

Chúng ta ngày nay có bệnh, chỉ đem lời cổ nhân dạy ra nói một cách tự nhiên. Nhưng không biết rằng cổ nhân nói là khi các ngài sống được, còn mình nói mà chưa sống được. Tâm của các ngài hoàn toàn thanh tịnh, chử bới không động tâm, gặp sắc đẹp không quyến luyến. Còn mình bây giờ còn đủ tật, đủ bệnh mà cứ nói như Tổ. Đó là đạo đức ở ngoài môi chứ không phải đạo đức thật, hoàn toàn không có giá trị. Người tu phải có thật đức, chăm chỉ chuyên cần tu hành đến nơi đến chốn, đừng lo nói điều mà chúng ta chưa đến được.

3. Tín tâm kiên cố

Có ý dụng công tu tập trước cần phải có lòng tin bền chặt. Lòng tin là đầu của đạo, là mẹ các công đức. Bất luận làm việc gì không có lòng tin thì làm không xong. Chúng ta cốt liễu thoát sanh tử, điều cần thiết

phải có lòng tin bền chặt. Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ do vọng tưởng chấp trước không thể chứng được.” Phật lại dạy các thứ pháp môn để đối trị tâm bệnh của chúng sanh. Chúng ta nên tin lời Phật nói không hư dối, tin chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Sở dĩ chúng ta chưa được thành Phật, đều do chưa triệt để dụng công đúng như pháp mà thôi.

Tín tâm kiên cố tức là lòng tin chắc thật, nhưng lòng tin này có hai mặt. Một là tin ở bên ngoài. Như người tu Tịnh độ thì lòng tin đặt ở đức Phật A-di-đà, ở cõi Cực lạc. Tin chắc rằng có cõi Cực lạc, có đức Phật A-di-đà sẽ đón tiếp mình. Tin rồi thiết tha niệm Phật thì niệm Phật mới được nhất tâm bất loạn. Tuy niệm tin này là tin ở bên ngoài, nhưng chí thành tin tha thiết thì sự tu cũng có kết quả.

Hai là tin ở bên trong. Như người tu thiền lòng tin đặt ở chính mình, tức là tin khẳng định bên trong tâm mình sẵn có Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật nói: *Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ do vọng tưởng chấp trước không thể chứng được? Có nhưng không thấy, vì vọng tưởng che đậy, nên có mà như không có.* Ngày nay tu, tin chắc chắn rằng nếu dẹp sạch đám mây mù vọng tưởng thì Phật sẽ hiện ra. Mỗi ngày đi đứng nằm ngồi, làm công kia việc nọ... vẫn luôn nhớ phá dẹp vọng tưởng đừng để phủ che Phật thật của mình.

Từ sáng đến chiều chúng ta có chừng bao nhiêu vọng tưởng? Nếu vừa khởi nghĩ liền ghi sổ thì tới chiều chắc đầy cuốn sổ. Nhiều thôi là nhiều, hết nghĩ cái này

thì nghĩ sang cái kia, hết nghĩ cái hay thì nghĩ tới cái dở, nghĩ thương, nghĩ ghét v.v... đủ thứ nghĩ. Không bao giờ vắng lặng năm ba phút, cứ nghĩ liên tục liên tục. Đó là những đám mây che khuất Phật của mình. Nếu chúng ta ngồi yên một giờ không nghĩ gì hết thì lúc đó Phật hiện ra. Tuy không thấy xẹt hào quang mà đó chính là Phật thật, đừng nghĩ thành Phật phải có hào quang mới được.

Đức Phật tu hành được giác ngộ giải thoát sanh tử, đó chính là mục tiêu mà ngài đi tu. Khi còn là thái tử, chứng kiến cảnh sanh già bệnh chết của con người, ngài xét thấy ai có mặt trên cõi đời này cũng đều phải chịu quy luật đó, vậy làm sao để thoát ra khỏi? Câu hỏi ấy khiến ngài phải đi tu, để tìm con đường ra khỏi sanh tử. Như vậy, muốn giải thoát sanh tử thì trước tiên phải giác ngộ, có giác ngộ mới giải thoát được.

Phật giác ngộ thấy rõ thân này vô thường tạm bợ hư dối, còn mình thì thấy thân này là thật. Hai cái thấy đó, một tối một sáng, một mê một tỉnh. Giả dối tưởng thật, là mê, là tối. Giả dối biết giả dối là tỉnh là sáng. Tâm cũng vậy, chúng ta luôn cho tâm nghĩ suy phải quấy, hơn thua là tâm mình, cho nên mình nghĩ cái gì thì muốn mọi người cũng phải thuận theo ý của mình. Thuận thì vui, chống đối thì giận. Như vậy cái thấy của mình và cái thấy của Phật khác nhau nhiều ít? Khác hoàn toàn. Một bên trắng, một bên đen.

Trong kinh, Phật nói: “Phật pháp khó nghe.” Tại sao? Vì nói ngược với mình Phải chi Phật nói giống mình

thì dễ nghe, còn Phật nói ngược với mình hết cho nên khó nghe. Người nghe được phải là người can đảm lắm! Bởi vì chúng ta thấy thân là thật, tâm suy nghĩ là thật, bây giờ nghe Phật nói nó là giả, thấy thân thật đó là sai lầm. Xét thấy như vậy mới đúng sự thật. Có ai gan dạ dám xét không, hay là với người này người kia mình luôn võ ngược xưng ta? Ta thế này, ta thế nọ... không ai dám nói là đồ giả hết. Biết là giả, mặc tình ai chửi cũng được, mắng cũng được, không có sao hết. Có gì đâu mà phải né tránh.

Phật dạy chúng ta tu là để thấy đúng như thật, chừng nào thấy được như thật thì chừng đó không còn lầm nữa. Chúng ta đều sẵn có tánh Phật, mà vì vọng tưởng chấp trước nên không thấy. Lỗi tại chúng ta vọng tưởng nên không thấy Phật. Như vậy, muốn thấy Phật dễ như trở bàn tay, đừng vọng tưởng thì thấy Phật liền. Không có pháp nào khác, chỉ là đừng vọng tưởng thôi. Khó hay dễ? Hết sức dễ. Ai cho mình thấy Phật? Chính là mình. Mình chứa chấp vọng tưởng thì bây giờ loại bỏ vọng tưởng cũng phải là mình. Dám bỏ vọng tưởng thì thấy Phật, là giải thoát sanh tử.

Sở dĩ chúng ta phải luân hồi sanh tử là vì nghiệp. Trong ba nghiệp, thân miệng ý thì ý là gốc dẫn đi trong lục đạo. Ý lành dẫn đi cõi trời, người, a-tu-la; ý dữ thì đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nhưng tâm ý nghĩ lành dữ, tốt xấu, hơn thua... đó, với cái nhìn của Phật, nó chỉ là một mớ vọng tưởng mà thôi. Như vậy, nhân tạo nghiệp là do tâm vọng tưởng, đừng tâm vọng tưởng là thấy Phật.

Tâm vọng tưởng dấy khởi liên tục làm sao mà dừng? Trong Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ bảo thượng tọa Minh: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, chính ngay lúc đó cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Bản lai diện mục là cái thật của chính mình, đừng nghĩ thiện đừng nghĩ ác thì bản lai diện mục hiện tiền. Khi chúng ta ngồi yên không có vọng tưởng nhưng tai nghe, mắt thấy, mũi ngửi, thân xúc chạm... đều biết rõ ràng, cái biết đó không có hình bóng, không bị sanh diệt vô thường chi phối. Gần gũi và thiết thực vô cùng mà chúng ta không biết.

Nếu tin mình có tánh Phật, hay là có sẵn ông chủ thì những thứ phụ chúng ta bỏ đi, để sống với ông chủ của mình. Chừng nào cạn kiệt hết những thứ xấu ra, để tâm chân thật hiện tiền, chừng đó là tu thành công. Thành công này không phải cầu ở ai, mà chính chúng ta phải có đủ lòng tin chắc chắn cái thật nơi mình. Cái thật đó không lúc nào vắng thiếu, mà tại vì mình thích phủ che. Ai cũng nói muốn tu cho mau thành Phật, nhưng khi khởi nghĩ cái gì hay hay thì bỏ không được. Nhớ cái hay còn bỏ không được, huống là nhớ những việc bị người lường gạt của cải v.v... Bởi không làm chủ được tâm mình, nên cái gì có sức mạnh lôi kéo liền chạy theo ngay, vì vậy mà chúng ta luôn luôn bị bất an. Lục Tổ nói: “Tâm bình đâu cần trì giới, hạnh thẳng nào dụng tham thiền.” Tâm bình lặng rồi thì tham thiền trì giới đều đầy đủ, còn tâm chưa bình hạnh chưa thẳng thì cái gì cũng thiếu. Cho nên nếu biết rồi thì chúng ta phải tin khẳng định mình có tánh Phật, không phải ở đâu đem đến cho mình, như vậy việc tu mới có kết quả.

Ví như chúng ta tin đậu nành làm đậu hũ được, nếu ta không ra công nấu đậu hũ thì đậu nành tự nó không thể biến thành đậu hũ. Nếu chúng ta đi nấu đậu hũ mà để thạch cao không đúng lượng, đậu hũ cũng không thể thành. Nếu ta nấu đúng pháp, để thạch cao đúng lượng quyết định sẽ thành đậu hũ. Người tu hành cũng như thế, không dụng công tu tập cố nhiên không thành Phật, dụng công không đúng pháp Phật cũng không thể thành. Nếu người tu tập đúng pháp, không lui không hối, quyết định người này sẽ thành Phật. Cho nên, chúng ta phải tin sâu chính mình xưa nay là Phật; lại tin sâu y giáo pháp Phật dạy tu hành quyết định thành Phật. Thiên sư Vĩnh Gia nói: “Chúng thật tướng không nhân pháp, sát-na diệt hết nghiệp A-tỳ, nếu dùng lời vọng dối chúng sanh, tự chuốc địa ngục (Bạt Thiệt) trần sa kiếp.” Ngài Vĩnh Gia vì lòng từ bi, cốt định chắc lòng tin cho người đời sau, nên phát lời thệ rộng lớn như vậy.

Làm đậu hũ mà chưa đúng thì không có đậu hũ. Đó là ví dụ của ngài. Đoạn cuối ngài dẫn lời của thiên sư Vĩnh Gia Huyền Giác trong Chúng Đạo Ca: *Chúng thật tướng không nhân pháp, sát-na diệt hết nghiệp A-tỳ, nếu dùng lời vọng dối chúng sanh, tự chuốc địa ngục trần sa kiếp.* Người chứng được thật tướng rồi thì không còn thấy có người có vật, có pháp; chỉ trong chớp mắt liền diệt sạch hết nghiệp A-tỳ. Tại sao lạ vậy? Bởi không có nhân có pháp, còn gì đối đãi mà vào địa ngục. Người xưa tu được kết quả rồi, các ngài nói khẳng định cho chúng ta tin, ai khéo tu nhận chân được lẽ thật thì sẽ ra khỏi

luân hồi sanh tử, không chút nghi ngờ. Ngài thề, nếu dùng lời này để dối gạt chúng sanh thì sẽ đọa địa ngục số kiếp như cát bụi. Đó là để nói lên lòng tin quyết định của các ngài.

4. Quyết định pháp môn tu hành

Lòng tin đã đủ, lại nên chọn một pháp môn để tu trì, cần phải không được sớm Tần chiều Sở. Bất luận niệm Phật cũng tốt, trì chú cũng tốt, tham thiền cũng tốt, điều cần thiết là nhận định một pháp môn thẳng đó tiến tu hằng không lui sụt. Ngày nay chưa thành công, ngày mai vẫn tiến hành như thế; năm nay chưa thành công, năm tới vẫn tiến hành như thế; đời này chưa thành công, đời sau vẫn tiến hành như thế. Quy Sơn lão nhân nói: “Đời đời nếu không lui sụt, quả Phật quyết định có ngày.” Có một số người làm mà không chú ý quyết định, ngày nay nghe vị thiện tri thức này nói niệm Phật hay, liền niệm Phật được vài ngày; ngày mai nghe vị thiện tri thức kia nói tham thiền hay, lại tham thiền vài ngày, sang đông tìm tây, một đời kiếm tìm đến chết mà không được một chút kết quả, rất uổng thay!

Bây giờ chúng ta có bệnh nghe ai nói pháp gì hay thì ứng dụng tu liền, ít bữa nghe người khác nói pháp kia hay hơn lại bỏ pháp này qua tu pháp kia, cho nên tu suốt đời mà không tới đâu. Với cái nhìn của hòa thượng Hư Vân, tu niệm Phật, tham thiền, trì chú... pháp nào cũng tốt, nhưng quyết định tu theo pháp nào thì đi tới mãi, không vì lý do gì mà dừng. Ngài dẫn lời của tổ Quy Sơn: *Đời đời nếu không lui sụt, quả Phật quyết định*

có ngày. Chúng ta cứ tiến tu một pháp cho tới cuối cùng, đời này chưa rồi thì đời sau tu tiếp nữa, trên đường tu sẽ kết được quả Phật không nghi. Như vậy, trên đường tu nếu chúng ta muốn tu theo một pháp môn nào thì cũng phải tin nhân quả, nghiêm trì giới luật, tín tâm kiên cố. Có đủ những điều kiện đó rồi quyết định tu cho đến cùng, đừng có sớm Tần chiều Sở không tốt.

II- PHƯƠNG PHÁP THAM THIÊN

Pháp môn dụng công tuy nhiều mà chư Phật, tổ sư đều cho tham thiên là vô thượng diệu môn. Trên hội Lăng-nghiêm Phật dạy Bồ-tát Văn-thù chọn môn viên thông, ngài Văn-thù chọn môn nhĩ căn viên thông của Bồ-tát Quán Thế Âm là bậc nhất hơn cả. Chúng ta cần “Phản văn văn tự tánh” chính là tham thiên. Trong thiên đường này cũng nên giảng một pháp tham thiên.

Phản văn văn tự tánh là xoay cái nghe trở lại tánh nghe của mình. Chỗ này nhiều người hiểu lầm, nghe nói xoay cái nghe trở lại rồi cứ ngồi lắng nghe trong hông trong ngực của mình, nghe như vậy không khéo lâu ngày thành thổ huyết.

Sáu căn của chúng ta, một là chạy theo sáu trần, hai là dừng lại không theo sáu trần. Chạy theo sáu trần thì quên thấy nghe mà chỉ nhớ cảnh bên ngoài, còn dừng lại là nhớ mình đang thấy đang nghe thì lơ là cảnh ở ngoài. Nhớ lại mình gọi là xoay, là phản, bởi vì chúng ta quen phóng ra mà không chịu nhớ mình, vì vậy nói xoay lại tức là nhớ lại mình, chứ không phải nhìn ngó vô trong. Chúng ta phải hiểu chỗ đó cho rõ để dừng lầm.

Pháp môn tham thiền có nhiều cách, hòa thượng Hư Vân chuyên tu thiền thoại đầu, ở đây chúng ta không áp dụng thoại đầu, nên những chỗ nói về thoại đầu tôi chỉ đọc sơ qua thôi.

1. Tọa thiền nên biết

Bình thường nhật dụng đều là hành đạo, như vậy chỗ nào không phải là đạo tràng, cần gì thiết lập thiền đường, cũng không phải tọa thiền mới là thiền. Nói thiền đường, nói tọa thiền chẳng qua vì chúng ta là chúng sanh trong thời mạt pháp chướng sâu tuệ cạn mà tạm thiết lập.

Tham thiền không phải đợi ngồi, có thiền đường mới tu được, mà đi đứng nằm ngồi đều tu. Nhưng vì người thời mạt pháp trí tuệ cạn, nghiệp chướng nhiều, nên buộc lòng phải dùng phương tiện ngồi để tìm chế cho sự tu dễ tiến.

Tọa thiền cần hiểu rõ cách điều dưỡng thân tâm. Nếu không khéo điều, hại nhỏ là sanh bệnh, hại to là bị ma, thật đáng tiếc vậy. Trong thiền đường đi kinh hành hoặc tọa thiền, chỗ dụng ý chính là điều thân tâm. Phương pháp điều thân tâm rất nhiều, nay chọn lọc những điều cần yếu lược nói:

Khi ngồi kiết già phải theo thứ tự, giữ tự nhiên và ngồi ngay thẳng. Không được để ý ẽnh lưng thẳng lên, nếu ẽnh thẳng lưng hơi nóng xông lên tụ lại lâu ngày, con mắt sanh nhiều ghèn, miệng hôi, đầu nóng, không muốn ăn uống, quá lắm đến thổ huyết. Lại không được

để lưng cong đầu cúi nhiều, nếu vậy dễ sanh hôn trầm. Như biết khi hôn trầm tới, mở mắt to ra, ẽnh lưng một cái và động nhẹ nhẹ hai bên hông, hôn trầm tự nhiên tiêu diệt.

Ngồi ẽnh thẳng quá con mắt sanh ghèn, miệng hôi hám, đầu nóng ran, không muốn ăn uống, lần lần đi tới thổ huyết; còn ngồi cong lưng ngó xuống dễ sanh hôn trầm. Tự mình điều chỉnh cho mình, nếu hơi buồn ngủ thì mở mắt to ra, ẽnh lưng một chút rồi nghiêng qua nghiêng lại, tự nhiên hôn trầm lặn.

Nếu dụng công cấp bách quá, khi nghe trong lòng bứt rứt nên bỏ hết mọi việc và xả luôn cả dụng công, dừng nghỉ độ năm mười phút, dần dần thư thái, nhiên hậu đề khởi dụng công. Nếu không như vậy, dồn chứa lâu ngày biến thành tánh nóng nảy dễ sân, thậm chí phát cuồng bị ma.

Có nhiều Phật tử nói, sao hồi xưa ít nóng bây giờ tu thiền nóng quá, người nào nói động một chút là nổi sân liền, càng tu càng sân, như vậy là sao? Lỗi tại chỗ này, do mình không khéo, dụng công cấp bách, ép ngặt quá khiến cho bứt rứt bực bội. Khi nghe bứt rứt bực bội thì phải xả, để thư thái một hồi rồi hãy ngồi lại. Nếu cứ dồn chứa những thứ nóng bức đó, lâu ngày thành ra nóng nảy dễ nổi sân.

Tọa thiền khi có chút thọ dụng, cảnh giới phát hiện rất nhiều nói không thể hết, chỉ ta không chấp trước cảnh giới ấy thì nó không làm ngại ta được. Thông thường nói: “Thấy quái ta không quái, quái tự mất.”

Trông thấy yêu ma quỷ quái đến nhiều hại ta, ta không cần quan tâm đến nó, cũng không sợ nó hại. Chính thấy đức Phật Thích-ca đến rờ đầu thọ ký, ta cũng không quan tâm đến, chẳng nên sanh vui mừng. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Không khởi tâm cho mình chứng thánh, là cảnh giới lành, khởi tâm cho mình chứng thánh, tức lạc quần tà.”

Nếu khi chúng ta dụng công tu có được những cảnh thọ dụng, như thấy tâm mình lặng lẽ, khoan khoái v.v... Hoặc bất thần thấy Phật tới xoa đầu, lúc đó mừng khoe tứ tung, tưởng mình sắp chứng quả thì sẽ lạc đường tà. Cho nên khi thấy như vậy đừng mừng mà phải bình tĩnh, nếu thấy ma quỷ tới dọa hù mình cũng không màng, không sợ, vì biết đó chỉ là bóng dáng hư dối không thật. Có người ngồi thiền thấy ma rồi sợ ma bắt. Ma chỉ là cái bóng, làm sao nó bắt mình được? Thông thường hay nói, *ma bắt coi mặt người ta*, thấy kẻ hèn nhát thì ma mới phá, còn người tinh tấn chân thật thì nó không dám phá. Ma bắt là do chúng ta thấy ma thì hoảng hốt sợ hãi sanh ra cuồng loạn, rồi nói ngồi thiền bị ma bắt nên điên. Gốc ma bắt là do mình quá sợ, chứ nó đâu có bắt được mình. Thấy ma biết là bóng không sợ, tâm an nhiên định tĩnh thì ma tự biến mất. Thấy ma không sợ, thấy Phật cũng không mừng. Tâm đang yên mà dấy mừng quá, tức là bất thường nên dễ sanh bệnh. Quá mừng quá sợ đều là hại. Tóm lại, trong khi tu phải bình tĩnh, thấy tốt không mừng thấy xấu không sợ, thản nhiên tự tại thì không gì động tới mình được.

2. Hạ thủ công phu - biết chủ khách

Hạ thủ công phu thế nào ư? Trên hội Lăng-nghiêm ngài Kiều-trần-như nói hai chữ “Khách trần”, chính là chỗ sơ tâm chúng ta hạ thủ công phu vậy. Ngài nói: “Ví như người hành khách dừng nghỉ nơi quán trọ, hoặc ngủ hoặc ăn, ăn ngủ xong gói hành lý ra đi, đi không trở về nghỉ lại. Nếu thật người chủ thì không đi đâu. Như thế suy xét, không ở lại gọi là Khách, ở lại gọi là Chủ. Bởi không ở lại nên nghĩa là khách. Lại như buổi sáng trời tạnh, mặt trời vượt lên, ánh sáng soi qua các kẽ hở, soi rõ các vi trần trong hư không, vi trần dao động, hư không yên lặng. Yên lặng là Không, dao động là nghĩa Trần.” Khách và trần dụ vọng tưởng, chủ và hư không dụ tự tánh. Người chủ thì thường ở, không phải như khách hoặc đi hoặc đến, đó là dụ tự tánh thường trụ vốn không theo vọng tưởng chợt sanh chợt diệt. Nên nói: “Chỉ tự vô tâm với vạn vật, ngại gì vạn vật thường nhiễu loạn.” Tính chất vi trần tự dao động vẫn không làm ngại được cái yên lặng của hư không. Dụ vọng tưởng tánh nó sanh diệt vẫn không làm ngại được tự tánh như như bất động. Nên nói: “Một tâm không sanh, muôn pháp chẳng lỗi lầm.”

Ngài dẫn hai ví dụ trong kinh Lăng-nghiêm về nghĩa khách trần. Ví dụ chủ và khách là hình ảnh thô, ví dụ bụi và hư không là hình ảnh tế. Trường hợp thứ nhất, chủ và khách. Khách đến rồi đi, còn chủ thì không đi. Cho nên nói, *nếu thật người chủ thì không đi đâu.* Cũng vậy, vọng tưởng sanh diệt đến đi là khách, cái thấy biết vọng tưởng thì không sanh diệt, không có đến đi,

đó là chủ. Trường hợp thứ hai, hư không và bụi. Nhìn theo ánh sáng mặt trời ở ngoài rọi vào, chúng ta thấy có bụi lửng lơ. Bụi thì lửng lơ chuyển động, còn hư không thì vẫn lặng yên. Tâm nghĩ hơn thua phải quấy của chúng ta thì luôn lửng lơ chuyển động, còn cái biết được những suy nghĩ phải quấy đó thì bất động và luôn hiện bày.

Đoạn này rất thiết yếu, nên tôi nhắc lại một lần nữa. Như khi chúng ta ngồi thiền vọng tưởng lên thấy vọng tưởng lên, vọng tưởng lặng biết vọng tưởng lặng, thì lúc đó là ai thấy ai biết? Vọng tưởng là hư dối, biết nó liền lặng, đó là khách; thấy biết vọng tưởng mà không theo, đó là chủ. Không theo khách tức là chủ hiện tiền. Cái chân thật đó đã sẵn rồi, chỉ đừng chạy theo vọng tưởng thì cái thật hiện tiền thôi.

Như hư không và bụi, bụi thì động còn hư không thì lặng yên. Khi chúng ta nổi giận có biết mình nổi giận không? Chúng ta thường nói, hồi nãy tôi giận quá, bây giờ hết giận rồi! Tức là lúc cơn giận dấy lên mình có biết, nó lặng xuống mình cũng có biết. Cơn giận dấy động rồi lặng mất, vì nó là cái hư dối không thật. Biết cơn giận đang nổi lên và lặng hết, cái biết đó thường hằng. Khi chúng ta ngồi thiền, niệm khởi biết niệm khởi, niệm lặng biết niệm lặng. Niệm khởi niệm lặng biết rõ ràng buông xả không theo, cái thấy biết rõ ràng đó lặng lẽ thanh tịnh không sanh không diệt.

Tâm chân thật hiện tiền không sanh không diệt mà chúng ta bỏ quên, cứ chạy theo vọng tưởng hư dối rồi bị nó lôi, cho nên ngài dẫn hai ví dụ này để cho thấy rõ.

Nếu chúng ta nhận thân sanh diệt làm thân mình, lấy tâm sống với hơn thua, phải quấy, tốt xấu, thiện ác... làm tâm mình thì chúng ta sẽ đi mãi trong luân hồi sanh tử không sao thoát ra được, đó là lẽ thật không nghi ngờ. Vì vậy trong khi tu phải biết cho rõ ràng, không để lầm nhận thì việc tu mới có kết quả.

Trong đây chữ Khách so phân thô, chữ Trần so phân tế. Người mới phát tâm trước nhận rõ Chủ và Khách, tự không bị nó kéo lôi; tiến lên nhận rõ ràng Không và Trần, vọng tưởng không thể làm chướng ngại. Nên nói: “Biết được, không phải oán.” Người hay xét kỹ lãnh hội được chỗ này, sự dụng công tu hành rất chóng tiến.

Nếu chúng ta thấy biết được cái thật đó rồi thì không có gì ngăn ngại được mình, sự tu hành rất dễ dàng. Bởi vì vừa dấy niệm liền biết là vọng tưởng không theo, không cần dụng công đè nén mà vọng tưởng tự lặng. Vọng tưởng lặng biết mình đang sống với cái thật của mình. Tâm chân thật luôn luôn có mặt mà mình bỏ quên, nhận ra được đó là giải thoát sanh tử. Vì vọng tưởng là nhân tạo nghiệp dẫn mình đi trong sanh tử, còn tâm chân thật thì không tạo nghiệp sanh tử. Giải thoát sanh tử là ai? Là Phật. Như vậy kiếm Phật không khó, tìm Phật không xa, bởi lâu nay chúng ta nhận lầm nên tìm hoài kiếm hoài mà không thấy.

3. Thoại đầu cùng nghi tình

Thời xưa Tổ sư chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Như cách an tâm của tổ Đạt-ma, lối bàn

kiến tánh của Lục Tổ, chỉ cần thẳng đó thừa nhận là xong, không có khán thoại đầu. Đến các tổ sư sau này thấy tâm người không bằng cổ nhân, không thể tử tâm như khối đất, mà luôn tráo trở lằng xằng, mọi người chỉ đếm của báu cho kẻ khác mà lầm nhận là của mình. Bởi thế nên các ngài riêng lập môn đình (cảnh riêng) và mỗi vị chỉ ra một phương pháp, do đó mới dạy người học khán thoại đầu.

Gốc của tu thiền là phản quan lại để thấy được bản tánh của mình, hay là thừa nhận mình có bản tánh, nhận được là xong việc. Còn thoại đầu chỉ mới có sau này, chứ xưa kia thì chưa có.

Thoại đầu rất nhiều, như: “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” hay “Trước khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt thật của ta?” v.v... nhưng phổ thông hơn cả là câu “Niệm Phật là gì?”

Thế nào là thoại đầu? Thoại là lời nói, trước lời nói là đầu. Như niệm A-di-đà Phật là thoại, trước khi chưa niệm là thoại đầu. Nên nói thoại đầu là cái mé chưa sanh một niệm. Một niệm vừa sanh đã thành thoại vĩ (đuôi lời nói). Cái mé chưa sanh một niệm đó gọi là “không sanh”; không loạn động, không mê muội, không đắm nơi tịnh, không rơi vào không, gọi là “không diệt”. Luôn luôn chăm chú trở lại chiếu soi cái “không sanh không diệt” ấy, gọi là “khán thoại đầu” hoặc “chiếu cố thoại đầu”.

Như vậy thoại đầu là tìm đến trước lời nói, bởi khi mình khởi nghĩ mới có lời nói, vậy trước khi khởi nghĩ

thì là cái gì? Là cái thật của mình. Nếu một niệm vừa sanh đã thành thoại vĩ, đặt câu hỏi rồi đọc hoài câu hỏi đó, gọi là khán thoại vĩ. Bởi cốt làm sao giúp cho người học nhận ra cái thật và trở về với cái thật đó, vì vậy mà các ngài dạy khán thoại đầu.

Khán thoại đầu trước cần phải khởi nghi tình, đó là chỗ nương nhờ của pháp khán thoại đầu. Sao gọi là nghi tình? Như hỏi niệm Phật là gì? Người người đều biết chính mình niệm, nhưng là miệng niệm hay tâm niệm? Nếu thật miệng niệm, khi ngủ mê vẫn có miệng sao không niệm? Nếu thật tâm niệm, tâm hình dáng thế nào, lại không có chỗ nơi sờ mó? Nhân chỗ không rõ này, trên chữ “gì” phát khởi niệm nghi nhẹ nhàng tế nhị, không cho thô, càng tế càng tốt. Tùy thời tùy chỗ chăm chú chiếu cố quyết chí nơi niệm nghi này, giống như dòng nước không có chỗ đoạn, không sanh hai niệm. Nếu niệm nghi còn thì không cần để ý đến nó, niệm nghi nếu mất lại nhẹ nhàng đề khởi lên. Khi mới dụng tâm thì trong tịnh, trong động so sánh rất đặc lực. Nhưng cốt không sanh tâm phân biệt, không quan tâm đến đặc lực hay không đặc lực, không chú ý trong động hay trong tịnh, ta chỉ nhất tâm nhất ý dụng công là tốt.

Bốn chữ Niệm Phật là gì, rất quan trọng tại chữ “gì”, ngoài ra ba chữ kia chẳng qua là để nói cho to mà thôi. Như “mặc áo, ăn cơm là gì?”, “đại tiểu tiện là gì?”, “phá vô minh là gì?”, “hay hiểu biết là gì?”, bất luận đi đứng ngồi nằm, một khi đề chữ “gì” lên là dễ phát niệm nghi, không cần suy nghĩ xét nét để ý mới có.

Cho nên chữ “gì” trong câu thoại đầu thực tại là một diệu pháp của tham thiền. Nhưng không phải đem một chữ “gì”, hoặc bốn chữ “niệm Phật là gì?” coi như danh hiệu Phật mà niệm. Cũng không phải suy nghĩ xét nét câu “niệm Phật là gì?” mà cho là nghi tình. Có một số người đem bốn chữ “niệm Phật là gì?” ra niệm suốt ngày không dừng miệng, như thế chỉ bằng niệm A-di-đà Phật công đức còn hơn. Có một số người nghĩ quanh tính quẩn, tìm đông kiếm tây cho đó là nghi tình, đâu biết rằng càng nghĩ càng tính vọng tưởng càng nhiều, giống như người muốn lên lại bị rơi xuống, cần phải biết vậy.

Người sơ tâm phát niệm nghi rất thô, chột dứt chột nối, chột chín chột sống, đều không được nghi tình, chỉ gọi là Tướng. Lần lần thu nhiếp được tâm cuồng loạn, niệm đầu cũng kìm giữ được chút ít, mới gọi là Tham. Lại tiến dần dần công phu thuần thực không nghi mà tự nghi, không biết mình đang ngồi ở chỗ nào, cũng không biết có thân tâm thế giới, chỉ riêng niệm nghi hiện tiền không gián đoạn, đó gọi là nghi tình. Thực tế mà nói, lúc đầu chưa kể là dụng công chỉ đã phá vọng tưởng, đến khi chân nghi hiện tiền mới là giai đoạn chân chánh dụng công. Giai đoạn này như qua cửa ải lớn rất dễ vào đường tễ.

Giai đoạn này rất thanh tịnh và vô hạn khinh an, nếu mất một ít giác chiếu bèn rơi vào trạng thái mê muội nhẹ nhàng. Nếu khi ấy có bậc sáng suốt ở bên, một phen nhìn qua liền biết người ấy đang mắc tại cảnh giới này, lấy một hương bản đập xuống, lập tức đầy trời mây mù tan hết, rất nhiều người nhân đây được ngộ đạo.

Chính khi rất thanh tịnh rỗng rang ấy, nếu nghi tình không còn bèn rơi vào vô ký, ngồi như cây như đá, hoặc gọi hòn đá ngâm nước lạnh. Đến khi đó cần phải đề khởi, đề khởi tức là giác chiếu (giác là không mê, tức là tuệ; chiếu là không loạn, tức là định). Chăm chú một niệm ấy, lạng lẽ chiếu soi, như như không động, sáng sủa không mê, rành rõ thường biết, như lạnh nóng rút hơi, một mạch liên tục không dứt.

Dụng công đến chỗ này cần có con mắt Kim cương không đề khởi thêm, nếu đề khởi thì đã đầu lại thêm đầu. Xưa có vị tăng hỏi Triệu Châu lão nhân rằng: “Một vật khi không đem đến làm thế nào?” Triệu Châu đáp: “Buông hết đi!” Tăng thưa: “Một vật không đem đến, buông hết cái gì?” Triệu Châu bảo: “Buông không xuống thì gánh lên!” Chính là nói giai đoạn này vậy. Trong cảnh sáng sủa mát mẻ này như người uống nước lạnh nóng tự biết, không phải nói năng có thể đến được. Người đến chỗ này tự nhiên sáng suốt, người chưa đến được có nói cũng vô ích. Nên nói: “Trên đường gặp kiếm khách nên trình kiếm, không phải nhà thơ chớ tặng thơ.”

Phần này ngài nói rộng về lối tu khán thoại đầu, ở đây chúng ta không có áp dụng lối tu này, nên tôi chỉ đọc lược qua.

4. Chiếu cố thoại đầu cùng phản vấn vấn tự tánh

Hoặc có người hỏi: “Câu phản vấn vấn tự tánh của Bồ-tát Quán Thế Âm sao được gọi là tham thiên?” Tôi mới nói, chiếu cố thoại đầu chính là dạy ông luôn luôn

chăm chú một niệm hồi quang phản chiếu cái “không sanh không diệt” (thoại đầu). Phản văn văn tự tánh cũng là dạy ông luôn luôn chăm chú một niệm phản văn văn tự tánh.

Chiếu cố thoại đầu cùng phản văn văn tự tánh, hai cái đó khác chỗ nào? Ở đây ngài đối chiếu người tu thoại đầu, gọi là chiếu cố thoại đầu, và người tu phản văn văn tự tánh, tức xoay lại nghe tánh giác của mình. Chữ chiếu cố tức là Hồi. Như vậy chúng ta thấy, “chiếu cố thoại đầu” của thiền và “phản văn văn tự tánh” của kinh dường như hai nhưng không phải là hai, vì đều quay trở về tự tánh của chính mình.

Hồi chính là Phản, “không sanh không diệt” là Tự tánh. Văn là Chiếu, tuy lúc xuôi dòng theo thanh theo sắc, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc, phân biệt rõ ràng; nhưng khi ngược dòng trở lại quán tự tánh không chạy theo thanh sắc, chính là một cái tỉnh minh, Văn và Chiếu đâu phải hai thứ. Chúng ta cần biết, nói rằng “Chiếu cố thoại đầu”, “Phản văn tự tánh” tuyệt đối không phải dùng mắt xem, dùng tai nghe. Nếu dùng mắt xem hoặc dùng tai nghe, ấy là đã chạy theo thanh sắc, bị vật chuyển gọi là xuôi dòng. Nếu chăm chú trong một niệm “không sanh không diệt”, không đuổi theo thanh sắc, gọi là ngược dòng. Ấy là “Chiếu cố thoại đầu”, cũng là “Phản văn tự tánh”.

Chỗ này ngài giải thích rất rõ, chúng ta quán xét lại sẽ thấy không có hai đường. Bởi vì tu thiền thoại đầu, dùng từ gọi là Chiếu cố thoại đầu, tức là quay lại xem xét tột cùng câu nói, chỗ nghi của mình. Tột cùng

chỗ nghi là chưa có dấy niệm, chưa có khởi nghĩ, gọi đó là tự tánh. Phản văn văn tự tánh trong kinh Lăng-nghiêm nói, là xoay cái nghe trở lại tự tánh. Tự tánh này chính là tánh tinh minh trong sáng của mình, cũng gọi là Phật tánh. Bởi vì lâu nay cái nghe cái thấy của chúng ta quen chạy theo bên ngoài, gọi là xuôi dòng. Mắt chạy theo sắc, tai chạy theo tiếng, mũi chạy theo mùi v.v... Bây giờ chúng ta không cho nó chạy ra ngoài mà quay lại tự tánh. Chiếu cố hoặc phản văn lại tự tánh của mình, gọi là ngược dòng. Xuôi dòng là đi trong luân hồi sanh tử, ngược dòng là trở lại tánh giác của mình, tức được giác ngộ. Cho nên tuy hai phương pháp tu thấy như khác nhau, nhưng kết quả thì không có hai.

Chúng ta hiểu rồi thì khi đọc kinh sách hoặc nghe những từ ngữ đó chúng ta không lầm lẫn. Chiếu cố thoại đầu là quay lại nhìn thẳng chỗ chưa khởi niệm, gọi là chỗ đầu của câu nói, đầu của niệm khởi. Phản văn tự tánh tức là xoay cái nghe cái thấy không chạy theo âm thanh cảnh sắc bên ngoài, mà trở về ngay chỗ chưa dấy niệm, gọi đó là tự tánh.

5. Tâm thiết tha vì sanh tử cùng phát tâm lâu dài

Tham thiên rất cần tâm thiết tha vì sanh tử và phát tâm lâu dài. Nếu đối với sự sanh tử không thiết tha thì nghi tình không phát, công phu khó đạt. Nếu không phát tâm lâu dài, một nóng mười lạnh thì công phu cũng không thành phiền. Chỉ cần có tâm thiết tha lâu dài thì chân nghi mới phát. Khi chân nghi phát thì trần lao phiền não không dứt cũng tự dứt. Khi thời tiết nhân duyên đến tự nhiên nước tự thành ngòi.

Chỗ này ngài dạy chúng ta tu phải có *tâm thiết tha vì sanh tử và phát tâm lâu dài*. Tại sao phải thiết tha vì sanh tử? Bởi vì tất cả chúng ta có mặt trên cõi đời này sống nhiều lắm là một trăm tuổi, nhưng số đó chỉ có một phần trăm hay một phần ngàn, còn lại thì chừng bảy tám mươi tuổi hoặc vài mươi tuổi thôi. Chết là cái dành sẵn chực chờ không riêng ai hết, không có người nào ngoại lệ. Như vậy mà cả đời chúng ta chỉ lo cho cái sống. Làm sao cho được khỏe mạnh, an vui, no ấm, sống được đầy đủ tiện nghi v.v... Cứ cắm đầu lo cho sự sống, tới chừng ngã ùng ra chết mới hoảng hốt, lúc đó giật mình trở tay không kịp. Cho nên người thông minh sáng suốt, trong khi lo cho sự sống phải nghĩ ngày mai mình sẽ chết. Cái chết nó đã lên án rồi, nó không tha thứ đâu! Khi còn đang sống phải dành một ít thời gian, một giờ hai giờ mỗi ngày để tu tập, cố gắng làm chủ mình, để khi duyên hết còn gượng thấy được lối đi của mình. Nếu không thì khi nhắm mắt hoảng hốt không biết đi đâu, đó là cái khổ của người tu mà chưa thật biết tu.

Tuy nhiên, nếu có tâm thiết tha vì sanh tử không vẫn chưa đủ, mà còn phải phát tâm lâu dài mới được. Nếu hôm nay thấy người láng giềng chết, giật mình về tu rút, tu được một tuần hai tuần, rồi thả rề bê tha trở lại thì không được, cho nên phải phát tâm lâu dài. Lo cho sự sống suốt cả cuộc đời thì lo cho sự tu ít ra cũng được năm ba chục năm, chứ lo chừng một năm hai năm làm sao tu xong. Người biết tu phải nghĩ kế lâu dài, lo sao cho sự tu của mình càng ngày càng tăng tiến,

để khi hết duyên ra khỏi thân này liền có hướng đi sáng sủa tốt đẹp, không đến nỗi phải lo sợ.

Tôi xin thuật lại một việc cũ chính mắt tôi thấy cho các ông nghe. Lúc trước, đời Thanh khoảng năm Canh Tý (1900), Liên quân tám nước vào kinh đô, tôi theo chân vua Quang Tự và Từ Hy thái hậu chạy giặc. Giữa đường gặp một đoạn phải chạy bộ về Thiểm Tây, mỗi ngày chạy mấy mươi cây số, luôn mấy ngày không có cơm. Trên đường gặp một ông già đem dâng vua Quang Tự một miếng khoai rừng, ăn xong vua hỏi người ấy: “Thứ gì ăn ngon lắm vậy?” Các ông thử tưởng, Hoàng đế ngày thường rất kiêu cách, rất oai phong, đâu từng đi bộ hơn mấy bước, chưa từng đói quá nửa bụng, chưa từng ăn hết một miếng khoai rừng. Đến lúc này, kiêu cách chẳng có, oai phong không còn, lội bộ cũng được, bụng đói cũng chịu, ăn rễ rau cũng ngon. Vì sao mà ông bỏ hết được? Vì Liên quân đuổi bắt ông, ông nhất tâm chạy chết. Đến sau được nghị hòa, ông ngự giá về kinh, kiêu cách lại khởi, oai phong lại hiện, đi bộ không nổi, bụng đói không được, cái gì không ngon thì nuốt không trôi. Sở dĩ thế, tại khi này ông buông không hết, vì Liên quân không còn đuổi bắt ông, ông không có tâm chạy chết. Giả sử ông thường đem cái tâm chạy chết ấy mà tu hành thì thế nào không thành công; đáng tiếc ông không có tâm lâu dài, gặp thuận cảnh thái độ cũ lại bộc khởi.

Xét lại chúng ta có giống ông vua này không? Chắc cũng như vậy. Gặp việc bất trắc thì hoảng hốt, khổ gì chịu cũng nổi, cái gì ăn cũng được, đến lúc trở lại

bình thường thì khác liền. Lúc khổ nạn niệm Phật ăn chay, hết khổ nạn rồi thì quên niệm Phật, thôi ăn chay. Bệnh chung của mọi người là vậy, không có tâm lâu dài bền bỉ. Chúng ta tu phải nghĩ tới việc lâu dài, chứ đừng đợi gặp lúc khủng hoảng mới làm, lúc dễ dàng thì bỏ phế.

Các vị đồng tham thiền! Bọn quý vô thường luôn luôn theo đuổi sanh mạng chúng ta, không bao giờ chúng chịu “nghị hòa”. Chúng ta cần phải phát tâm thiết tha lâu dài để giải thoát vòng sanh tử. Tổ Cao Phong Diệu nói: “Người tham thiền cần yếu khắc định ngày thành công, giống như người rơi xuống giếng sâu ngàn trượng từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng muôn ngàn tư tưởng chỉ chăm chăm một việc mong ra khỏi giếng, trọn không có niệm thứ hai. Người thực hành được như vậy, hoặc ba ngày, năm ngày, bảy ngày, nếu không triệt ngộ, Cao Phong ngày nay phạm tội đại vọng ngữ hằng đọa trong địa ngục Bạt Thiệt.” Lão nhân Cao Phong vì lòng đại bi thiết tha sợ e chúng ta không phát tâm tha thiết lâu dài, nên phát lời thề nặng này để bảo chứng cho chúng ta.

Ngài Cao Phong Diệu nói, nếu chúng ta tu tha thiết không có một niệm sơ hở hay một niệm dấy động nào, trong một ngày, hai ngày cho tới bảy ngày mà không triệt ngộ thì ngài phạm tội đại vọng ngữ, đọa vào địa ngục Bạt Thiệt. Ngài thề mạnh như vậy.

Thời gian ngài đặt ra cho chúng ta rất ngắn, chỉ cần dành ra bảy ngày tu thôi. Mình sống mấy mươi năm

mà bỏ ra chỉ bảy ngày, có tiếc không? Như người rớt xuống giếng sâu ngàn trượng, trong tâm họ chỉ trông có người thả dây xuống cứu, không có ý nghĩ nào khác. Người tu cũng phải như vậy. Tất cả chúng ta đều đã mang bản án tử hình sẵn rồi, phải cố gắng mà vượt thoát ra. Ngài không nói một đời hay một năm, mà chỉ nói có bảy ngày. Nếu bảy ngày tha thiết vận dụng công phu tu, không có một niệm khác thì sẽ được ra khỏi sanh tử. Điều này đâu riêng ngài Cao Phong mà ở các kinh cũng có nói. Như trong kinh Di-đà, Phật dạy người niệm Phật từ một ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn sẽ được sanh về Cực lạc. Kinh A-hàm thì dạy, người tu quán Tứ niệm xứ từ một ngày đến bảy ngày không dời niệm không đổi niệm, nhất định chứng từ quả thứ ba đến quả thứ tư, tức từ A-na-hàm đến A-la-hán.

Như vậy từ kinh điển của Nguyên thủy, Đại thừa cho đến Thiên tông đều kỳ hạn thời gian gói gọn là bảy ngày. Chúng ta đọc thuộc lòng nhưng lại không dám dành ra bảy ngày ứng dụng tu triệt để, mà cứ lơ là chỉ tu cho có chừng thôi. Nếu khi ứng dụng pháp môn nào cũng đều tha thiết đem hết tâm lực ra mà tu, đừng để ý nghĩ thứ hai chen vào thì nhất định chúng ta sẽ ra khỏi sanh tử. Người đời nhịn đói bảy ngày được, còn mình hy sinh niệm Phật, chuyên tâm hướng về chỗ thanh tịnh giải thoát, đâu phải là việc khó làm. Nhưng rất tiếc chúng ta có bệnh chưa can đảm, chưa quyết tâm làm. Bảo thi làm Phật có bảy ngày mà không chịu thi, bảo chăm chỉ đi học để thi đỗ cử nhân, tiến sĩ thì chắc không ai nỡ bỏ qua. Đó là sự yếu đuối của chúng ta.

6. Dụng công có hai thứ khó và dễ

Người dụng công có hai thứ khó và dễ:

1- Sơ dụng tâm khó dễ

2- Lão dụng tâm khó dễ

Sơ dụng tâm và Lão dụng tâm là những từ chuyên môn. Sơ dụng tâm là chỉ cho người mới bắt đầu tu tập, còn Lão dụng tâm là chỉ cho người tu lâu công phu đã thuần thục. Trong đây, người mới bắt đầu tu hay người tu lâu dài rồi, cũng đều gặp hai thứ khó và dễ.

a. Sơ dụng tâm khó dễ

+ Sơ dụng tâm khó - Tâm trộm không chết

Cái thông bệnh của người sơ dụng tâm là vọng tưởng, tập khí buông không hết, vô minh, cao mạn, tật đố, chướng ngại, tham, sân, si, ái, lười biếng, ăn ngon, phải quấy, nhân ngã đầy dẫy trong bụng, làm sao tương ưng với đạo?

Sơ dụng tâm khó là chỉ cho những người tầm thường. Người mới tập tu, tâm vọng tưởng và tập khí còn rất nhiều không biết bao nhiêu mà kể, cho nên buông không được. Lại thêm nào là vô minh, cao mạn, tật đố, tham sân si ái, lười biếng, ăn ngon, phải quấy, nhân ngã... đầy bụng. Vì vậy dụng tâm tu thật là khó.

Hoặc có người là công tử hay ca sĩ xuất gia tập khí không quên, một chút khổ nhọc chịu không nổi, một miếng không ngon nuốt chẳng vô, làm sao dụng công tu hành? Người này không chịu tương như đức Bổn sư

Thích-ca là hạng nào đi xuất gia mà chịu khó khổ được như vậy? Hoặc có người biết chút ít văn tự bèn tâm chương trích cú đem những lời nói của cổ nhân ra phân tích, rồi cho mình là hiểu hoàn toàn sanh đại ngã mạn; nhưng đến khi bệnh nặng thì rên xiết suốt ngày, hoặc đến lúc sắp lâm chung thì tay co chân rút, bình sanh chỗ hiểu biết không thực hành được một điểm, đến khi hấp hối ăn năn sao kịp!

Những người giàu có đi tu cũng khó dụng công tu hành. Ngài dẫn câu chuyện đức Phật từ một vị thái tử ở hoàng cung mà đi tu, chịu đựng cực nhọc, ăn uống khổ hạnh vô cùng. Phật là hạng người gì mà ngài còn xả bỏ được, còn chúng ta ngày nay được chút khá giả hoặc học một ít văn chương cho là hay, rồi bám vào đó mà cao mạn không chịu cố gắng tu hành. Ngày nay còn sống, lý luận rất thông, bàn nói rất giỏi, nhưng đến khi gần chết thì không làm chủ được chút nào. Đó là do tu chưa có nền tảng vững chắc, nên không đủ sức chống cự lúc lâm chung.

Hoặc người có chút đạo tâm lại không hiểu rõ chỗ hạ thủ công phu. Có người sợ vọng tưởng cố trừ mà trừ không được, trọn ngày buồn rầu bực tức tự hận nghiệp chướng nặng nề, nhân đó thói thất đạo tâm. Hoặc có người quyết cùng vọng tưởng chiến đấu, chăm bảm chống tay tức khí, ưỡn ngực trừng mắt giống vẻ mặt hầm hầm của tên giám sát, quyết cùng vọng tưởng một còn một mất; họ đâu biết như vậy, vọng tưởng đã đuổi không được, trở lại mang bệnh thổ huyết, phát cuồng.

Chúng ta phải hiểu và nhớ những lời nhắc nhở này. Có người mới tập tu ngồi lại thấy vọng tưởng ở trong tuôn ra hết cái này tới cái kia liên tục, thấy riết rồi chán sợ, nghĩ mình tu không biết tới chừng nào mới hết vọng tưởng, vậy tu làm chi? Rồi buồn bực thối tâm hết muốn tu. Hoặc có người can đảm cương quyết chết sống với vọng tưởng. Ngồi chăm bẵm tìm cho thật vững, nhìn cho thật sâu. Tìm giữ quá mức, hơi nóng xông lên đầu, đong ở ngực, lâu ngày sanh ra bệnh thổ huyết. Hai cách này đều là chướng, là bệnh.

Tôi thường khuyên các vị tu, vọng tưởng không có gì đáng sợ, chỉ cần nhìn ra mặt thật của nó là hư dối, vừa khởi liền mất, có gì thật đâu mà phải sợ. Biết rồi không cần chống cự, không phải buông dẹp, chỉ không theo nó thì nó tự tan. Thấy rõ được bản chất không thật của nó đó là trí tuệ, tu tập như vậy vừa nhẹ nhàng vừa không bệnh. Cho nên phải khéo biết cách tu, nếu không khéo sanh bệnh rồi đổ thừa tại tu mà thành bệnh.

Hoặc có người sợ rơi vào không, đâu ngờ trước đã sanh ra quý; không vẫn là không chẳng động, ngộ lại ngộ chẳng đến. Hoặc có người khởi tâm cầu ngộ, ngờ đâu cầu ngộ đạo mong thành Phật đều là đại vọng tưởng; cát không phải là cơm, cầu đến bao nhiêu năm quyết định cũng không ngộ.

Có người sợ bỏ hết vọng tưởng sẽ trở thành không ngộ, nên không chịu bỏ. Ngài nói, *sợ rơi vào không, đâu ngờ trước đã sanh ra quý*. Vì mình nuôi dưỡng những nghĩ tưởng, chính nghĩ tưởng đó là quý quái. *Không vẫn*

là không chẳng động, ngộ lại ngộ chẳng đến. Không ấy vốn thân nhiên chẳng động, mà mình không chịu ngộ được cái không đó.

Hoặc có người ngồi tu cứ trông cho ngộ, trông cho mau đắc quả, mà không biết rằng càng trông thì càng mất. Đây cũng là chướng, là bệnh. Cho nên khi tu đừng để tâm mong thành Phật, cũng không cầu được ngộ, mà chỉ cần buông vọng tưởng cho tâm thanh thoi, kết quả sẽ tự đến.

Hoặc có người chợt được yên tịnh một vài cây hương bèn sanh vui mừng, ấy chỉ là con rùa đen mù tìm bông cây, ngẫu nhiên đụng nhằm chẳng phải là công phu thật, ma vui mừng sớm đã nhập vào tâm vậy. Hoặc có người trong chỗ yên tịnh biết được thanh tịnh rất thích, trong chỗ động thì mất thanh tịnh, nhân đó tránh chỗ ồn náo tìm chỗ yên tịnh, ấy là đã sớm làm quyến thuộc của hai thứ ma vương động tịnh. Các người như vậy thật rất là nhiều. Kể sơ dụng tâm không thấu rõ đường lối tu tập thật là khó.

Lúc ngồi thiền vừa yên tịnh được chừng vài cây hương tưởng mình đạt đạo rồi, nhưng sự thật đó chỉ là cái bất thần chợt được, mình còn phải bao nhiêu thời gian công phu nữa mới xong, chứ không phải tới đây là đủ. Vừa yên một chút tưởng rằng đạt đạo, đó là sai lầm.

Chỗ này ngài dạy để chúng ta có kinh nghiệm trong sự tu. Như có người nhân ở trong thất hay ở chỗ tịnh được yên, không muốn ra ngoài sợ tiếp xúc với người này người kia bị động. Ngài nói ưa tịnh sợ động

cũng thuộc về ma vương; làm sao ở trong cảnh động hay tĩnh mà vẫn an nhiên, đó mới là thứ thiệt, còn sợ cái này tìm cái kia là chưa thật. Cho nên kẻ sơ tâm, tức là người mới tập tu thiền mà không thấu rõ đường lối tu tập thì thật là khó.

Có giác mà không chiếu thì tán loạn không thể “đến nhà”. Có chiếu mà không giác lại ngồi “chết chìm trong nước chết”.

Như vậy giác và chiếu khác nhau chỗ nào? *Có giác mà không chiếu thì tán loạn, không thể đến nhà.* Nếu cứ nhớ mình đang biết, đang thấy rõ những thứ đó là hư ảo không thật... đó là có giác mà không chiếu. Không chiếu tức là không quay lại nhìn thẳng vào nội tâm, mà cứ lo chạy ra ngoài để giác quán, nên bị tán loạn không thể đến nhà. Còn *có chiếu mà không giác, lại ngồi chết chìm trong nước chết.* Cứ quay lại mình mà không nhận ra được cái chân thật nơi mình, tức là có chiếu mà không giác, đó là chết chìm trong nước đọng.

+ *Sơ dụng tâm dễ - Buông xuống chỉ để một niệm*

Dụng công tuy nói khó, nhưng hiểu rõ đường lối lại rất dễ. Tại sao sơ dụng tâm là dễ? Không có gì khéo, buông hết liền được. Buông hết cái gì? Buông hết tất cả vô minh phiền não. Làm sao buông hết được? Chúng ta coi thân này như chết vậy. Ông thử thử thấy chết bao nhiêu câu, nó cũng không phát giận, đánh mấy gậy nó cũng không chống cự, lúc sống ưa phá vô minh bây giờ cũng không phá, lúc sống ưa danh lợi khi này cũng không màng, lúc sống nhiều thứ tập nhiễm khi này không có,

cái gì cũng không phân biệt, cái gì cũng bỏ hết. Chư vị đồng tham thiền! Chúng ta mang xác thân này một phen hơi thở ra không trở lại bèn thành thân chết. Chúng ta sờ dĩ buông không hết, chỉ do xem thân này là trọng, sanh nhân ngã phải quá thương ghét thủ xả. Nếu nhận định thân này như thân chết, không quý trọng nó, không chấp nó là ngã thì có cái gì buông không hết?

Ngài dạy người mới tu thiền dụng tâm dễ là phải thấy thân này như thân chết, nhưng có ai dám thấy vậy không? Chúng ta chỉ thấy sống chứ không thấy chết. Thấy sống chưa đủ, mà còn thấy khôn thấy dại, tranh nhân tranh ngã, phải quá đủ thứ không buông xả được. Nếu thấy như thân chết thì ai chửi cũng không nhúc nhích, đánh cũng không cục cựa, làm gì cũng không động thì tu có gì là khó. Chúng ta đừng tưởng chuyện này mình không có phần. Ai có gan tu cũng có thể làm được.

Như tôi thường nói, người ta nói mình con chó, mình có thành con chó đâu mà sao lại giận? Giận người ta làm chi cho khổ. Vậy mà cứ giận! Nghe nói trâu chó liền cho là lời mắng chửi, rồi ăn thua đủ, phiền não cả ngày không bỏ. Lời nói bậy rỗng không vô nghĩa mà bám vào đó để phiền khổ, như vậy chúng ta có sáng suốt không? Không sáng suốt chút nào. Thử kiểm lại xem, có ai dám can đảm nghe nói những lời đó mà vẫn đứng vững, bình thản chẳng thay đổi nét mặt không? Chắc là chưa dám! Chúng ta luôn sống trong huyền hoặc hư dối, không thấy được lẽ thật mà cứ lo tự mãn, quả là không sáng suốt.

Ví dụ đầu năm gặp ai nói, năm nay cầu cho gia đình anh chị nghèo mạt rệp, nghe bực bội liền. Nếu chúc năm mới cầu cho gia đình anh chị thăng quan phát tài thì vui liền. Phải không? Nói thăng quan phát tài hay nghèo mạt rệp cũng chỉ là lời nói suông, đâu phải do người ta nói mà thành có. Tại sao nghe câu này thì buồn giận, nghe lời kia thì vui cười! Chúng ta luôn sống trong sự giả dối nên thường bị lừa đảo. Người ghét thì họ nói những lời nặng nề cho mình bực bội khổ sở, kẻ muốn gạt gẫm thì họ nói những điều hay hay cho mình mừng nghe theo. Nếu nghe cầu chúc nghèo giàu gì đều hiểu đó là chuyện bình thường, tùy phước tùy duyên biết đâu mà lường, không mừng không sợ thì không ai lừa dối được. Người thế gian ai cũng nói mình khôn mình sáng, mà gặp việc thì không sáng không khôn. Mâu thuẫn vô cùng! Cho nên người học đạo phải chuộng lẽ thật, sống với lẽ thật. Biết rõ điều gì không quan trọng, lời nói nào hư dối vô nghĩa không có giá trị thì bỏ qua hết. Như vậy gặp việc mới bình an, tu hành dễ được kết quả.

Tu không phải khó mà khó là vì chúng ta mê lầm, nuôi dưỡng theo những ảo giác. Mong người khen, mong chức lớn, được giàu sang. Sợ già, sợ bệnh, sợ chết... Nhưng những việc này chúng ta có mong muốn được không, có tránh được không mà sợ? Cho nên phải cẩn thận nhìn đúng sự thật, đừng theo ảo tưởng để một đời phải chìm trong đau khổ. Nếu chúng ta nhận đúng lẽ thật, biết rõ rồi thì sự tu hành không có gì khó.

Chỉ cần buông được hết, trong hai mươi bốn giờ đi đứng ngồi nằm, động tịnh rảnh rang bận rộn, toàn thân trong ngoài chỉ là một niệm nghi, bình thân không dứt niệm nghi, không chen niệm nào khác. Một câu thoại đầu như nương Ý Thiên trường kiếm, ma đến ma chết, Phật đến Phật chết, không sợ vọng tưởng thì có cái gì phá hại ta được? Có cái gì phân động phân tịnh, có cái gì chấp hữu chấp không? Như quả thật sợ vọng tưởng, ấy là chồng thêm một lớp vọng tưởng. Biết mình thanh tịnh thế là đã không thanh tịnh. Sợ rơi vào không, chính đã rớt trong có. Tưởng thành Phật, đã vào đường ma. Nên nói: “Bữa củi gánh nước đâu không phải diệu đạo, cày ruộng cuốc đất đều là thiên cơ.” Không phải trong khi ngồi kiết già mới gọi là dụng công tu hành.

Ngài nói về khán thoại đầu, nếu chúng ta tu biết vọng tưởng thì cần rõ niệm nào cũng là vọng tưởng, đừng để cho mình dính kẹt. Còn người niệm Phật, đi đứng nằm ngồi hằng nhớ niệm Phật, không có một niệm khác. Chúng ta tu mà được như vậy thì việc tu rất dễ.

b. Lão dụng tâm khó dễ

+ Lão dụng tâm khó - Đầu sào trăm thước không thể tiến bước

Thế nào là lão dụng tâm khó? Lão dụng tâm đến giai đoạn chân nghi hiện tiền, có giác có chiếu vẫn thuộc sanh tử, không giác không chiếu lại rơi vào không vong, đến cảnh giới này thật là khó. Đa số người đến chỗ này vượt qua không khỏi, đứng trên đầu sào trăm thước

không có cách nào tiến bước. Có một số người nhân đến cảnh giới này, trong định phát chút ít tuệ hiểu sơ lược một ít công án của cổ nhân, liền bỏ hết nghi tình, tự cho là đại triệt đại ngộ, ngâm thơ vịnh phú, nhướng mày chớp mắt, xưng là thiện tri thức, thật không biết mình đã rơi vào bè đảng của ma. Lại có người hiểu lầm ý nghĩa câu của Đạt-ma lão nhân nói: “Ngoài dứt các duyên, trong tâm không xao động, tâm như vách tường có thể vào đao” và câu của Lục Tổ nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa”, bèn cho ngồi như cây như đá là hay tuyệt. Hạng người này cho Hóa thành là Bảo sở, nhận xứ người cho là quê hương, thật là chỗ Bà tử đốt am và mắng “Các người là người chết”.

Lão dụng tâm khó là tại sao? Vì tới chỗ cứu cánh khó vượt qua. Như trong mười mục chần trâu, còn trâu thì người chần nhìn thấy trâu nằm hay đi đứng, nhưng đến khi trâu hết thằng chần không còn thì lúc đó làm sao? Đây là giai đoạn rất khó, dễ bị mắc kẹt chết chìm, phải biết để vượt qua chứ không nên dừng ở đó. Đây là chỗ khó của lão dụng tâm.

+ Lão dụng tâm dễ - Cứ miên mật đi!

Thế nào là lão dụng tâm dễ? Đến lúc này chỉ cần không tự mãn, không bỏ nửa chừng, thâm thâm kín kín dụng công, trong thâm kín lại thâm kín, trong vi tế lại vi tế, khi thời tiết đến đáy thùng tự bể (đại ngộ). Nếu không tự bể, nhờ thiện hữu tri thức nhỏ định rút chốt cho.

Đại sĩ Hàn Sơn có bài tụng:

*Chót vót trên đỉnh núi,
Bốn phía không mé bờ.
Ngồi tịnh chẳng ai biết,
Suối lạnh vàng trắng soi.
Trong suối vốn không trăng,
Trời xanh trắng xa thăm.
Ngâm một bài ca này,
Trong ca thiên chẳng có.*

Hai câu đầu nói cái chân thường bày hiện, không thuộc một cái gì, sáng chiếu khắp đại địa không một mây chướng ngại. Bốn câu kế nói chân như diệu thể phàm phu hẳn không thể biết, ba đời chư Phật cũng tìm không được chỗ nơi của ta, nên nói: “chẳng ai biết”; ba câu “Suối lạnh vàng trắng soi v.v...” là Lão nhân dùng phương tiện ví dụ cảnh giới ấy. Hai câu rốt sau, sợ người nhận lầm ngón tay là mặt trăng, nên đặc biệt cảnh giác chúng ta “phàm có nói năng không phải là thiên”.

Bài kệ của Hàn Sơn diễn tả chỗ đến của người tu.

Hai câu đầu: Chót vót trên đỉnh núi, bốn phía không mé bờ. Đến chỗ tột cùng thì không còn ranh vức, không có gì ngăn trở nữa. Bốn câu sau: Ngồi tịnh chẳng ai biết, suối lạnh vàng trắng soi. Trong suối vốn không trăng, trời xanh trắng xa thăm. Chỗ chúng ta đến hoàn toàn thanh tịnh, chỗ đó Phật cũng không biết hướng nữa là ai. Cảnh thanh tịnh như vàng trắng soi sáng suối lạnh.

Trăng không phải từ trong suối mà có, ngẩng nhìn bầu trời trong, thấy vầng trăng xa thẳm. Cho nên *Ngâm một bài ca này, trong ca thiên chẳng có*. Ngâm lên bài ca, trong lời ca ngâm hay trong lời nói không có thiên, vì còn có nói năng thì không phải là thiên.

Đó là chỗ dễ của lão dụng tâm.

III- KẾT LUẬN

Chính tôi mới nói ở trên cũng là gỡ rối chỉ đường mà thôi. Phàm có nói năng đều không phải thật nghĩa. Cổ đức tiếp độ người, nếu không đánh thì nạt, đâu có vẽ bày lãng xãng vậy. Chẳng qua người nay không thể sánh với người xưa, miễn cưỡng dùng tay chỉ mặt trăng. Chư vị đồng tham thiên! Cứu cánh ngón tay là gì? Mặt trăng là gì? Hãy tham đi!

Ngày nay giảng đông giảng tây đủ thứ, chẳng qua cũng là phương tiện dùng ngón tay chỉ mặt trăng mà thôi, còn cái thật đó là của mỗi người tự thấy tự biết, chứ không ai chỉ ra được hết.



PHẦN III

LỜI NHẮC KHI THAM THIỀN

Chánh văn:

Tâm tức là Phật, Phật tức là giác. Một cái giác tánh này chúng sanh và Phật bình đẳng không sai biệt; rỗng lặng trọn không có một vật, không thọ một pháp, không thể tu chứng; sáng suốt mà đầy đủ muôn đức, diệu dụng hằng sa không nhờ tu chứng. Chỉ vì chúng sanh mê muội trầm luân sanh tử trải qua rất nhiều số kiếp, tham, sân, si, ái, vọng tưởng chấp trước nhiễm ô đã sâu dày, bất đắc dĩ mới nói tu nói chứng. Thế nên, nói “tu” cố nhân cho là một việc chẳng lành, không cách nào hơn mới tạm dùng vậy thôi.

Thứ nói nhập thất. Quý vị nhập thất trải qua hai mươi một ngày. Trong hai mươi một ngày xét ra thân tâm có phần thuần thực, dụng công sánh với trước

được dễ dàng. Quý vị cố gắng đừng để nhân duyên qua mất. Cần yếu trong hai mươi một ngày làm sao cho được nước rút đá lộ, phát minh tâm địa mới khỏi cô phụ cái cơ duyên khó gặp này.

Hơn hai mươi ngày nay, quý vị từ sáng đến tối thức sớm ngủ trễ, nỗ lực dụng công, kết quả không ngoài bốn thứ cảnh giới:

1. Có người đường lối không thông, câu thoại đầu khán không đến, mơ mơ màng màng theo chúng ngủ gật, không bị vọng tưởng lăng xăng thì bị hôn trầm lôi kéo.

2. Có người khán đến câu thoại đầu, có chút ít hiểu bèn chấp chặt, chỉ là nắm chết cứng hòn gạch gõ cửa, niệm chấp câu thoại đầu “Niệm Phật là gì?”, thành ra niệm thoại đầu, cho như thế là khởi nghi tình được khai ngộ. Đâu biết đó là dụng tâm tại thoại vĩ. Nó là pháp sanh diệt không thể đến được chỗ một niệm không sanh, tạm dùng còn khả dĩ, nếu chấp cho là cứu cánh thật pháp thì mong gì có ngày ngộ đạo? Gần đây trong thiền tông sở dĩ không có người đạt đạo, phần nhiều do lầm dụng tâm tại thoại vĩ.

3. Có người hiểu khán thoại đầu, hay chiếu cố đến hiện tiền một niệm không sanh. Hoặc hiểu niệm Phật là tâm, tức từ chỗ một niệm phát khởi này thẳng khán đến tâm tướng vô niệm. Theo dõi lần đến chỗ tịch tịnh, những vọng tưởng thô đã dứt, được khinh an, liền có các cảnh giới phát hiện.

Hoặc không biết thân tâm mình đang ngồi chỗ nào. Hoặc biết thân được nhẹ nhàng có thể bay bổng lên trên. Hoặc thấy người, vật đẹp đáng yêu nên sanh tâm hoan hỷ. Hoặc thấy cảnh giới đáng sợ, khởi tâm kinh khủng. Hoặc khởi tâm dâm dục v.v... Nhiều thứ không phải một, cần biết đó đều là ma, chấp nó bèn thành bệnh.

4. Có người nghiệp chướng nhẹ nhàng, đường lối rành rõ, dụng công đúng cách, tiến đúng phương pháp, tâm được thanh tịnh sáng suốt, tất cả vọng tưởng đều dứt, thân tâm tự tại không có cảnh giới nào khác. Đến chỗ này chán khởi tinh thần theo đường lối trước dụng công, chỉ phải chú ý “cây khô trước hang nhiều lối tẽ”. Có khi đến chỗ này, rồi dừng trụ trong hôn trầm. Có khi đến chỗ này được chút ít tuệ giải, rồi làm thi làm văn, tự cho là đầy đủ, khởi cống cao ngã mạn.

Bốn cảnh giới trên đều là bệnh, tôi sẽ chỉ quý vị phương thuốc đối trị.

1. Như người câu thoại đầu khán không đến, nhiều vọng tưởng hôn trầm, ông nên khán lại chữ gì trong câu “Niệm Phật là gì?”. Khán đến khi nào vọng tưởng hôn trầm còn ít, chữ gì không quên, liền khán đến chỗ một niệm mới phát khởi. Ở đó đợi đến lúc một niệm không khởi tức là được không sanh. Hay khán đến một niệm không sanh, gọi là chân khán thoại đầu.

2. Người chấp chặt câu “Niệm Phật là gì?”, dụng tâm tại thoại vĩ, lấy pháp sanh diệt cho là phải,

cũng nên theo ý tứ tôi đã chỉ ở trên, tức là nhắm chỗ một niệm phát khởi, khán đến một niệm không sanh.

3. Người quán vô niệm đã được tịch tịnh khinh an mà gặp những cảnh giới khác lạ, ông nên chiếu cố câu thoại đầu cũ, một niệm không sanh, Phật đến Phật chết, ma đến ma chết, một bề không để ý đến, tự nhiên vô sự không rơi vào chúng tà.

4. Người vọng niệm đã dứt, thanh tịnh sáng suốt thân tâm tự tại, nên như cổ nhân nói: “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” Do một bề tiến đến chỗ cùng cực, thẳng tiến lên ngọn núi cao chót vót đứng, xuống tận đáy biển sâu thăm thẳm đi, lại buông tay ngang dọc.

Trở về trước đã nói, đều là đối với người độn căn trong thời mạt pháp mà chỉ phương pháp. Kỳ thật tông môn thượng thượng nhất thừa này chỉ thú do đức Bổn sư Thích-ca-mâu-ni ở trong hội Linh Sơn đưa cành hoa sen lên, biểu thị là Giáo ngoại biệt truyền. Trải qua chư vị tổ sư chỉ truyền tâm, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, không rơi vào giai cấp, không nhờ tu chứng. Trong một lời nói, hoặc nửa câu liền thấu rõ không một pháp có thể được, không một pháp có thể tu, liền đó không khởi vọng duyên tức là như như Phật, đâu cần học nhiều câu ư?

Giảng:

Tâm tức là Phật, Phật tức là giác. Một cái giác tánh này chúng sanh và Phật bình đẳng không sai biệt;

rỗng lặng trọn không có một vật, không thọ một pháp, không thể tu chứng; sáng suốt mà đầy đủ muôn đức, diệu dụng hằng sa không nhờ tu chứng. Chỉ vì chúng sanh mê muội trầm luân sanh tử trải qua rất nhiều số kiếp, tham, sân, si, ái, vọng tưởng chấp trước nhiễm ô đã sâu dày, bất đắc dĩ mới nói tu nói chứng. Thế nên, nói “tu” cổ nhân cho là một việc chẳng lành, không cách nào hơn mới tạm dùng vậy thôi.

Thứ nói nhập thất. Quý vị nhập thất trải qua hai mươi một ngày. Trong hai mươi một ngày xét ra thân tâm có phần thuần thực, dụng công sánh với trước được dễ dàng. Quý vị cố gắng đừng để nhân duyên qua mất. Cần yếu trong hai mươi một ngày làm sao cho được nước rút đá lộ, phát minh tâm địa mới khỏi cô phụ cái cơ duyên khó gặp này.

Gọi là nhắc nhở tu cũng là gượng nói, vì chúng ta tập khí sâu dày nên Phật tổ bất đắc dĩ nói có tu có chứng, chứ sự thật ở ngay nơi chính mình, tự thấy tự biết rồi tự chỉnh sửa mà thôi.

Kế đến ngài nhắc những người tu nhập thất. Trong hai mươi một ngày đó, phải cố gắng tu làm sao như nước rút đá lộ. Dưới sỏi có đá nhưng do nước đầy nên không thấy, đến lúc nước rút cạn thì đá bày hiện ra. Cũng vậy, nếu chúng ta buông dẹp phiền não bớt rồi thì tâm chân thật hiện tiền.

Hơn hai mươi ngày nay, quý vị từ sáng đến tối thức sớm ngủ trễ, nỗ lực dụng công, kết quả không ngoài bốn thứ cảnh giới:

1. Có người đường lối không thông, câu thoại đầu khán không đến, mơ mơ màng màng theo chúng ngủ gật, không bị vọng tưởng lăng xăng thì bị hôn trầm lôi kéo.

2. Có người khán đến câu thoại đầu, có chút ít hiểu bèn chấp chặt, chỉ là nắm chết cứng hòn gạch gõ cửa, niệm chấp câu thoại đầu “Niệm Phật là gì?”, thành ra niệm thoại đầu, cho như thế là khởi nghi tình được khai ngộ. Đâu biết đó là dụng tâm tại thoại vĩ. Nó là pháp sanh diệt không thể đến được chỗ một niệm không sanh, tạm dùng còn khả dĩ, nếu chấp cho là cứu cánh thật pháp thì mong gì có ngày ngộ đạo? Gần đây trong thiên tông sử dĩ không có người đạt đạo, phần nhiều do lầm dụng tâm tại thoại vĩ.

3. Có người hiểu khán thoại đầu, hay chiếu cố đến hiện tiền một niệm không sanh. Hoặc hiểu niệm Phật là tâm, tức từ chỗ một niệm phát khởi này thẳng khán đến tâm tướng vô niệm. Theo dõi lần đến chỗ tịch tịnh, những vọng tưởng thô đã dứt, được khinh an, liền có các cảnh giới phát hiện. Hoặc không biết thân tâm mình đang ngồi chỗ nào. Hoặc biết thân được nhẹ nhàng có thể bay bổng lên trên. Hoặc thấy người, vật đẹp đáng yêu nên sanh tâm hoan hỷ. Hoặc thấy cảnh giới đáng sợ, khởi tâm kinh khủng. Hoặc khởi tâm dâm dục v.v... Nhiều thứ không phải một, cần biết đó đều là ma, chấp nó bèn thành bệnh.

4. Có người nghiệp chướng nhẹ nhàng, đường lối rành rõ, dụng công đúng cách, tiến đúng phương pháp, tâm được thanh tịnh sáng suốt, tất cả vọng tưởng

đều dứt, thân tâm tự tại không có cảnh giới nào khác. Đến chỗ này chán khởi tinh thần theo đường lối trước dụng công, chỉ phải chú ý “cây khô trước hang nhiều lối tẽ”. Có khi đến chỗ này, rồi dừng trụ trong hôn trầm. Có khi đến chỗ này được chút ít tuệ giải, rồi làm thi làm văn, tự cho là đầy đủ, khởi cống cao ngã mạn.

Ngài nói về bốn cảnh giới của người tu nhập thất. Thứ nhất là chỉ người không thông suốt đường lối, vào thất không tu chỉ lo ngủ gật, không tiến được chút nào. Hạng này tộ số một.

Thứ hai chỉ cho người khán thoại đầu có chút hiểu biết rồi chấp chặt. Như nói, niệm Phật là ai? Niệm Phật là gì? Lấy câu đó làm sở đắc, mà không biết đã thành thoại vĩ. Bởi vì nói thoại đầu là phải tìm tới trước khi dấy niệm, chứ không phải ở trên câu nói. Nếu cứ lặp đi lặp lại câu nói hoài thì gọi là khán thoại vĩ, tức là đuôi chứ không phải đầu.

Thứ ba là khi tu có chút công phu, những vọng tưởng thô đã dứt, được ít khinh an, có các cảnh giới phát hiện sanh ra mừng sợ, từ đó trở thành bệnh hoạn. Đó là sai lầm lớn lao khó mà ra được, nếu biết buông bỏ thì việc tu mới thành công.

Thứ tư là những người nghiệp chướng nhẹ mỏng, dụng công đúng cách nên tiến tu dễ dàng, thân tâm được thanh tịnh, rồi hài lòng tự mãn dừng trụ trong đó, hoặc làm văn làm thơ, khởi cống cao ngã mạn khinh người này chê người kia v.v... Hạng này cũng là bệnh chứ không phải giác ngộ giải thoát.

Bốn cảnh giới trên đều là bệnh, tôi sẽ chỉ quý vị phương thuốc đối trị.

1. Như người câu thoại đầu khán không đến, nhiều vọng tưởng hôn trầm, ông nên khán lại chữ gì trong câu “Niệm Phật là gì?” Khán đến khi nào vọng tưởng hôn trầm còn ít, chữ gì không quên, liền khán đến chỗ một niệm mới phát khởi. Ở đó đợi đến lúc một niệm không khởi tức là được không sanh. Hay khán đến một niệm không sanh, gọi là chân khán thoại đầu.

2. Người chấp chặt câu “Niệm Phật là gì?”, dụng tâm tại thoại vĩ, lấy pháp sanh diệt cho là phải, cũng nên theo ý tứ tôi đã chỉ ở trên, tức là nhắm chỗ một niệm phát khởi, khán đến một niệm không sanh.

3. Người quán vô niệm đã được tịch tịnh khinh an mà gặp những cảnh giới khác lạ, ông nên chiếu cố câu thoại đầu cũ, một niệm không sanh, Phật đến Phật chết, ma đến ma chết, một bề không để ý đến, tự nhiên vô sự không rơi vào chúng tà.

4. Người vọng niệm đã dứt, thanh tịnh sáng suốt thân tâm tự tại, nên như cổ nhân nói: “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” Do một bề tiến đến chỗ cùng cực, thẳng tiến lên ngọn núi cao chót vót đứng, xuống tận đáy biển sâu thăm thẳm đi, lại buông tay ngang dọc.

Chỗ này nói Phật đến Phật chết, ma đến ma chết, còn ngài Lâm Tế thì nói “gặp Phật giết Phật, gặp ma giết ma”. Bởi vì khi tu gặp các cảnh giới đẹp xấu, thuận nghịch đến đều phải buông, không nên chấp giữ.

Như đang ngồi thiền yên bỗng dưng thấy ma quái tới, hoặc thấy Phật xoa đầu... nên biết đó chỉ là bóng, ảo hóa không thật, *một bề không để ý đến, tự nhiên vô sự không rơi vào chúng tà*. Nếu không biết lầm nhận thì dễ sanh bệnh, tu không được.

Người vọng niệm đã dứt, *do một bề tiến đến chỗ cùng cực, thẳng tiến lên ngọn núi cao chót vót đứng, xuống tận đáy biển sâu thăm thẳm đi, lại buông tay ngang dọc*. Tức là phải đi tới chỗ tột cùng tự tại, không dừng kẹt ở một chặng đường nào, mới đến chỗ an lạc giải thoát.

Trở về trước đã nói, đều là đối với người độn căn trong thời mạt pháp mà chỉ phương pháp. Kỳ thật tông môn thượng thượng nhất thừa này, chỉ thú do đức Bồ sư Thích-ca-mâu-ni ở trong hội Linh Sơn đưa cành hoa sen lên, biểu thị là Giáo ngoại biệt truyền. Trải qua chư vị tổ sư chỉ truyền tâm, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, không rơi vào giai cấp, không nhờ tu chứng. Trong một lời nói, hoặc nửa câu liền thấu rõ không một pháp có thể được, không một pháp có thể tu, liền đó không khởi vọng duyên tức như như Phật, đâu cần học nhiều câu ư?

Nếu hiểu thấu được lời dạy của chư tổ, thì *liền thấu rõ không một pháp có thể được, không một pháp có thể tu*, chúng ta nghe có sợ không? Chỗ này chúng ta cần nghiên ngẫm thật kỹ. Phật tổ cốt chỉ dạy cho chúng ta biết mọi người đều sẵn có tánh giác chân thật, tánh giác ấy không do tạo dựng nên, cũng không phải do

gọt giũa mà được. Bởi tánh giác không phải ở đâu đến nên không thể gọi là được. Cần yếu là phải biết buông xả những cảnh duyên hư dối, đừng để vô minh phiền não che lấp thì tánh giác chân thật hiện tiền.

Đức Phật khi đi tu, ngài nguyện tu ngộ đạo để giáo hóa chúng sanh giải thoát sanh tử. Nhưng khi thành đạo dưới cội Bồ-đề, Phật không chịu đi giáo hóa, đợi chư thiên nài nỉ năm bảy phen ngài mới chấp thuận. Chúng ta hiểu rồi mới thấy việc này không có gì là mâu thuẫn, trái lạ. Bởi vì chỗ Phật thấy ngược với cái thấy của thế gian, nếu đem ra nói người ta đâu chịu nghe, cho nên ngài không muốn nói.

Tất cả kinh điển Phật dạy không phải để cho chúng ta đọc tụng suông mà mục đích là chỉ cho chúng ta nhận ra chân tâm, Phật tánh, hay trí tuệ Bát-nhã sẵn có nơi mỗi người. Cái của chính mình mà không chịu nhận, nên Phật dạy không nghe, Phật chỉ không tìm. Như đức Phật thấy thân này chỉ là một đồng như nhớp bẩn thủ kết tụ lại, không có giá trị. Nhưng người thế gian thì ai cũng thấy thân mình đẹp tốt, nếu nói như xấu họ không chấp nhận.

Đến việc tu cũng vậy, luôn muốn chúng được cái gì linh thiêng mầu nhiệm, nghe nói tu chỉ là trở về chân tâm của mình, không chúng không đắc thì làm sao họ tin được. Chúng ta bây giờ đa số bị các đạo lạ làm lầm là vì lẽ này. Nếu bảo tu muốn gì được nấy, muốn tiền có tiền, muốn sắc đẹp được sắc đẹp... thì tin theo liền, chỉ thỏa mãn những gì ham muốn mà không cần biết đúng sai,

tà chánh. Ngược lại Phật răn cấm không cho ham muốn nhiều, vì ham muốn nhiều thì đau khổ nhiều. Đó là lẽ thật nhưng lại trái hẳn thế gian. Cho nên phải năm bảy phen chư thiên nài thỉnh, Phật mới dùng phương tiện giáo hóa. Như vậy phương tiện giáo hóa chỉ là ngón tay chỉ trăng chứ không phải chân lý tột cùng. Nương ngón tay nhìn thấy mặt trăng mới hiểu được tinh thần của đạo Phật, còn bám vào ngón tay rồi tự mãn, cứ sống với lòng ham muốn chạy theo những ảo tưởng đâu đâu thì hoàn toàn không lợi ích.



PHẦN IV

ĐÊM TRỪ TỊCH UỐNG PHỔ TRÀ DẠY CHÚNG

Chánh văn:

Chư vị Thượng tọa! Đêm nay là ba mươi tháng Chạp rồi, đại chúng đều nhận đã một năm qua, Thường trụ không có món gì ngon cúng dường, xin thỉnh chư vị uống một chung trà. Chiếu theo sách lịch một năm có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông; mười hai tháng và hai mươi bốn tiết. Người đời hầu hết đều căn cứ theo thời tiết mà làm việc. Như nhà nông thì mùa xuân cày, mùa hạ bừa, mùa thu gieo, mùa đông gặt. Thợ thầy thì khởi công đình công. Buôn bán thì khai trương kết trương. Trường học thì tựu trường bãi trường. Chúng ta người xuất gia thì kết chế giải chế, thỉnh chức thối chức. Không một nghề nào mà chẳng căn cứ thời tiết làm việc.

Thông thường người ta cho cuối năm là rất quan trọng, cần phải thu nhật những việc đã làm trong năm tổng kết lại, đồng thời cần phải nghỉ mấy ngày.

Chúng ta có duyên lành hãnh diện ngày nay đồng ở tại Vân Môn bình yên qua một năm. Đó là nhờ Phật tổ Bồ-tát gia hộ và long thiên phù trì, cũng do chúng ta nhiều kiếp tài bồi công đức mới cảm được quả tốt này. Nhưng, chúng ta được bình yên qua năm không thể quên được những người đang sống trong thống khổ. Chúng ta không thể thích thú vui cười, cần phải tỉnh xét ăn năn sám hối, tinh tấn tu hành tự lợi lợi tha, khuếch trương phước tuệ. Những vị già, cái chết đến trong chớp mắt cần phải tinh tấn dũng mãnh tu hành. Những người trẻ, cũng không nên lững lơ qua ngày, phải biết con đường huỳnh tuyến không lựa già hay trẻ, mô hoang biết bao người trẻ tuổi. Tóm lại, tất cả đều sớm nỗ lực cầu thoát khỏi vòng sanh tử mới là thượng kế.

Chúng ta lâu nay mỗi ngày thường uống trà, tại sao hôm nay gọi “uống phổ trà”? Ấy là do lòng nhân từ của tiên bối mượn uống trà để cảnh tỉnh môn đồ. Xưa lão nhân Triệu Châu đạo đức cao siêu, học giả mười phương đến tham học rất đông. Một hôm, có hai vị tăng mới đến, Triệu Châu chỉ một vị hỏi: “Thượng tọa từng đến đây chưa?” Vị tăng thưa: “Chưa từng đến.” Triệu Châu bảo: “Uống trà đi!” Lại hỏi vị tăng khác: “Từng đến đây chưa?” Vị tăng ấy thưa:

“Đã từng đến đây.” Triệu Châu bảo: “Uống trà đi!” Viện chủ bạch: “Người chưa từng đến dạy uống trà còn có thể được, người đã từng đến vì sao cũng dạy uống trà đi?” Triệu Châu gọi “Viện chủ!” Viện chủ đáp: “Dạ!” Triệu Châu bảo: “Uống trà đi!” Như thế, cả ba người đều được lợi ích. Sau này truyền khắp thiên hạ “Trà Triệu Châu”. Lại như tổ Vân Môn ở đây, có một học giả đến yết kiến, ngài bèn cầm cái bánh đưa lên, học giả liền lãnh hội. Do đó thiên hạ lưu truyền “Bánh Vân Môn”, “Trà Triệu Châu”. Hiện giờ chư vị uống trà, ăn bánh đã ngộ chưa? Nếu như chưa ngộ, phải dùng cách hỏi: “Uống trà là gì?”, “Ăn bánh là gì?” Đại để người xưa mỗi niệm hợp đạo, mỗi bước đều vô sanh, nên trải qua một câu cảnh tỉnh liền được ngộ đạo. Người nay phạm hạnh chưa trong sạch thường ở trong động, mỗi niệm sanh diệt che lấp sâu dày, làm sao chỉ dạy pháp, cũng không giáo hóa người khác. Cho nên chư vị phải buông hết tất cả, không cho phàm tình vọng niệm làm nhiễm ô chân tâm sáng suốt của mình. Cổ nhân nói: “Chỉ dứt hết phàm tình, không riêng có thánh giải.” Các ông nay uống trà, nếu không biết hương vị của trà thì đồng cây đá, nếu biết hương vị của trà, ấy là phàm phu. Làm sao bỏ được hai bên có và không này, đó là bốn phạm của tăng sĩ vậy. Tuy nhiên, siêu thoát hai cái hiểu biết này vẫn còn sinh hoạt trong hang quỷ. Các ông phải kỹ càng “Buông hết thân tâm, chớ theo các cơ quan mà chuyển động”, ngay đó tham đi!

Giảng:

Chư vị Thượng tọa! Đêm nay là ba mươi tháng Chạp rồi, đại chúng đều nhận đã một năm qua, Thường trụ không có món gì ngon cúng dường, xin thỉnh chư vị uống một chung trà. Chiếu theo sách lịch một năm có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông; mười hai tháng và hai mươi bốn tiết. Người đời hầu hết đều căn cứ theo thời tiết mà làm việc. Như nhà nông thì mùa xuân cày, mùa hạ bừa, mùa thu gieo, mùa đông gặt. Thợ thầy thì khởi công đình công. Buôn bán thì khai trương kiết trướng. Trường học thì tựu trường bãi trường. Chúng ta người xuất gia thì kiết chế giải chế, thỉnh chức thôi chức. Không một nghề nào mà chẳng căn cứ thời tiết làm việc. Thông thường người ta cho cuối năm là rất quan trọng, cần phải thu nhật những việc đã làm trong năm tổng kết lại, đồng thời cần phải nghỉ mấy ngày.

Chúng ta có duyên lành hãn diện ngày nay đồng ở tại Vân Môn bình yên qua một năm. Đó là nhờ Phật tổ Bồ-tát gia hộ và long thiên phù trì, cũng do chúng ta nhiều kiếp tài bồi công đức mới cảm được quả tốt này. Nhưng, chúng ta được bình yên qua năm không thể quên được những người đang sống trong thống khổ. Chúng ta không thể thích thú vui cười, cần phải tỉnh xét ăn năn sám hối, tinh tấn tu hành tự lợi lợi tha, khuếch trương phước tuệ. Những vị già, cái chết đến trong chớp mắt cần phải tinh tấn dũng mãnh tu hành. Những người trẻ, cũng không nên lững lơ qua ngày, phải biết con đường huỳnh tuyên không lựa già

hay trẻ, mô hoang biết bao người trẻ tuổi. Tóm lại, tất cả đều sớm nỗ lực cầu thoát khỏi vòng sanh tử mới là thượng kế.

Vân Môn ở gần Thiều Quan, từ Tào Khê lên đó hơn sáu mươi cây số. Đêm trừ tịch là đêm ba mươi tết, ngài nhắc chúng gắng nỗ lực tu hành. Qua một năm, người già thì cái chết kề bên, còn người trẻ cũng không hiếm gì mô tuổi trẻ. Chết không từ bỏ ai, tới thì phải chịu thôi. Cho nên đừng xem thường mà lơ lửng qua ngày, phải cầu thoát ly sanh tử mới được.

Chúng ta lâu nay mỗi ngày thường uống trà, tại sao hôm nay gọi “uống phổ trà”? Ấy là do lòng nhân từ của tiền bối mượn uống trà để cảnh tỉnh môn đồ. Xưa lão nhân Triệu Châu đạo đức cao siêu, học giả mười phương đến tham học rất đông. Một hôm, có hai vị tăng mới đến, Triệu Châu chỉ một vị hỏi: “Thượng tọa từng đến đây chưa?” Vị tăng thưa: “Chưa từng đến.” Triệu Châu bảo: “Uống trà đi!” Lại hỏi vị tăng khác: “Từng đến đây chưa?” Vị tăng ấy thưa: “Đã từng đến đây.” Triệu Châu bảo: “Uống trà đi!” Viện chủ bạch: “Người chưa từng đến dạy uống trà còn có thể được, người đã từng đến vì sao cũng dạy uống trà đi?” Triệu Châu gọi “Viện chủ!” Viện chủ đáp: “Dạ!” Triệu Châu bảo: “Uống trà đi!” Như thế, cả ba người đều được lợi ích. Sau này truyền khắp thiên hạ “Trà Triệu Châu”.

Như vậy ngài Triệu Châu dạy đạo lý gì? Người mới tới lần đầu, dạy *uống trà đi!* Người tới nhiều lần, cũng dạy *uống trà đi!* Viện chủ hỏi, ngài cũng bảo *uống trà đi!*

Để làm sáng tỏ câu chuyện này tôi dẫn thêm một đoạn, ngài Vô Trước lên Ngũ Đài Sơn tìm Bồ-tát Văn-thù. Vào động được mời uống trà, Bồ-tát Văn-thù đưa chung trà lên hỏi:

- Ở phương nam có cái này không?

Tưởng là hỏi cái chung, nên ngài đáp không có. Bồ-tát Văn-thù nói:

- Nếu không có, lấy gì uống trà?

Ngài Vô Trước giật mình. Hóa ra chỗ Bồ-tát Văn-thù hỏi không phải là chung trà, mà là cái “biết uống trà”.

Tất cả chúng ta người nào cũng có cái biết uống trà, biết ăn cơm, biết đi, biết lay... Vậy tại sao lại bỏ quên? Nếu khi uống trà chỉ biết uống, khi ăn cơm chỉ biết ăn thôi thì đâu có khổ. Bởi chúng ta chấp vào mùi vị ngon dở nên uống mà không biết uống, ăn cũng không biết ăn, thành ra quên mất cái thật. Cho nên ngài Triệu Châu không dạy gì hết, chỉ bảo uống trà đi. Bấy nhiêu đó là quá đủ rồi, cả ba vị nghe đều được lợi ích.

Lại như tổ Vân Môn ở đây, có một học giả đến yết kiến, ngài bèn cầm cái bánh đưa lên, học giả liền lãnh hội. Do đó thiên hạ lưu truyền “Bánh Vân Môn”, “Trà Triệu Châu”.

Cầm cái bánh đưa lên liền lãnh ngộ. Bảo uống trà, ăn bánh... có nói pháp gì đâu mà người học ngộ? Chúng ta cứ kiếm tìm pháp nào nghe siêu đẳng mới thích, còn những việc thực tế ngay nơi mình thì thấy tầm thường, mà không biết chính trong cái tầm thường đó lại ẩn chứa

cái chân thật sẵn có, hay nói cách khác là chân lý hết sức đơn giản. Nhưng nói tu mà nghe đơn giản quá không thích, nói “tu được chứng đắc, được nhập Niết-bàn”... mới chịu. Do đó cứ quanh quẩn trong từ ngữ, ngôn cú, hình tướng v.v... nên không tìm ra được lẽ thật.

Hiện giờ chư vị uống trà, ăn bánh đã ngộ chưa? Nếu như chưa ngộ, phải dùng cách hỏi: “Uống trà là gì?”, “Ăn bánh là gì?” Đại để người xưa mỗi niệm hợp đạo, mỗi bước đều vô sanh, nên trải qua một câu cảnh tỉnh liền được ngộ đạo. Người nay phạm hạnh chưa trong sạch thường ở trong động, mỗi niệm sanh diệt che lấp sâu dày, làm sao chỉ dạy pháp, cũng không giáo hóa người khác. Cho nên chư vị phải buông hết tất cả, không cho phàm tình vọng niệm làm nhiễm ô chân tâm sáng suốt của mình. Cổ nhân nói: “Chỉ dứt hết phàm tình, không riêng có thánh giải.”

Trong kinh Lăng-nghiêm, đức Phật dạy: *Chỉ dứt hết phàm tình, không riêng có thánh giải.* Thánh đã sẵn nhưng bị phàm tình che, bây giờ bỏ phàm tình thì thánh hiện ra thôi. Đơn giản! Vậy mà mình còn không muốn bỏ phàm tình, chỉ lo cầu được có thần thông phép lạ.

Các ông nay uống trà, nếu không biết hương vị của trà thì đồng cây đá, nếu biết hương vị của trà ấy là phàm phu. Làm sao bỏ được hai bên có và không này, đó là bốn phận của tăng sĩ vậy. Tuy nhiên, siêu thoát hai cái hiểu biết này vẫn còn sinh hoạt trong hàng quý. Các ông phải kỹ càng “Buông hết thân tâm, chớ theo các cơ quan mà chuyển động”, ngay đó tham đi!

Uống trà mà không biết hương vị thì giống như cây đá, còn uống mà biết hương vị ngon dở thì đồng phạm phu, vậy làm sao đúng? Uống trà đi!

Buông hết thân tâm, chớ theo các cơ quan mà chuyển động. Dù cho khéo biết được những lời dạy này, cũng phải buông hết thân tâm, đừng theo các cơ quan mắt tai mũi lưỡi thân ý chuyển động dính mắc, ngay đây liền sáng ngời. Đó là chỗ đặc biệt.



PHẦN V

TU CÙNG KHÔNG TU

Chánh văn:

Giảng tu hành, giảng không tu hành đều là câu nói suông. Chúng ta thấu triệt tâm quang của mình rồi, liền đó không có một việc thì còn cái gì mà nói tu không tu. Thử xem chỗ hiển bày của đức Bốn sư Thích-ca-mâu-ni, xuất gia hỏi đạo, sau sáu năm khổ hạnh chứng đạo, khi sao mai mọc, ngài than: “Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước không thể chứng được. Nếu là vọng tưởng là Thanh tịnh trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí tự nhiên hiện tiền.” Về sau nói pháp bốn mươi chín năm, mà ngài tuyên bố: “Ta chưa từng nói đến một chữ.” Sau này, trải qua chư vị tổ sư một mạch truyền nối đều nhận định “Tâm, Phật, chúng sanh ba cái không khác”, “Chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật”.

Nói ngang, nói dọc, hoặc đánh, hoặc nạt đều vì đoạn trừ phân biệt vọng tưởng của học giả, cốt cho học giả thẳng đó “biết được bản tâm, thấy được bản tánh của mình”. Không nương vào một chút phương tiện nói tu nói chứng. Ý chỉ của Phật tổ, chúng ta đã thấy rõ ràng lắm vậy.

Một niệm tâm hiện tiền của chúng ta xưa nay vẫn thanh tịnh, vẫn tự đầy đủ, bủa trùm khắp giáp, diệu dụng hằng sa cùng với chư Phật ba đời không khác. Chỉ cần không nghĩ thiện, không nghĩ ác, không nghĩ gì cả, liền đó có thể thành Phật, ngồi một chỗ mà thiên hạ thái bình. Như thế, còn có hạnh nào đáng tu, giảng tu hành đâu không phải là câu nói suông. Nhưng một niệm tâm hiện tiền của chúng ta đang hướng ngoại tìm cầu, vọng tưởng chấp trước không thể rời được, từ vô thủy đến nay lưu chuyển trong sanh tử, vô minh phiền não nhiễm quá sâu dày, ban đầu không biết tự tâm là Phật, biết rồi cũng chẳng chịu thừa đương, không thể làm chủ được, không có cái dũng khí của người tráng sĩ chặt tay, hằng ngày ở trong vọng tưởng chấp trước. Người bậc thượng, trọn ngày làm thế này thế nọ, cầu thiên cầu đạo, mà không thể rời được hữu tâm. Người bậc hạ, tham sân si ái bền chặt không thể phá, chạy ngược với đạo. Hai hạng người này trầm luân trong sanh tử không biết chừng nào dứt, nếu giảng không tu hành đâu không phải lời nói suông?

Các bậc đại trượng phu nhận định đã thấu triệt, biết rõ muôn sự muôn vật xưa nay đều là giác mớ, huyền hóa, hòn bọt, cái bóng không có tự tánh,

nhân và pháp liền không, muôn duyên đều dứt, một niệm là muôn năm, thẳng đến chỗ vô sanh. Người bàng quan nhìn vào thấy bậc ấy cũng mặc áo, ăn cơm, đi đứng ngồi nằm như người thường. Đâu biết bậc ấy đang ngồi yên trong nhà thái bình thanh tịnh của mình, hưởng thụ kho báu vô tận, không khởi tâm không tạo tác, tự do tự tại, động tịnh đều là như như, lạnh hay nóng chỉ vị ấy tự biết mà thôi. Không những người, trời, quỷ thần trong tam giới lục đạo nhìn vị ấy không thấu, chính là chư Phật Bồ-tát cũng chẳng làm gì được người ấy. Đối với bậc này, còn nói cái gì là tu hành hay không tu hành?

Hạng kế đó, cần phải phát khởi chí hướng, thống thiết nhớ việc chết sống, phát tâm hổ thẹn, khởi hạnh tinh tấn, hỏi đạo và cố gắng tham thiền; thường cầu thỉnh các bậc thiện tri thức chỉ dạy lối tắt, phân biệt thế nào là chánh, là tà; tha thiết giữa mài, lấy nước sông Hán mà rửa, đem ra mặt trời Thu mà phơi, dần dần càng được tinh thuần trắng sạch. Với hạng người này không thể không nói tu hành.

Đã nói từ trước đến đây chẳng qua dời trên đổi dưới đều thuộc phương tiện tạm thời, người mắt sáng xem qua cốt nhận “vạch bùn lấy nước”. Song Tổ đình đã cuối thu, cách Phật ngày càng xa thẳm, vì ứng hợp căn cơ chúng sanh, bất đắc dĩ mới giảng giải thế này. Xét thật, giảng tu hành, giảng không tu hành đều là lời nói suông. Thẳng đó là vô sự, vốn không có một vật, đâu phiền mở miệng. Các Bồ-tát hội chẳng?

Giảng:

Giảng tu hành, giảng không tu hành đều là câu nói suông. Chúng ta thấu triệt tâm quang của mình rồi, liền đó không có một việc thì còn cái gì mà nói tu không tu. Thử xem chỗ hiển bày của đức Bổn sư Thích-ca-mâu-ni, xuất gia hỏi đạo, sau sáu năm khổ hạnh chứng đạo, khi sao mai mọc, ngài than: “Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước không thể chứng được. Nếu là vọng tưởng là Thanh tịnh trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí tự nhiên hiện tiền.”

Ngài dẫn kinh Hoa Nghiêm. Sau khi đức Phật thành đạo, ngài than: *Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước không thể chứng được. Nếu là vọng tưởng là Thanh tịnh trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí tự nhiên hiện tiền.* Đức Phật cũng từng tuyên bố “Ta học đạo không thầy”. Bởi vì khi thanh tịnh rồi thì tâm chân thật hiện tiền, mà trong đây Phật gọi là Tự nhiên trí, Thanh tịnh trí, Vô sư trí, là trí sẵn có của chính mình chứ không phải ai đem cho mình. Tại sao chúng ta cũng có trí đó mà không hiện? Vì vọng tưởng điên đảo. Cho nên khi tu, vọng tưởng khởi lên buông bỏ không theo là một cách để cho trí tuệ hiện tiền. Lời Phật dạy chỉ thẳng cho biết cái thật, nhưng vì chúng ta dễ quên hoặc không quan tâm, nên khiến cho cái thật cứ cách xa mình.

Về sau nói pháp bốn mươi chín năm, mà ngài tuyên bố: “Ta chưa từng nói đến một chữ.”

Phật nói pháp bốn mươi chín năm mà lại tuyên bố *Ta chưa từng nói một chữ*. Tại sao? Vì tất cả pháp ngài nói đều là phương tiện, chứ không phải cái thật. Cái thật của mọi người nói không tới, chỉ không được, cho nên mượn ngón tay cốt để chỉ mặt trăng mà thôi.

Sau này, trải qua chư vị tổ sư một mạch truyền nối đều nhận định “Tâm, Phật, chúng sanh, ba cái không khác”, “Chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật”. Nói ngang, nói dọc, hoặc đánh, hoặc nạt đều vì đoạn trừ phân biệt vọng tưởng của học giả, cốt cho học giả thẳng đó “biết được bản tâm, thấy được bản tánh của mình”. Không nương vào một chút phương tiện nói tu nói chứng. Ý chỉ của Phật tổ, chúng ta đã thấy rõ ràng lắm vậy.

Phật và chúng sanh đều cùng có tâm này, ngộ là Phật mà quên thì làm chúng sanh. Lời của Phật tổ chỉ dạy hết sức rõ ràng cụ thể, do chúng ta mê chấp nên không tin đến được.

Một niệm tâm hiện tiền của chúng ta xưa nay vẫn thanh tịnh, vẫn tự đầy đủ, bữa trùm khắp giáp, diệu dụng hằng sa cùng với chư Phật ba đời không khác. Chỉ cần không nghĩ thiện, không nghĩ ác, không nghĩ gì cả, liền đó có thể thành Phật, ngồi một chỗ mà thiên hạ thái bình.

Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, đừng nghĩ gì hết mà thấy nghe hiểu biết rõ ràng. Nghe dễ như trở bàn tay mà sao chúng ta thấy khó khăn, không làm được? Suy nghĩ là quyền của mình, mình có quyền nghĩ và có quyền dừng. Nhưng vì chúng ta đã quen nghĩ tưởng,

nên chỉ biết nghĩ mà không biết dừng, bảo dừng nghĩ tưởng thì hoảng sợ không làm được, vì vậy việc tu trở thành khó khăn.

Như thế, còn có hạnh nào đáng tu, giảng tu hành đâu không phải là câu nói suông.

Buông hết dừng nghĩ tưởng thì có gì để tu. Thông thường nói tu là phải tu hạnh này hạnh kia, như tu hạnh nhẫn nhục, bố thí, trì giới v.v... Nhưng phải biết, tu những hạnh đó là để bổ túc cho cái dừng nghĩ tưởng, cội gốc là phải buông hết những suy nghĩ. Vọng tưởng không chịu buông thì dù tu hạnh nào cũng không tới đâu. Ví dụ có người thương chúng sanh phát tâm bố thí, nhưng nếu có điều gì trái nghịch thì nổi sân liền. Từ bi là Phật, nổi sân là ma. Ma và Phật kề một bên. Chúng ta chưa thật từ bi, vì chưa làm chủ được tâm mình. Khi nào muốn nghĩ thì nghĩ, không muốn thì dừng thì khi ấy không cần ngồi thiền vẫn luôn an định, tới lui làm tất cả việc mà không dấy động, an nhàn thông thả.

Nhưng một niệm tâm hiện tiền của chúng ta đang hướng ngoại tìm cầu, vọng tưởng chấp trước không thể rời được, từ vô thủy đến nay lưu chuyển trong sanh tử, vô minh phiền não nhiễm quá sâu dày, ban đầu không biết tự tâm là Phật, biết rồi cũng chẳng chịu thừa đương, không thể làm chủ được, không có cái dũng khí của người tráng sĩ chặt tay, hằng ngày ở trong vọng tưởng chấp trước. Người bậc thượng, trọn ngày làm thế này thế nọ, cầu thiền cầu đạo, mà không thể rời được hữu tâm. Người bậc hạ, tham sân si ái bèn chặt không thể phá,

chạy ngược với đạo. Hai hạng người này trầm luân trong sanh tử không biết chừng nào dứt, nếu giảng không tu hành đâu không phải lời nói suông?

Trước không biết thì thôi, bây giờ được nghe được biết rồi thì cần có dũng khí của tráng sĩ chặt tay, tức phải như tổ Huệ Khả, dám liều chết để cầu đạo. Việc này chúng ta không thừa được, vì thiếu dũng khí và chỉ lo hưởng ngoại tìm cầu.

Các bậc đại trượng phu nhận định đã thấu triệt, biết rõ muôn sự muôn vật xưa nay đều là giấc mơ, huyễn hóa, hòn bọt, cái bóng không có tự tánh, nhân và pháp liền không, muôn duyên đều dứt, một niệm là muôn năm, thẳng đến chỗ vô sanh. Người bàng quan nhìn vào thấy bậc ấy cũng mặc áo, ăn cơm, đi đứng ngồi nằm như người thường. Đâu biết bậc ấy đang ngồi yên trong nhà thái bình thanh tịnh của mình, hưởng thụ kho báu vô tận, không khởi tâm, không tạo tác, tự do tự tại, động tịnh đều là như như, lạnh hay nóng chỉ vị ấy tự biết mà thôi. Không những người, trời, quỷ thần trong tam giới lục đạo nhìn vị ấy không thấu, chính là chư Phật Bồ-tát cũng chẳng làm gì được người ấy. Đối với bậc này, còn nói cái gì là tu hành hay không tu hành?

Bậc đại trượng phu thì thấy rõ tất cả pháp như huyễn hóa không thật nên không một niệm dính mắc. Không dính mắc tức một niệm muôn năm, thẳng đến chỗ vô sanh. Đối với người này thì cần gì nói tu hành. Không nói tu hành mà có tu hành không? Thông thường cho rằng tu là ăn chay nhiều ít, giữ được mấy giới, tham sân si bỏ được bao nhiêu v.v... Tại vì chúng ta dính mắc

nên phải gỡ lần lần, đôi khi năm giới giữ còn không tròn, vì vậy mà phải nói tu. Nếu buông xả được tất cả trọn không dính thì đâu cần nói tu làm gì nữa.

Hạng kế đó, cần phải phát khởi chí hướng, thống thiết nhớ việc chết sống, phát tâm hổ thẹn, khởi hạnh tinh tấn, hỏi đạo và cố gắng tham thiền; thường cầu thỉnh các bậc thiện tri thức chỉ dạy lối tắt, phân biệt thế nào là chánh, là tà; tha thiết giữa mài, lấy nước sông Hán mà rửa, đem ra mặt trời Thu mà phơi, dần dần càng được tinh thuần trắng sạch. Với hạng người này không thể không nói tu hành.

Đã nói từ trước đến đây chẳng qua dời trên đổi dưới đều thuộc phương tiện tạm thời, người mắt sáng xem qua cốt nhận “vạch bùn lấy nước”. Song Tổ đình đã cuối thu, cách Phật ngày càng xa thẳm, vì ứng hợp căn cơ chúng sanh, bất đắc dĩ mới giảng giải thế này. Xét thật, giảng tu hành, giảng không tu hành đều là lời nói suông. Chẳng đó là vô sự, vốn không có một vật, đâu phiền mở miệng. Các Bồ-tát hội chẳng?

Ngài gọi tất cả chúng là Bồ-tát, các ngài có hiểu không? Tu hành mỗi ngày phải mài giữa, phải cố gắng. Tuy chưa buông hết được, nhưng nếu chịu gỡ từ từ mỗi ngày một ít thì việc tu hành cũng được tăng tiến. Đến đây là kết thúc những lời nhắc nhở tu hành của ngài Hư Vân.

Phần tôi, trong mấy năm qua mỗi tháng tôi giảng một lần, từ quyển Thiền Tông Vĩnh Gia Tập, Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn, Truyền Gia Bảo Thiền Tông

Trực Chỉ, Tọa Thiền Dụng Tâm Ký, cho đến quyển Tham Thiền Yếu Chỉ này. Tất cả những gì tôi nói cũng là ảo hóa không thật, cốt yếu là muốn nhắc qua một chút phương tiện để mọi người tiến tu, biết nhận ra cái thật ngay nơi mỗi người và biết sống trở lại với cái thật đó, đừng chạy ra bên ngoài tìm cầu nữa.

Việc tu không phải chỉ riêng hàng xuất gia, mà Phật tử cũng cần khéo tu, khéo sống với đạo, vượt ra ngoài những thứ khổ ải mà mỗi người đang bị nhấn chìm. Các vị đã là Phật tử, đừng để người khác gọi mình là tín đồ đạo Phật. Bởi vì đạo Phật là đạo giác ngộ, Chúng ta học đạo giác ngộ thì tự mình phải là người giác, dù mới giác nhỏ nhỏ thôi nhưng cũng có giác, nên mới được gọi là Phật tử. Nên nhớ, giác chứ không phải tin. Do giác mới buông xả cố chấp, mới thấy được những sai lầm để từ bỏ. Như vậy tu tiến được là nhờ có giác, chứ không phải chỉ tin suông. Nếu tu mà không giác thì dù tu bao lâu cũng là tu mù, vì thiếu sự sáng suốt. Trước kia chưa học đạo chúng ta như người mù, bây giờ học đạo rồi ít ra cũng sáng được đôi phần, hoặc ai giỏi hơn thì sáng luôn càng quý, chứ đừng mê mờ như cũ. Mong tất cả cố gắng tinh tấn tu hành.

